Thư Quán

Bản thảo

Giới thiệu nhà thơ
Trần Dzạ Lữ
qua bài viết của
Nguyễn Vy Khanh
Trần Doãn Nho
Lương Thư Trung
Trần Yên Hòa
Cung Tích Biền, Huy Tưởng,
Tường Linh, Vũ Hữu Định...

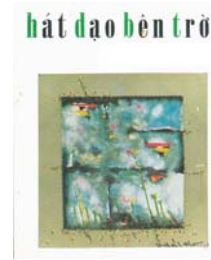

Những năm tháng cuồng nộ
truyện dài của
Khuất Đẩu (VN)
trg 157
(trích)

Truyện mới
Lê Nam Phương,
Nguyên Minh,
Trần Hoài Thư
Phạm văn Nhàn
Nguyễn Lệ Uyên
Trần Mộng Tú

Sưu tập:
Cao Huy Khanh: Vấn Đề Khuynh Hướng Trong Tiểu Thuyết Miền Nam 1954 đến 1973

● Thơ của nhiều tác giả
● Viết chung● Giới thiệu sách

Tập 32 năm thứ 8 tháng 7-2008

Tủ sách Thư Ấn quán
mới phát hành

- Thơ Miền Nam trong thời chiến (tập I, tái bản)
- Thơ Miền Nam trong thời chiến (tập II)
- Một thời lục bát miền Nam, tháng 1-2008
- Vũ Trụ Thơ I của Đặng Tiến, tháng 2-2008
- Vũ Trụ Thơ II của Đặng Tiến, tháng 2-2008
- Thơ Tự Do Miền Nam, tháng 5-2008

Sách chỉ được in theo yêu cầu. Muốn biết chi tiết xin liên lạc:
Thư Ấn Quán
P.O Box 58
South Bound Brook, NJ 08880
Email: tranhoaithu@verizon.net
http: //www.thuanquan.com

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 32, THÁNG BẢY, NĂM 2008

Trong số này:

Viết chung/5.
Phần chủ đề Trần Dzạ Lữ:
- Trần Doãn Nho (27), Nguyễn Vy Khanh(41), Trần Yên Hòa(56), Cung Tích Biền(62) , Huy Tưởng (65), Tường Linh (65), Vũ Hữu Định (67), Lương Thư Trung (70)
- Thơ Trần Dzạ Lữ (trích)(79)

Phần sáng tác:
- Truyện ngắn*: Trần Hoài Thư (90), Nguyên Minh (95), Trần Mộng Tú (107), Lê Nam Phương (114) , Phạm văn Nhàn (127), Nguyễn Lệ Uyên (131)*
- Thơ *(136): Cái Trọng Ty, Dương Quân, Phan Ni Tấn, Đạm Thạch*
- Truyện dài *(157): Những tháng năm cuồng nộ(Khuất Đẩu)*
- Thơ lục bát nhiều tác giả (178)

Phần Sưu tập
- Cao Huy Khanh: *Vấn Đề Khuynh Hướng Trong Tiểu Thuyết Miền Nam 1954 Đến 1973 (185)*

Giới thiệu sách (195)
***Giữa TQBT và bạn đọc*/200**

tranh bìa: chụp từ bìa thi phẩm Hát dạo bên trời

Thư Toà soạn

Chủ đề của số TQBT 32 này là nhà thơ Trần Dzạ Lữ (TDL). Chúng tôi làm chủ đề về TDL như để nói lên tấm lòng của chúng tôi về một người cầm bút cùng một thế hệ đã góp phần trong việc bồi dựng dòng thi ca thời chiến. Hơn thế nữa: nói như nhà biên khảo văn học Nguyễn Vy Khanh: *cũng là một cách hồi tưởng, sống lại những năm 1960, 1970 là một thời nghệ thuật đáng nhớ của những con người từng sống ở miền Nam tự do.* (Xin đọc bài viết của NVK trong số này).

Ngoài ra, TQBT kỳ này chúng tôi xin đặc biệt được gởi quí bạn 3 chương được trích từ một truyện dài của Khuất Đẩu hiện được phổ biến rất giới hạn dưới hình thức bản thảo mà chúng tôi may mắn có được. Tác phẩm đã được hoàn thành từ lâu, nhưng mãi đến hôm nay mới được phổ biến, và đã gây rúng động trong số những người cầm viết cũ.

Về sáng tác, đặc biệt về truyện ngắn, chúng tôi vui mừng gởi đến quí bạn những sáng tác **mới nhất** của các tác giả miền Nam khá quen thuộc trước 1975, đã ưu ái dành riêng cho TQBT..

Riêng phần sưu tập là một bài nhận định văn học miền Nam của Cao Huy Khanh: *Vấn Đề Khuynh Hướng Trong Tiểu Thuyết Miền Nam 1954 Đến 1973*

Riêng Mục Viết Chung, kể từ số sau, sẽ chấm dứt, và thay vào đó là những sáng tác văn học hay những trang sưu tập giá trị.

Kính chúc quí vị tác giả và bạn đọc mọi điều tốt đẹp và như ý. Xin hẹn gặp lại trong số 33, dự trù phát hành vào tháng 10-2008.

TQBT

VIẾT CHUNG

- NG~ *Chuyện Cà kê...xô-viết-văn-học*
- PHẠM VĂN NHÀN *Nói chuyện với Ng~ về tập Thơ Tự Do Miền Nam*
- TRẦN BANG THẠCH *Mùa hè. Mùa vui*
- TRẦN HOÀI THƯ *Về CALI*

LTS: Mục Viết Chung kéo dài 6 năm kể từ tập 4 tháng 1-2002, và được xem như là một phần sinh hoạt văn học rất đặc thù của Thư Quán Bản Thảo.
Nhưng trong số này, tác giả NG~ cho biết đây là chuyện cà kê cuối cùng của ông: "Từ số tới sẽ hết cà kê cho chị Nga và vợ khỏi la làng". Dù rất buồn, nhưng chúng tôi vẫn phải để người bạn chúng tôi rút lui. Nỗi lo của người thân của tác giả cũng chính là nỗi lo của chúng tôi.. Vậy từ nay, xin tạm chấm dứt Mục Viết Chung ở số tới. Dù vậy, không phải là những cây bút cọng tác lại bỏ đi vĩnh viễn. Chúng tôi vẫn xem nó như mái nhà, vẫn thương yêu nó, và đùm bọc nó. Dù không có Viết Chung, nhưng vẫn có những trang văn học nghệ thuật khác thay thế vào để xứng đáng với lòng thương mến của bạn hữu trong và ngoài nước.
Trân trọng

NG~
Cà kê… xô-viết-văn-học

1*Định bụng, thôi không cà kê nữa. Vợ kêu: ông cứ gào toáng lên để làm gì? Chị Nga can: hãm lại, nói ít lại. Vậy là trong chuyến Bắc du "thỉnh" ngay tượng Phật Non Nước đặt trên bàn viết. Tìm đọc *Khi Hồng hạc bay về* của thầy Huyền Diệu, *Đường xưa mây trắng* của thầy Nhất Hạnh…tâm hồn dịu lại đôi chút. Mà giá như tai điếc, mắt đui chắc có lẽ chỉ còn cách cái với tay nữa là tới cửa Thiền. Nhưng khốn nỗi tai thính và mắt sáng như mèo đêm, nên cái sự đời "đen như mõm chó" (cách nói của Chu Tử) cứ ngang nhiên chui tọt vào mắt vào tai. Lại ngứa miệng không thể dừng. Không thể dừng bởi ở thời buổi này cái đám nhân danh giai cấp bần cố nông lại lớn tiếng đấu tố người khác, chụp mũ nhiều tầng. Số là trên báo Phú Yên số 528 ra ngày 1.3.2008 có đăng bài thơ xộc xệch, non nớt, chẳng có gì đáng quan tâm: *Nếu không muốn đi hết con đường…/Thì nên dừng lại trước lúc kịp hoàng hôn/ Không ai bắt ta phải sống cuộc đời cho người khác…*Vin vào mấy chữ ngô khoai đó, các đại lão bần cố nông hưu trí viết đơn kiện lên Ban tuyên giáo địa phương, rằng thì là con đường đó là con đường nào? Con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa do đảng ta lãnh đạo, sao đòi tách ra, đòi đi theo con đường khác? Đó là con đường phản lại chủ nghĩa CS, chủ nghĩa xã hội mà đảng đã chọn.

Lá đơn kia tràng giang đại hải những lời lẽ thô thiển, qui chụp một cách vô cớ và rất ngớ ngẩn. Một chú bé thất tình, làm bài thơ thất tình vớ vẩn vậy mà được các ngài để mắt. Để mắt và đưa lên bàn mổ, xẻ từng chữ, banh từng câu, thấy chữ nào, câu nào cũng phản động, cũng hô hào làm loạn cả (mời độc giả tìm trên trang Web vanchuongviet.org hay blog dangngockhoa). Cả đám hè nhau la làng, cứ làm như mấy câu thơ ngô nghê kia là đạn pháo, máy bay, xe tăng… ầm ầm tiến lên phá đám cái sự

xây dựng chủ nghĩa xã hội của các ngài.
Cách đây mấy năm, cũng tại cái xứ xô-viết này, cái đám bần cố nông kiên định lập trường tư tưởng giáo-mác-hô cũng từng la làng về hai bài thơ *Bài hát ngày về (*)* và *Ngọn cỏ tịch điền* của nhà thơ Trần Huiền Ân, tố cáo nhà thơ bóp méo hình ảnh anh bộ-đội-cụ-hồ, vấy bẩn cán bộ cách mạng đã một đời cống hiến cho tổ quốc! Cha mẹ ơi, quả thật tài tình, khi mà cái tứ trong hai bài thơ tự sự kia chỉ nói về thân phận của tác giả đã sức mòn, lực kiệt sau bao nhiêu năm cống hiến chữ nghĩa cho đời. Ấy vậy mà khi đọc ra, các ngài xô-viết lại vơ vào cho mình, gán cho nhà thơ cái tội báng bổ cả tập thể anh hùng vĩ đại của họ? Nghe đâu tác giả bị gọi lên gọi xuống mấy lần để làm rõ cái nhìn lệch lạc trong bài thơ. Cái tứ, cái nghĩa ấy học trò phổ thông đọc lên cũng hiểu ra. Chỉ riêng có các ngài cách mệnh là không hiểu nổi, đọc gà hoá ra cuốc, thấy phía sau câu nào, chữ nào cũng có kẻ địch đứng hiên ngang chẳng sợ chi trời đất (trời đất bây giờ cũng bị các ngài thâu tóm).
Chợt nhớ, đã lâu lắm, đọc lâu lắm rồi, trên tập Nhân văn giai phẩm in lại ở Sài Gòn đâu hồi cuối thập niên 50, có bức tranh biếm hoạ anh cán bộ cách mệnh đầu đội nón cối, chân mang dép râu, vai mang sắc-cốt đứng trước gương soi, thấy bộ mặt râu ria hiện trong gương, anh ta giơ nắm đấm lên kêu: kẻ địch đây rồi!?
Lại nhớ, mới đây, non ba bốn tháng chi đó, tình cờ vớ được quyển sách có nhan: *Những tháng năm cuồng nộ (**)* của Khuất Đẩu. Một cái tên mới toanh nhưng viết chuyện cũ rích. Chuyện cũ rích không ai ngờ tới, nhưng ai cũng đã từng trải qua nếu như đang ở tuổi 60, 70, 80. Cả một bức tranh rờn rợn của thời kỳ Việt Minh nổi lên cướp chính quyền kéo dài cho tới ngày nhuộm đỏ từ Nam Quan tới Cà Mau. Chất văn học trong sách ít, nhưng chất tự sự, hồi ký thì đầy các sự kiện đan chéo, tiếp nối nhau khiến đọc tới đâu da gà nổi lên tới đó, y như rằng bản thân mình sắp bị ấn quì xuống chờ lưỡi cuốc, mã tấu bổ vào đầu, vào

cổ. Sự thật lịch sử cách mạng một vùng đất cứ lồ lộ, rõ dần từng đoạn, từng câu, từng dòng, từng chữ khiến người đọc vãi cả mồ hôi, vãi cả nước đái ra quần. Thời gian đã xa, chỉ đọc lại còn vậy, huống chi những nhân vật trong tập sách kia phải hứng chịu những đau khổ khủng khiếp đến mức nào? Nhân vật xưng tôi, được kể lại rằng vừa mới sinh ra đã bị bỏ trôi sông và được cô người đàn bà lam lũ, không chồng con vớt lên nuôi. Mà không phải bà ta nuôi: "…*con chó đó cũng như mẹ của mày. Ừ, thì là mẹ của tôi, hay đúng hơn nó coi tôi như con của nó. Ngoài việc nằm phơi bụng ra cho tôi bú, nó còn dọn sạch cả cức đái do tôi thải ra. Nó thường đưa cái lưỡi dài liếm láp khắp mặt mũi mình mẩy tôi. Nhờ vậy tôi trùi trũi lớn lên không bị ghẻ chóc đầy mình như những đứa con nhà nghèo khác*". Nhân vật tôi ấy bú chó mà lớn lên. Lớn lên và làm người. Làm người và chứng kiến trọn vẹn cảnh đời cách mệnh: những mưu mô toan tính, những trận đấu tố đến tan cửa nát nhà, những cuộc tình bi thảm. Các nhân vật cứ tuần tự lăn lộn, trôi trong dòng thác cách mệnh, xô đẩy tới chỗ tận cùng của kiếp người bèo bọt. Khuất Đẩu còn phơi bày cả những bộ mặt trân tráo của những hạng người thừa nước đục thả câu, đạo đức, nghĩa tình bị đem lót đít ngồi. Ngồi và ỉa và vấy bẩn lên đó. Mới đó còn là anh em, là người nhà, xóm giềng; chỉ qua một đêm thành kẻ thù không đội trời chung; không tội cũng tìm đủ các loại tội gán vào. Gán vào và hành hạ, lăng nhục, chặt đầu, chôn sống!!!

Lịch sử thời trung cổ ở phương Tây, cổ đại ở Trung Hoa bị đời sau kết án là dã man. Nhưng VN ta cũng đâu kém chi: Cũng phần thư khanh nho chớ có chịu kém ai?

2*Ra Huế, vào Đà Nẵng lông nhông với bạn bè trên ba chục năm mới gặp lại nhau, có người hơn. Có anh phổng phao, có anh ốm nhách. Anh phổng phao là biết cách câm cái miệng. Anh ốm tong teo do cái miệng nói quá nhiều, rút ruột hết cả sinh lực trong người, chỉ chịu đầu đội trời

chân đạp đất. Còn lại là lũ người ngợm không ra cái giống người, còn nói chi đến thơ văn?
Đến Đà Nẵng rồi phải ghé Hội An. Hội An vẫn nhỏ xíu. Hiền. Đẹp. Quanh quẩn thế nào lại đi thăm gia đình nhà thơ Hoàng Lộc, đúng dịp 49 ngày cụ thân sinh anh. Cả đám thắp nhang cho cụ, cụ có thiêng thì phù hộ cho anh con trai nhà thơ trúng cái vé tombola cho bớt khổ. Rồi lại xuôi ra cửa Đại ngồi rửa mắt. Các em tây ba lô đông như kiến, phơi cả mông đùi ngực ra cho thiên hạ ngắm. Ngắm một hồi thấy ớn như nuốt thịt mỡ. Không hiểu các đại lão bần cố nông khi nhìn thấy cảnh này sẽ la lên thế nào nhỉ?
3*Đây là lần cà kê cuối cùng. Từ số tới sẽ hết cà kê cho chị Nga và vợ khỏi la làng.
Kính cáo.

(*) Xin xem phần trả lời thư tín ở cuối sách.(LTS)
(**) Đăng 3 chương trong số này (LTS)

Phạm Văn Nhàn

Nói chuyện với Ng~
Về tập *Thơ Tự Do Miền Nam*

Tập thơ dầy vào khoảng 660 trang. Gồm 128 nhà thơ. In trên giấy trắng. Bìa cứng, có hoa văn. Trình bày đơn giản mà đẹp.
Lại thêm một công trình nữa của Thư Ấn Quán.
Tập thơ in xong vào tháng 5-2008. Chỉ phát hành theo yêu cầu của độc giả order. Như vậy, chỉ sau 3 tháng (tháng 2 phát hành tập thơ: Một Thời Lục Bát Miền Nam) tập Thơ Tư Do Miền Nam được phát hành.
Ba tháng, thời gian quá ngắn để vừa sưu tầm, vừa đánh máy, vừa layout. Đó là một việc làm đáng trân trọng và rất có giá trị.

Giá trị vì sao? Vì đây là những bài thơ (dù ít hay nhiều) đã một thời góp phần vào nền văn học của miền Nam. Giá trị vì sao: vì rất cần cho những nhà biên soạn về dòng văn học trong thời chiến khỏi phải đi tìm kiếm. Giá trị vì sao: rất đơn giản là những bài thơ đó không thể, và cũng không thể mai một được. Nó phải còn mãi trong dòng văn học Việt Nam hôm nay.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Thư Ấn Quán đã xuất bản bốn tập thơ:

- Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (tập 1 dầy 869 trang)
- Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (tập 2 dầy 739 trang)
- Một Thời Lục Bát Miền Miền Nam (dầy 604 trang)
- Thơ Tự Do Miền Nam (dầy 660 trang)

Đó là tâm huyết của người chủ trương, mà anh luôn luôn nghĩ đến: *phải nuôi dưỡng nó, phải làm cho nó sống lại ngay cả tác phẩm và tác giả* (đừng vô tình lãng quên). Nếu, những độc giả nào, ngày xưa có đọc những tạp chí văn học xuất bản ở Sài Gòn, chắc chắn khi đọc lại những bài thơ cũ này, tôi nghĩ, ít nhiều cũng gợi lại trong tâm thức những háo hức chờ đợi để ra sạp báo mà mua. Những bài thơ thật hay, với những tên tác giả dù quen hay không quen cũng gợi lại cho ta nhiều kỉ niệm.

Phải nói, cũng nhờ có cái duyên, gặp lại các anh ở Houston, sau những năm tháng gian truân, đối với tôi mà Thư Quán Bản Thảo hình thành cách đây gần chín năm. Rồi những bạn bè cầm bút cũ, mới lại hội tụ về, trong đó có NG~. Tôi bảo với anh, cứ đúng kì, anh viết trong phần viết chung. Và từ đó, NG~ cầm bút trở lại sau bao nhiêu năm im hơi lặng tiếng kể từ sau năm 1975. Mối thâm tình

bằng hữu ngày xưa ấy thấm đẫm như ngày nào, tôi với anh Trần Hoài Thư về T.H thăm các anh. Những cây bút trẻ của một thời sinh ra và lớn lên trên mảnh đất miền trung đầy bom đạn ấy, mà hình như trên Văn số 172 (?) có giới thiệu thơ văn của những cây bút trẻ thành danh một thời.

Cái duyên ấy giữ mãi cho đến ngày hôm nay, trước đây, sắp phát hành tập Thơ Tự Do Miền Nam tôi nhận được một chồng báo văn học cũ do NG~ gởi ra do cô em gái của tôi về thăm nhà mang qua cho tôi. Chồng báo ấy, dù chưa gọi là đầy đủ cho lắm, nhưng lại là một " dấu ấn" văn học của một nền văn học nhân bản mà NG~ còn giữ lại cho đến ngày hôm nay. Rất cám ơn bạn NG~.
Lật lại chồng báo cũ. Có những trang bị mối mọt ăn. Có tập bị mối ăn hết những lề sách (margin). Nhưng may quá, chữ vẫn còn đọc được. Thấy vậy, để an toàn hơn khi lật từng trang báo cũ để đọc, tôi phải mua thuốc diệt chúng. và "nhốt" chồng báo cũ ấy lại trong một bao nylong để ngoài garage vài ngày rồi mới đem ra phơi nắng. Thế mà cái mùi thuốc diệt ba trứng gián đó vẫn còn hôi nồng, khó chịu khi lật từng trang để đọc.Dù vẫn còn mùi nồng của thuốc, nhưng những trang sách cũ như lôi cuốn tôi trong từng dòng, từng chữ. Dễ chịu vô cùng khi đọc lại những bài viết cũ. Những bài viết. Những tên tác giả như ngày nào thân quen mỗi khi rảnh rỗi việc quân vài giờ, dù về thành phố, la cà với bạn bè, mua vội vài ba tạp chí đem về đơn vị đọc. Thích và thú vị lắm!
Trong thùng sách, có những tạp chí bìa đã mất. Chẳng biết ngày tháng phát hành. Bên cạnh đó, còn có cả 12 tập: Thời Tập của Viên Linh làm chủ nhiệm. Nhưng hỡi ôi, tập nào cũng bị gián "gậm nhấm" . Đọc mà thấy đau lòng cho một-nền-văn-học-quá ư-là-nhân-bản của một miền nam xưa, nay phải đành im lặng thế sao? Nay phải đành để cho mối mọt gậm nhấm như thế này sao? Mà "mối mọt" làm

sao tránh khỏi khi những chồng báo ấy phải "giấu diếm" từ một xó nhà nào đó. Cũng may, bạn tôi còn giữ, dù cho mối mọt có gậm nhấm đi chăng nữa, thì đối với tôi, đó cũng là một cái gì quí hóa mà bạn tôi đã gởi ra, kèm theo lời nói rất chân tình của anh: *tôi giữ nó cũng chẳng làm được gì, nay gởi qua cho bạn, may ra, những trang báo cũ ấy vẫn còn đất để "tác phẩm và tác giả"sống lại nơi quê người.*
Dòng nhắn gởi của bạn tôi, tuy ngắn ngủi nhưng đầy ấp chân tình của một người yêu chữ nghĩa . Tôi cảm ơn bạn NG~ của tôi, và cô em gái của tôi đã chịu khó mang qua cho tôi "một thùng" quà không phải bánh trái, mà toàn là "một thùng" chữ nghĩa một thời đã qua. Vâng, "tác phẩm và tác giả" cũ, tôi với anh Trần Hoài Thư cũng đã chủ trương cứ mỗi kỳ phát hành TQBT phải dành ra vài trang để đi lại những tác phẩm cũ (nhận định, thơ hay truyện) để làm sống lại những tác phẩm một thời của dòng văn học xưa.

Có được chồng báo cũ ấy, tôi gọi ngay cho nhà văn Trần Hoài Thư nói về những tạp chí cũ nầy. Và, bạn tôi vui lắm. Anh nói: *Như thế là tập thơ Tự Do Miền Nam lại có thêm những bài thơ được sưu tầm và hình thành sớm.* Vâng, Thư Ấn Quán đã làm nên thêm một việc làm đáng trân trọng trong Tủ Sách Di Sản Văn Học Miền Nam; mà tôi tin chắc và dám nói rằng: chưa có một nhà in nào, hay một nhà xuất bản nào ở hải ngoại này làm việc ấy.

Cũng cần nói thêm với bạn NG~ và anh THT, hai tập Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến. tập nào cũng dầy 6,7 trăm trang. Thế mà các anh bạn của tôi đã nhận được và chịu khó bỏ tiền ra để photocopy thành nhiều tập gởi cho bạn bè của tôi. Ngay cả các bạn cầm bút cũ ở Phan Rí, một thị trấn nhỏ cũng đã có những tập thơ này. Sự trân trọng của độc giả và của những bạn bè trong và ngoài nước đã là

một nguồn khích lệ rất lớn để cho Thư Ấn Quán còn tiếp tục in những tác phẩm văn học thuần túy để làm giàu và khơi lại một dòng văn học cũ, tưởng rằng đã bị mai một. Có phải như vậy không anh bạn Trần Hoài Thư?

Ngồi đánh máy những bài thơ tự do trong những chồng báo cũ, để kịp chuyển qua cho anh THT, tôi rất tâm đắc những bài thơ của nhà nhà thơ Trang Châu, tác giả hồi ký " Y sĩ tiền tuyến" đi trên Văn Học nhiều kỳ ngày nào. Cũng như những bài thơ của nhà thơ Hoàng Bảo Việt. Trong bài thơ của Trang Châu, ông viết dưới chân đồi 10, Tam Quan vào năm 1966. Năm chúng tôi đang "vật lộn" giữa cái sống và cái chết ở chiến trường bắc B.Đ. An Lão, Hoài Ân, Tam Quan. Những địa danh mà mãi đến hôm nay, không nhắc đến thì thôi, nhắc đến vẫn còn nhiều kỉ niệm với đồng đội. Thế đó, cuộc chiến bên ngoài ngày càng khốc liệt thì nơi hậu phương, lúc nào cũng nói là chỗ dựa vững chắc cho tiền tuyến. Nhưng, ta hãy nghe nhà thơ Trang Châu lên tiếng trong bài thơ: *Xin Một Ngày* của ông. Vâng, nhà thơ Trang Châu đã thay chúng tôi chiến đấu ngoài mặc trận chỉ xin một ngày thôi, đâu giám xin một tuần, một tháng...thế mà còn không yên trong một thành phố bất ổn với những toan tính về chính trị, tham nhũng cho riêng mỗi cá nhân và phe nhóm?! Còn người lính chúng tôi thì sao? Xin chép lại nguyên bài thơ để các bạn đọc lại và " cảm nhận" nó.

Xin Một Ngày

Mầy nói anh em
Ngưng một ngày đấu tranh
Xin các thầy
Đêm nay rằm
Đình chỉ xuống đường
Xin các cha

Sáng mai chúa nhựt
Đừng căng biểu ngữ

Mầy nói chính quyền
Đừng nhân danh chúng tao
Nói những tên tham nhủng
Ngưng đục khoét một ngày
Nói các tay gian thương
Giảm giá thàng một buổi

Mầy nói bác tài xế taxi
Sáng mai có thằng nhà binh đi phép
Nó gọi xe nên dừng lại
Nói ông chủ nhà đèn
Đừng cúp điện đêm nay
Mầy nói người đàn bà có chồng đi xa
Ngưng một ngày ngoại tình
Nói các em bán bar hôm nay cuối tháng
Đừng đi với ngoại kiều

Tất cả để khi tao về
Thấy một niềm an ủi
Tất cả cho ngày tao đi
Trong tâm hồn phấn khởi

Mầy nói mọi người
Hãy lừa dối tao
Đừng cho tao hay sự thực
Tao sẽ chết đi
Nếu không đào ngũ.

(Tam Quan Đồi 10-4-66)

Trần Bang Thạch

MÙA TỐT NGHIỆP, MÙA VUI

Tháng 5 nước Mỹ chưa vào Hè. Nhưng Houston đã bắt đầu nóng. Cái nóng gây khó chịu vì độ ẩm cao từ biển Galveston và vùng vịnh Mễ Tây Cơ thổi vào. Thỉnh thoảng có những cơn gió nóng từ miền Nam Mỹ đem đến những ngày nóng dữ bất ngờ. Vậy mà từ nhiều năm nay, như là một thói quen, hàng năm N. và tôi hay chờ tháng Năm đến. Tháng Năm với những buổi lễ ra trường.

Có lẽ thói quen bắt đầu từ những lễ ra trường của các con chúng tôi. Hết con ra trung học, đại học rồi tới cháu ngoại ra mẫu giáo. Hết con cháu người thân nhân nầy đến con cháu người bạn bè nọ. Riết rồi đâm ra ghiền. Nhớ tháng Năm bên nầy như nhớ Tháng Sáu bên nhà. Tháng Năm Mùa Tốt Nghiệp. Tháng Sáu Mùa Thi, mùa bãi trường, mùa của ve sầu râm ran trên cây phượng vĩ, và mùa của chia tay. *Mỗi năm đến Hè lòng man mác buồn*. Tháng Năm được tham dự những lễ ra trường là niềm vui rất lớn đối với chúng tôi. Bất kể là nhìn người tân khoa lạ hay quen nào thì lòng cũng vui. Quen thân với mình thì thích thú và thấy gần gũi hơn. Không quen thì vui với niềm vui của thiên hạ. Chiều Chủ Nhật 10 tháng 5 vừa qua, thấy cậu con trai út của hai em Hoài Bảo và Kiêm Anh là Trần Đình Phi mặt non như học sinh vừa xong lớp 12 trở thành một luật khoa tiến sĩ lòng mình cũng vui như niềm vui của chính mình. Được tin con gái người thầy cũ vừa bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngành micro-technique tại Pháp nghe như nghe tin vui của gia đình mình. Đọc bản tin người học sinh già Bill Cook nhận bằng tốt nghiệp trung học ở tuổi 82 tại trường Stephen F. Austin High School ngày 31-5-2008, mình cũng thấy vừa vui vừa thán phục ý chí có công mài sắt có ngày nên kim của người cựu chiến binh thế chiến II này. Lòng mình vô cùng hãnh diện khi

các thủ khoa Việt Nam Vũ Thị Thanh Vân, Phan Hiền, Nguyễn Mai, Hồ Hồng, Lê Dạ Minh, Andy Hồ, Thái Hồng, Diệp Mỹ, Adam Nguyễn…của các trung học vùng Houston vững chãi, tự tin, đường hoàng trên khán đài đại diện cho cả ngàn học sinh của trường mình nói lời cảm tưởng. Tại vùng Houston, sĩ số học sinh gốc Việt lớp 12 chưa bằng 1% của tổng số học sinh lớp 12 toàn vùng; vậy mà đã có 22% là thủ khoa gốc Việt! Á khoa thì xấp xỉ 30%. Có phải niềm hãnh diện dân tộc đã làm thêm niềm vui của mình chăng?

Mùa tốt nghiệp năm nay chúng tôi có một sự ngạc nhiên khi biết được một lễ tốt nghiệp thật lạ, khá là bất thường. Đáng suy gẫm. Đó là lễ tốt nghiệp trung học của tân khoa tên Jeff Greenwood.

Tại một ngôi trường trung học nhỏ ở ngoại ô thành phố Great Falls, tiểu bang Montana, khoảng 10 dặm phía nam biên giới Mỹ - Canada, ông Thống đốc tiểu bang là diễn giả chánh của buổi Lễ Tốt Nghiệp Trung học. Ngồi cùng với ông trên khán đài là vị Trưởng Khu Học Chánh cũng là Hiệu Trưởng và đông đủ các giáo sư, tất cả đều mũ áo chỉnh tề. Việc tổ chức buổi lễ không khác gì những lễ tốt nghiệp khác vào mỗi tháng 5 hàng năm trên toàn nước Mỹ. Năm nay cũng vậy, hàng ngàn lễ tốt nghiệp đang xảy ra ngay giờ phút nầy. Hàng triệu tân khoa từ các lớp mẫu giáo đến các lớp trung học, cao đẳng và đại học đang hớn hở làm Lễ Tốt Nghiệp. Diễn văn. Mũ cao, áo choàng rộng. Niềm vui. Niềm hy vọng. Niềm hãnh diện. Họ xếp thành những hàng dài lần lượt tiến lên khán đài nhận văn bằng trong tiếng vỗ tay và tiếng reo vui của cả ngàn người trong hội trường.

Tại ngôi trường biên giới nầy thì khác một chút. Cũng với khung cảnh và diễn tiến của lễ tốt nghiệp như vậy: Ông Hiệu Trưởng mở đầu chương trình trước khi ông Thống Đốc Brian Schweitzer trịnh trọng tiến đến bục giảng, đọc bài diễn văn soạn sẵn. Xong là tới phần phát biểu của Chủ

Tịch Ban Đại Diện Học Sinh toàn trường: Đó là học sinh Jeff Greenwood. Rồi đến vài lời phát biểu của đại diện tân khoa: Đó là Thủ khoa Jeff Greenwood. Tiếp là phần trao văn bằng: người đầu tiên tiến đến trước mặt ông Hiệu Trưởng LeRoy Nelson để nhận văn bằng là Jeff Greenwood. Hết. Không có tân khoa kế tiếp. Nhận văn bằng rồi chụp ảnh. Bức ảnh duy nhất chụp tân khoa duy nhất Jeff Greenwood của Lễ Tốt Nghiệp ngày 18-5-2008 tại trường Opheim High School. Jeff Greenwood bước xuống hội trường, tung mũ lên không rồi ôm và cảm ơn cha mẹ. Các máy ảnh và các máy quay phim đều hướng về Jeff. Buổi lễ chấm dứt. Mọi người ra về vui vẻ.

Lễ Tốt Nghiệp khá lạ trên đây không hẳn là duy nhất: Năm ngoái cũng vị Thống Đốc nầy đã đọc diễn văn nhân buổi lễ tốt nghiệp của tân khoa duy nhất tại một vùng quê khác của tiểu bang Montana. Người Mỹ đã trân quý chữ nghĩa như vậy. Thà tốn hàng mấy chục ngàn Mỹ kim một năm cho một học sinh hơn là để học sinh thất học, dù chỉ có một. Chính sách Giáo dục cưỡng bách cho tới hết bậc trung học có từ mấy mươi năm nay. "No Child Left Behind" cũng là một chính sách giáo dục khác của chánh phủ Hoa Kỳ dưới 2 nhiệm kỳ của Tổng Thống George W. Bush.

Ba mươi ba năm qua, con em của người Việt mình đã hưởng thật đủ đầy nền giáo dục nầy. Mới chân ướt chân ráo đến Hoa Kỳ, chưa rành đường đi nước bước, cái kính cận nặng độ chưa kịp đổi tròng, chưa quen với tiếng Ăng Lê, chưa mờ trong trí nhớ cả chục năm lặn lội gian nan hành quân diệt địch, còn hằn trên thịt da những tàn tích của năm tháng dài tù tội… vậy mà người trung đội trưởng thám kích của sư đoàn 22 hăm hở trở lại giảng đường để hoàn thành văn bằng cử nhân Điện toán, rồi Cao học Toán. Tưởng chữ nghĩa đã cao chạy xa bay theo tầm đạn pháo và khói lửa chiến trường. Nguyên ký giả thao trường Huyền Vũ đậu bằng cử nhân báo chí khi đã 72 tuổi. Người

cựu sinh viên tranh đấu Nguyễn Trọng Nho của thời 63-64 đã là vị chánh án tại quận Cam từ cả chục năm nay. Người-tù-cả-đời là cựu biệt kích Nguyễn Hữu Luyện sau mấy mươi năm gông cùm trong lao tù miền Bắc từ trước 1975, đã kiên nhẫn bút nghiên tại đại học Boston và đang kiên trì bảo vệ tư cách tị nạn chánh trị của người Việt hải ngoại. Nhiều, rất nhiều sinh viên già Việt Nam như vậy. Còn tân khoa trẻ Việt Nam, thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba thì có ai mà đếm cho hết. Cả con cái của các bạn thân quen mình cũng không nhớ nỗi. Chắc không phải là quá đáng nếu nói trung bình mỗi gia đình VN hải ngoại có một cử nhân hay cao học, tiến sĩ. Ngành nghề nào cũng có bóng dáng người Việt. Y, luật, khoa học, nghệ thuật, thể thao, văn chương, xã hội, cơ khí, thương mại…. Phi hành gia, chuyên viên vũ khí tối tân hiện đại, phi công phản lực chiến đấu cơ, sĩ quan hải, lục, không quân…Nói hoài cũng không hết.
Nền giáo dục nầy đã cho mình nhiều và rồi mình cũng đã trả ơn cho xã hội nầy cũng không ít.

Tháng Năm là tháng của Mùa Tốt Nghiệp, là tháng của Mùa Vui.

Houston, mùa bãi trường 2008

Trần Hoài Thư
Rong bút

Về CALI

Garden Grove CA ngày 8/5/08

Trở lại Nam Cali lần này sau ba năm, có lẽ. Lần này quen đường quen sá, nên với cái máy *navigator* dẫn đường, từ phi trường John Wayne, tôi lái xe thẳng về khách sạn. Tắm rửa, rồi sau đó, tôi và Y. lại lên xe.

Lên xe xuống phố trưa nay... Ba năm, cho một chuyến đi tìm niềm vui. Buổi xế trưa, nắng vàng thắm trên những mái ngói đỏ, vách tường vôi vàng sậm. Mới ba năm mà hình như Little Saigon đã thay đổi quá nhiều. Khu tiếp khu. Chợ tiếp chợ. Phòng mạch, văn phòng luật sư, nhà hàng, đủ tên lớn nhỏ mời mọc. Có ở trong trường hợp của một kẻ từ xa trở về, mới hiểu được niềm vui òa vỡ trong tôi bây giờ. Đâu phải là Saigon bị mất. Saigon vẫn được mang theo từ trái tim của những người con luân lạc. Saigon qua những tên gọi, những kiến trúc tân kỳ, hùng vĩ nhưng ẩn chứa vẽ quen quen cũ, qua giọng nói tuôn chảy Nam Trung Bắc mà lâu lắm, tôi được nghe lại. Dọc đường những poster vận động tranh cử treo la liệt. Vui ơi là vui. Những họ Nguyễn, Phạm, Trần ...bỗng dưng bật nổi giữa xứ người. Vui như con đường Wesminter hai chiều 6 lanes, thẳng tắp, chưa kể lane giữa để chờ *u turn* đón những vòng lăn náo nức của một kẻ ở xứ tuyết trở về. Qua Euclid. Qua Brookhurst, qua McFadden. Qua Magnolia. Qua Westminster. Những lane rộng, những U turn, những bóng người đồng hương thấp thoáng, những mái nhà ngói đỏ mà trong sân thấy những tàu chuối, những vườn rau, những chùm ổi, những dàn hoa giấy đỏ thắm...

Hồn Saigon vẫn thấy đâu đó. Một ngôi chùa hay một nóc nhà thờ. Hay một khu thương mại. Hay một quán hẹn hò. Dù Bolsa thay đường Nguyễn Huệ, dù Factory thay La Pagode. Vẫn là cái rạo rực của một thời *đưa em xuống phố trưa nay*, hay một thời của những cơn say bên bạn bè cụng ly cụng chén. Vẫn là những hò hẹn, mai chiều gặp nhau ở Factory nhé. Như ngày xưa hẹn nhau ở Nắng Mới,

ở La Pagode, ở quán kem Nguyễn Huệ, hay quán sách cô Nga bên Khai Trí... Để rồi những câu chuyện tiếp tục nổ dòn. Chuyện đất trời, chuyện văn nghệ. Có khi bàn thì hẹp mà người quá đông, phải chia nhau một ghế hai người ngồi. Có khi ghé bàn này năm mười phút, bàn kia năm mười phút.. Để câu chuyện vẫn nổ dòn dù đôi khi nhìn bạn thấy những ngón tay đã run khi cầm lấy muỗng thìa...Có khi cùng nhắc đến một hai thằng bạn đã tử trận hay chết trong tù, để mà cùng nhau lòng dạ rưng rưng...

Ngày 9/5/08

Anh chị nhà thơ Thành Tôn mời ăn sáng. Qua chị Thành Tôn, mới hiểu rõ hơn về một người mê sách nhất trần gian. Mê trên hai ý nghĩa. Ham đọc và trân trọng sách.
Chị kể là sau khi ra tù những ngón tay phải của anh hầu như bị liệt, không thể cầm được ngòi viết, vì cả bờ vai của anh bị bức tường đè trong trại cải tạo. Vậy mà niềm yêu mến chữ nghĩa, thi ca, đã bắt anh đã vượt qua cơn đau đớn, chép lại đêm ngày những bài thơ gởi về chúng tôi để thực hiện bộ sách Di Sản thi ca miền Nam.

Thật sự, đôi khi bác sĩ cũng không thể giải thích về một sự mầu nhiệm. Nói có sách. Mách có chứng. Ông bà ta thường dạy. Ở đây chẳng có sách nào để mà nói. Mấy chục năm, những ngón tay bất lực với chữ viết, vậy mà sau khi nghe chúng tôi ngỏ ý là thực hiện bộ di sản miền Nam là anh hoan nghênh cả hai tay. Sau đó, anh đề nghị làm tập *Một Thời Lục Bát miền Nam*, và mỗi ngày anh gởi những bì thơ dày cộm đầy những trang giấy viết tay với những bài thơ mà anh đã gìn giữ. Anh chép tay. Tôi đánh máy lại. Trong lòng tôi, khen thầm: Chữ viết anh quá đẹp. Thế thôi. Bây giờ khi nghe chị Thành Tôn kể, tôi mới hiểu. Ôi, sức mạnh nào giúp ta . Sức mạnh nào khiến ta khỏi nhờ đến những viên thuốc hay điều trị thường tình.

Một cách trị bệnh kỳ diệu!

Xin được cám ơn nhà thơ Thành Tôn. Tôi cũng đang bắt chước anh đây.
Little Saigon ngày 10/5/08

Đến thăm tòa soạn Khởi Hành.(KH) Len lách giữa những dàn máy in trước khi vào căn phòng tòa soạn, với kệ san sát đầy sách vở. Chỗ tiếp khách chỉ chừng nỗi bề 2 feet là cùng. Không đủ ghế ngồi. Nếu có ghế thì cũng không đủ chổ đặt. Cái bàn tròn đặt một chậu kiểng. Phía sau, là một kệ rượu, những chai rượu chát nằm ngang. Và khách đôi khi phải dùng bất cứ vật gì có được như hòn gạch, thanh gổ để làm ghế, đòn tạm.
Khi người bạn của anh Viên Linh từ giã, giờ chỉ còn tôi và nhà thơ. Tôi với người mà mấy mươi năm trước, cứ mỗi lần từ rừng xuống, ghé thăm báo quán KH là chúng tôi kéo nhau ra ngồi quán. Bây giờ, tình xưa nghĩa cũ chỉ còn lại một nửa cốc rượu chát đỏ với hai người hẩm hiu như hai kẻ lạc bầy. Chúng tôi nhắc đến Khởi Hành trước 1975. Tôi nói nhờ dự án sưu tập, tôi mới biết là KH đã góp phần rất lớn trong việc bồi dựng nền văn học thời chiến, đặc biệt đối với những người trong bộ đồng phục. KH chính là tờ báo mang vào lòng những người lính trẻ chúng tôi một dấu ấn sâu đậm thời ấy.
Đa số những bài thơ hay trong thời chiến như của Phạm văn Bình, Vũ Hữu Định, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Bắc Sơn, Linh Phương, Huỳnh Hữu Võ v.v... phần lớn chúng tôi tìm thấy trên Khởi Hành.

Rồi chúng tôi nói về nền văn học thời chiến. Nhà thơ Viên Linh tâm sự. Đại ý. “Thế hệ *moi* được may mắn hơn thế hệ Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhàn . Vì ít ra tờ Sáng Tạo vẫn còn được nhắc nhở nhiều sau khi nó chết, các tác giả của nhóm vẫn còn in được tác phẩm. "

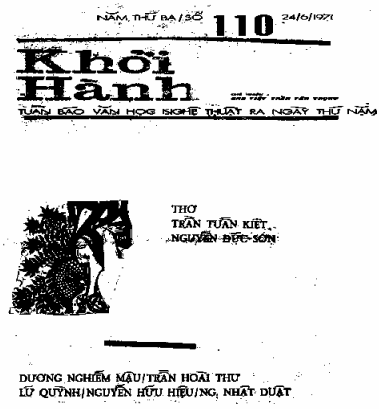
NĂM THỨ BA / SỐ 110 24/6/1971

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM

THƠ
TRẦN TUẤN KIỆT
NGUYỄN ĐỆ SƠN

DƯƠNG NGHIỄM MẬU/TRẦN HOÀI THƯ
LỮ QUỲNH/NGUYỄN HỮU HIỆU/NG. NHẬT DUẬT

Vâng, thế hệ chúng tôi là thế hệ không may mắn . Văn chương cũng vậy: Trong thời chiến, xấp giấy trắng nhét vào túi áo trận, có khi máu nhuộm thấm, có khi một bài thơ viết dang dỡ được tìm trên thi thể, có khi một bài văn, bài thơ gởi về tòa soạn lại là di cảo... Thời ấy văn chương không phải là văn chương của phòng trà, hay trong bốn bức vách che bầu trời thênh thang, mà trái lại nó có mặt trên núi cao rừng thẳm, theo vầng mây tang trắng ôm đồi Chư Hơdron... Thời ấy, *Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang* được tác giả quảng cáo muốn mua sách xin gởi về đại đội 405 thám kích KBC 4061, đề tên thiếu úy TQS . Đó là địa chỉ tạm của cái hầm nổi chất đầy bao cát phòng thủ trên đỉnh đồi Bà Gi Bình Định. Thời ấy :

Anh phải cười nơi đây thật to
Để khỏi nghe tiếng súng
Anh phải văng tục nơi đây cho đã
Vì thiếu bóng đàn bà suốt tháng
Anh phải thủ dâm
Mỗi khi đài quân đội đưa lời " Em yêu lính "

(Tất cả bạn bè anh vẫn thế
*Có gì đâu mà giấu phải không) **

Đấy, tuổi trẻ chúng tôi đã làm văn chương trong những hoàn cảnh và điều kiện như thế. Viết như chưa bao giờ được viết. Viết điên cuồng vì cái ám ảnh sợ một ngày sẽ không được viết. Hãy thử đếm xem bao nhiêu cây bút trẻ trên Văn, Văn Học, Khởi Hành, Thời Tập, Ý Thức, Trình Bày, Đất Nước. Đông đúc lắm. Ngay cả tờ Bách Khoa được xem là bảo thủ, thơ văn sáng tác cũng tràn ngập tên tuổi của các tác giả trẻ mang đồng phục. Điều này được chứng tỏ trong số 400 nhà thơ mà chúng tôi sưu tập trong Bộ Thơ Miền Nam Thời Chiến, có đến khoảng 370 nhà thơ trẻ sau khi Sáng Tạo khai tử.
Đối với việc bảo vệ đất nước, họ là thành phần chính mang súng ra tuyến đầu trực diện với địch. Đối với văn chương, họ đã góp phần rất lớn trong việc bồi dựng nền văn học chiến tranh. Rồi cuối cùng còn lại gì.. Cuối cùng, nhận được gì trong chiến tranh và trong hòa bình ?. Hay là mộ địa u minh trùng điệp, tù tội, tủi nhục, rồi phân cách chia lìa phải vác phải mang theo suốt cả cuộc đời cả kiếp ?

Ngay cả dòng văn học cũng vậy. Chỉ là đống tro tàn tức tửi oan khiên:
"Văn thơ Miền Nam 1954 -1975 được gọi là nền văn học bất hạnh Vì nó đã bị xuyên tạc, tuyên án, thiêu hủy và bôi xóa ; các tác giả đã bị tù đày, đọa đày và lưu đày." (1)

CA, ngày 10/5/08

Gặp lại bạn bè sau một thời gian dài xa cách. Có người đến gần 40 năm. Gần nhất cũng phải ba năm. Mỗi người là mỗi niềm vui long lanh nước mắt. Bởi ai cũng hiểu rằng, thời gian đã ở cuối đường rồi. Ai nấy cũng tóc bạc,

da nhăn, những vết hằn thời gian đã sâu thêm trên vầng trán. Mặc. Niềm vui cứ chảy, theo tiếng cười dòn. Lòng chắc phải ấm lắm khi nhắc đến cô hàng xưa: *Cô hàng cho xin ly cà phê nhỏ/tôi uống cho đầy đôi mắt trong...*

Hoài niệm. Những hoài niệm về những bạn bè anh em cũ. Ngồi đây mà nhắc đến bạn xa. Trong nước. Ngoài nước. Thời cuộc dù tàn bạo làm những mãnh đời chia ngăn đến đau lòng, nhưng kỷ niệm chắc sẽ không bao giờ làm lìa chia tình bạn hữu. Nó một thứ gì bất diệt khi mọi thứ ra đi. Đó là tình văn chương. Tình người đọc. Họ đã giúp chúng tôi hiểu là chúng tôi không cô đơn khi thực hiện TQBT. Họ bơm sức mạnh vào chúng tôi. Giúp chúng tôi vượt qua những khó khăn. Họ là ân nhân của TQBT.

Và khi biết chúng tôi sắp làm một chuyến Tây du, những người bạn đọc ấy, đã thu xếp thời gian, để "bắt cóc" chúng tôi về với họ. Như trưa nay thì phiên chị XH. Chị đãi chúng tôi một buổi cơm tại một nhà hàng Tàu rất khang trang, Và chiều nay là TH, người bạn đọc trẻ. TH đã "bảo trợ" một party nhỏ để chúng tôi có dịp mời bạn hữu đến chung vui tại nhà cô tọa lạc kế cận khu Phước Lộc Thọ.

Chiều nay, có nhà thơ Tô Mặc Giang, anh chị Hải Phương, anh chị nhà thơ Trần Văn Sơn, anh chị họa sĩ Nguyễn Đình Thuần, anh chị nhà văn/thơ Đặng Phú Phong, anh chị Trần Yên Hòa, nhà thơ Đạm Thạch, Hà Phương Hoài, Phan Bá Thụy Dương... Ngày thứ hai, ngày làm việc, đáng lẽ giờ này họ phải nghỉ ngơi sau 8 giờ đổ mồ hôi trong hãng xưởng. Vậy mà họ vẫn đến, đông đủ. Để thêm một lần, cho cuộc vui hội ngộ. Để đêm ở Little Saigon lành lạnh ngoài kia, mà trong này ấm áp lắm. Rồi văn nghệ tự phát. Thơ Quang Dũng được đọc lên. Thơ THT, Đam Thạch, Đặng Phú Phong được đọc lên. Ai nấy

đều ở vào tuổi lão, mà sao lại hồn như trở lại thuở hai mươi...Riêng tôi, người lính cũ, với *Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ/Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao...Chiếu nay còn mưa sao em không lại.* Em vẫn là em, cho dù anh chưa một lần nắm tay, vuốt tóc. Em vẫn là em, như đôi mắt ngàn đời, mà thằng con trai một hôm nào thấy lòng chết đứng. Mưa dù lạnh buốt của ngày bắc mỹ cũng vẫn là mưa ràn rụa lệ, để anh thèm lắm nụ hôn ngày chiếc xe mười bánh đưa về mặt trận mù tăm...Em vẫn là em, người góa phụ mặc bộ đồ đen tuyền ở một quán cà phê nào đó ở Qui Nhơn, trong khi bên ngoài trời mưa đan trắng cả mái nhà, vỉa phố, và cả nỗi buồn cũng xám trên những vết bùn dính đôi giày trận của một mùa mưa đất Bình Định ngày nào như trong truyện ngắn của Lê Nam Phương. Đọc mà thương và nhớ khu Sáu vô cùng. Phải không Mường Mán, Lê văn Trung, Mai Khế, Phạm văn Nhàn, Phạm Cao Hoàng, Thái Ngọc San, những nhân vật mà tác giả đã viết về truyện ngắn *Gọi tên người yêu dấu* trong số này?
Có phải vậy không, các bạn của ta ?

___
(1) Trích từ bài giới thiệu của Đặng Tiến trong *Thơ Vũ Hữu Định toàn tập*, Thư Ấn Quán xuất bản năm 2005, dưới tựa đề: *Vũ Hữu Định: Tình ca của người lỡ vận.*

(*)Trích Thơ Huỳnh Hữu Võ: ***Dưới chân đồi Xích Thố***

Trần Doãn Nho, Nguyễn Vy Khanh, Lương Thư Trung, Trần Yên Hòa, Cung Tích Biền, Huy Tưởng, Tường Linh, Vũ Hữu Định...

Viết về
Nhà thơ Trần Dzạ Lữ

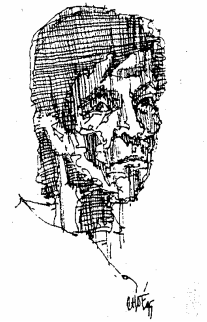

TDL dưới mắt họa sĩ *Chóe*

Tiểu sử:

Tên thật Trần văn Duận sinh năm 1949 tại Huế
Bắt đầu làm thơ từ năm 1960 và đăng thơ trên hầu hết các báo chí Saigon trước đây.
Hiện đang sinh sống tại Phú Nhuận, SG.
Đã in:

- Hát Dạo Bên Trời (1995)
- Gọi Tình Bên Sông (1997)
- Thơ đã in trong các thi tuyển:
- Tháng Giêng Sài Gòn, Anh Làm Thơ Yêu Em.
- Những Gương Mặt Thơ Mới.
- Hai Thập Kỷ Thơ Huế
- Thơ Tình Xứ Huế

Trần Doãn Nho

Trần Dzạ Lữ và *Hát Dạo Bên Trời*

Mỗi lần nhắc tới cái tên Trần Dzạ Lữ là ký ức gợi đến ngay bài thơ "Bài thơ thứ hai cho người tình sầu cố xứ". Tôi còn nhớ bài thơ đó đăng ở tờ Văn. Đó không phải là bài thơ đầu của Lữ. Cũng không phải là bài thơ hay nhất của Lữ. Tôi nhớ cái tựa đề. Nói cho đúng, tôi nhớ hai chữ "cố xứ". *Người tình sầu cố xứ*. Nghe là lạ. Cố xứ cũng như cố hương. Nhưng nghe có cái gì ngậm ngùi hơn là cố hương.

Hỡi người em lệ sầu mắt đỏ
Áo trắng dài trong nắng vàng rưng
Em biết không chiều nay anh nhớ
Thân lạc xứ người hồn đau gửi cố hương.

Trong vài bài thơ về sau, thỉnh thoảng Lữ có dùng lại từ này. Không phải cho tựa đề, mà là trong dòng thơ, nghe da diết vô cùng:

Những hồn vắt trên non
Cũng đau tình cố xứ.
(Thánh đọa)

Nhớ điên trời cố xứ
Áo tím ai qua cầu
Ta như là ngọn gió
Hôn tóc đầm mưa ngâu…
(Đêm mưa nghe tiếng đàn bầu).

Đọc Lữ, ta sẽ thấy cái "tình cố xứ", cái "trời cố xứ" đó – hãy tạm gọi là "tâm thức cố xứ" - loanh quanh lẩn quẩn dưới những giòng thơ của chàng, không lúc này thì cũng lúc khác. Cố xứ là nơi chốn cũ. Là Huế. Lữ/Huế. Tôi/Huế.

Hồ Minh Dũng/Huế. Lê Bá Lăng/Huế. Mường Mán/Huế. Trần Hoài Thư/Huế. Vân vân. Một cái tên thường gọi nhớ những cái tên như thế. Vì Huế thích thơ thích văn. Người Huế có cái lạ. Đang sống ở Huế, với Huế, mà hễ mới rời Huế, xa Huế, là nghe Huế-thương-Huế-nhớ y như thể bỏ Huế, y như thể không biết khi mô mới về lại Huế. Mà có xa gì cho cam. Ở Sài Gòn (hay ngay cả ở miền Tây) thì chỉ là một cái vé máy bay hai, ba tiếng đồng hồ. Hình như đó là thứ tâm thức đặc thù Huế. Ở thì muốn đi (vì buồn quá!). Mà đi thì lại nhớ. Nhớ thì muốn về. Nhưng về thăm chứ không muốn ở lại. Huế là cố xứ. Huế trở thành cố xứ. Khi đã gọi là cố xứ là không hy vọng gì về lại được chốn cũ. Hay nếu có về lại cũng không thể tìm ra những gì mà mình thích, mình tưởng tượng. Nói cho đúng, cố xứ là thứ thiên-đàng-tuổi-nhỏ đã mất. Cố xứ đó có người em gái, có bà mẹ già, có "nhai bắp rang đọc chuyện Kim Dung",có tuổi thanh xuân, có em thắt bím màu hồng, có một cô Tôn Nữ nào đó…Tóm lại, đó là nơi chứa đựng những thứ mà cho dù có trở lại Huế thì vẫn không thể tìm lại được. Hãy nghe Lữ than thở:

Bây chừ hoa phượng nở
Rưng rưng chiều nội thành
Ta về phơi thương nhớ
Bên đường kỷ niệm xanh

Một mình đi loanh quanh
Kiếm tìm mùi hương cũ
Phượng nở sen cũng nở
Sao không nở tình em?

...Tìm đâu ra em hở
Tôn Nữ của ngày xưa?
Một thời ai nghiêng nón
Sửng sốt hồn trai tơ!
(Mùa hạ về Thành Nội)

Thực ra, cái tâm thức cố xứ đó của Lữ còn được hình thành từ một tình huống dở khóc dở cười khác của thời đại: lính- học trò. "Là cậu học sinh, từ sân trường bước vào ngay quân trường, chiến trường, nhiều khi chưa kịp kinh qua cuộc sống xã hội, trong các quan hệ nghề nghiệp, tình yêu, hôn phối. Trong mỗi cậu học trò mười lăm, mười bảy, đã có một người lính mai phục đợi chờ. Và trong mỗi người lính về sau, vẫn còn cậu học trò ẩn náu, dở dang" (Đặng Tiến, Lời tựa cho tuyển tập "Thơ miền Nam trong thời chiến"). Đặng Tiến thật chí lý khi phát hiện tính cách khá đặc thù đó của một thế hệ lớn lên là đã thấy chiến tranh nằm lù lù trước mặt! Nói một cách khác, Lữ nằm trong đại đa số những người trẻ tuổi chưa sống hết những nôn nao tươi rói tuổi học trò thì thoắt một cái, lao vào vòng binh lửa.

Chính nơi đó ta và em đã sống/Tròn những ngày ngại ngái tuổi mười lăm (…)

Chính nơi đó hồn ta như chiếc áo/Chưa bị người đời ruồng rẫy đem vày (…)

Chính nơi đó tóc em bay từng sợi/Cho ta thầm yêu mây của trời sao.

(Ngày vẫy biệt khu rừng mơ tuổi nhỏ)

Đang "ngại ngái tuổi mười lăm", hồn còn "như chiếc áo" mới, nhìn "tóc em bay từng sợ" để mà mộng mơ, thì bỗng "*khi không tháng giêng lên núi/Trời đày ta và thần thánh xa nhau*", Lữ đành phải trút bỏ lại tất cả để lên đường. Đi đâu? Đi đến nơi:

quân hai bên ngã gục giữa đất trời
mây khóc đầu non vì buồn ly loạn
cỏ cây run trong gió lạnh tanh rồi…
(Chiều Mai Lộc)

Tất cả thoáng chốc như một cuộc đời dựng ngược:

Bốn năm thằng lơ láo
Áo quần rách tả tơi

Ăn cơm bên xác người
Tay bốc, tay cầm súng

Ăn xong múc nước ruộng
Uống đại cho qua ngày
Quê nhà em có biết
Chinh chiến thân lưu đày?
(Bữa cơm ngoài chiến trường/1972)

Bài thơ đầy hiện thực này không có trong tập thơ "Hát dạo bên trời", nhưng có mặt trong tuyển tập "Thơ miền Nam trong thời chiến" do Thư Ấn Quán của Trần HoàiThư sưu tập và phát hành ở Hải Ngoại. Và mới đây, đặc biệt được Nam Lộc, người điều khiển chương trình ca nhạc Asia, chọn đọc nguyên bài trong Video "Tình khúc từ chiến trường", nói lên thân phận của người lính VNCH và ca ngợi những đóng góp của họ cho đất nước mà đã từng bị lãng quên vì là những người thua cuộc. Hãy đọc tiếp vài đoạn trong một bài thơ chiến trường khác, cũng không có mặt trong "Hát dạo bên trời":

Chiều Mai Lộc núi đồi điên loạn
Quân hai bên đắnh đá mút mùa
thằng xấu số chết vì xấu số
bỏ vợ con đau xót quê nhà

Chiều Mai Lộc không mưa không nắng
lửa cháy trong hồn những kẻ đi xa
này anh lính nhỏ nhoi miền Bắc
giữa sương mù anh có nhận ra ta?
(Chiều Mai Lộc)

Bài thơ này, hiện thực không kém, hơi thơ lại trào lộng, khiến cho nó mang một nét bi tráng riêng, nhắc ta nhớ đến một số bài thơ đầy mùi khói súng của Trần Hoài Thư hay bài "Qua sông" của Tô Thùy Yên.

Có lẽ do một số hoàn cảnh tế nhị, thơ lính không nhiều trong tập thơ "Hát Dạo Bên Trời". Lữ có lẽ đã chọn bỏ đi nhiều bài, chỉ giữ lại một số rất ít bài thơ mang hơi hướm chiến tranh và đời lính trước 1975. "Thư gửi người ở lại" có lẽ là một trong những bài đầy "tâm trạng" của người-lính-bất-đắc-dĩ Trần Dzạ Lữ:

Em đừng hỏi trong rừng có gì lạ
Có gì đâu xương rã với hồn đau
Và khi không tháng giêng lên núi
Đời đày ta và thần thánh xa nhau
(...)
Em đừng hỏi trong rừng có gì lạ
Có gì đâu bia mộ dựng trong hồn
bạn bè ta ưu tư ngả gục
Với rừng già rách nát thương tâm.
(...)
Em đừng hỏi trong rừng có gì lạ
Có gì đâu ta từ buổi lên đường
Hôn chưa kịp em – bây giờ hôn đất
Thay chiếu giường bằng hầm hố cô đơn

Em đừng hỏi trong rừng có gì lạ
Có gì đâu rừng rú điêu tàn
Nai lạc dấu – ngàn thương trăng cũ
Ta nhớ người tình quay quắt trong sương

Bài này làm năm 1971, là một trong những năm cao điểm nhất của cuộc chiến. Khác với mấy đoạn thơ trích ở trên, bài này có ngôn từ trau chuốt hơn, bóng bẩy hơn với nhiều ẩn dụ và tất nhiên, nghệ thuật hơn. *Xương rã với hồn đau/bia mộ dựng trong hồn/quay quắt trong sương*... Những cụm từ đọc lên nghe ngậm ngùi và nhói đau cho thân phận người lính. Nên không ngạc nhiên gì khi nghe lời van xin:

Ta chỉ xin một ngày
Hồn thôi in dấu đạn
Biển rộng cánh tình bay
Cho đời thôi mắc cạn..
(Thánh đọa)

"Mắc cạn". Đúng là mắc cạn. Thời chúng tôi là thời của những người mắc cạn. Cả một thế hệ mắc cạn. Những người lính như Lữ lại càng mắc cạn. Tiến không xong, lùi cũng chẳng được. Cũng vẫy cũng vùng đấy, nhưng cũng chỉ để vẫy và vùng. Và khát khao. Và trông ngóng. Hơn bất cứ ai, người lính là người thiết tha nhất trông ngóng ngày tàn cuộc. Để có nước mà bơi. Để có tương lai mà mơ ước.

Ngày tàn cuộc người về thăm quê quán
Đồng cỏ mừng đón vó ngựa hồng xưa.
...Giọt lệ mừng và tay vui vẫy gọi
Bếp lửa hồng nhúm lại buổi hoang sơ
...Có chị hồi sinh tuổi xưa rực rỡ
Phơi tóc chiều xuân bên giậu hoa vàng
...Để ta thắp tình ngợi ca Tôn Nữ
Nụ hôn nào thơm hương sứ hương sen?
Đường vào nội thành mùa xuân trải chiếu

Vó ngựa hồng, bếp lửa hồng, phơi tóc chiều xuân, mùa xuân trải chiếu…Chao ôi, một giấc mơ hoà bình thơm lừng hạnh phúc!

Khốn nỗi, hòa bình rồi, cái thế hệ vừa học trò vừa lính ấy ở miền Nam lại vẫn mắc cạn. Lần mắc cạn này dai dẳng hơn, dở khóc dở cười hơn, và có khi tàn nhẫn hơn. Thoát được "nỗi buồn chiến tranh", Lữ - cũng như hàng triệu triệu người miền Nam - lại rơi vào "nỗi khổ hòa bình". Là phía thất trận, chàng phải đi ở tù. Chàng trở thành công dân hạng hai, thành kẻ đứng ngoài. Không còn một cơ may nào trong xã hội mới, con đường duy nhất cho những

người thất trận là đem hết sức bình sanh ra, bươn chải kiếm sống. Tất cả chỉ còn một mục đích duy nhất: sống còn. Cuộc chiến đấu để sống còn này, tuy rất âm thầm, nhưng không kém phần sinh tử. Hãy nghe Lữ nói về đạo quân tìm trầm thời xã hội chủ nghĩa:

Nói chung, đám tìm trầm
Vì đói cơm rách áo
người yêu coi như không
Vợ con là gió thoảng
..Đâu phải giò phong lan
Tim tím chiều mắt ngó?
Cũng không phải chùn chân
Trước núi rừng muông thú
Nhưng mà, cả binh đoàn
Đều rưng rưng nước mắt
...Dốc còn cao mong đợi
Tình còn sầu chơi vơi
Riêng ta thì em ơi
Nhớ miền Nam tha thiết
Sài Gòn em có biết
Nỗi đau của mưa rừng?
(Khi qua dốc Mạ Ơi ở Ba Lòng)

Nghe hao hao như Lữ đang tả cảnh chiến trường thuở nảo thuở nao!

Tôi cũng đã từng là dân "ngậm ngải tìm trầm". Cho nên đọc những giòng thơ này lòng thật vô cùng cảm khái và thấm thía. Nhân đây, tôi xin trích một đoạn ngắn trong phần kết bài "Ngậm ngải tìm trầm" của tôi như là một chia xẻ cùng nỗi gian nan của Lữ:

"Người xưa ngậm ngải tìm trầm. Ngày nay, tìm trầm không cần ngậm ngải nhưng không thiếu gian nan. Xưa cũng như nay, khi đói, người ta thường tìm rừng: môn, khoai, cây, trái...Thiên nhiên hào phóng, lúc nào cũng sẵn sàng dâng hiến của cải cho con người. Nhưng, con người

tham lam, thô bạo. Rừng không còn thiêng, nước không còn độc. Núi rừng bây giờ toang hoác trước những đợt tiến công không thương tiếc của con người: bom, đạn, đào vàng, xẻ núi, đốn gỗ, lấy trầm...Riêng trầm hương, một loại cây quý hiếm của núi rừng Việt Nam, qua một thập niên bị đạo quân đói - hậu quả của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa - tấn công tàn phá, có lẽ đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Khoảng từ năm 1983 đến 1993 - mà cao điểm là những năm từ 1984 đến 1990 - đạo quân cả trăm ngàn người đó gần như có mặt suốt dãy Trường Sơn, từ Việt Bắc đến cao nguyên miền Trung, để tìm trầm : mọi cây trầm gần như bị chặt trụi. Chẳng rõ có được bao nhiêu cây thoát khỏi búa rìu của con người. Họa chăng chỉ còn nhưng cây con. Có thể cả trăm năm sau, với điều kiện môi sinh được bảo vệ thật tốt, may ra rừng núi Việt Nam mới thấy lại được cây trầm. Dù sao, có cả triệu người sống qua được cái giai đoạn tàn khốc đó của lịch sử nhờ trầm: đó là những người miền Nam thất cơ lỡ vận, những người miền Bắc nghèo đói.

Xin cám ơn trầm !

Và cũng xin ngậm ngùi thắp nén hương lòng cầu nguyện cho cây trầm được tái sinh ở núi rừng Việt Nam. Dù một trăm hay hai trăm năm nữa!"

("Loanh quanh những nẻo đường**"**, ký và tùy bút, nxb Văn Mới, Cali, 1998)

Hồi còn ở Việt Nam, tôi có ghé thăm Lữ cùng với Hồ Minh Dũng. Gia đình anh ở trên một căn gác nhỏ, trong một con hẻm nằm trên đường Trương Minh Giảng, thuộc quận Phú Nhuận. Ngay phía dưới là một cái chợ nhỏ. Nhỏ nhưng khá tập nập. Hàng ngày hai vợ chồng ra bán rau ở đó. Chị bán, anh phụ. Nhà thơ và người đàn bà đã từng là "cô gái Sài Gòn" phơi phới ngày nào bây giờ ngồi giữa rau, giữa cải, giữa mùi tanh, giữa ruồi, giữa kiến, giữa những phùng mang trợn mắt, giữa những đốp

chát, giữa những chèo kéo, giành giựt. Ở đó không có thơ mà chỉ có đời sống. Và đời sống thì vô danh. Lữ vô danh. Chúng tôi vô danh. Bên những cốc rượu đế, những kẻ vô danh chúng tôi tự tìm lấy nơi nhau một chút tình nghĩa cũ càng, lỗi nhịp. Chẳng đủ xóa đi được tí nào nỗi nhọc nhằn của cuộc mưu sinh, lại càng thêm ngậm ngùi cho thân thế những con người qua cuộc phế hưng. Nhưng dù sao cũng có chút âm ấm tình người. Dù chỉ là khoảnh khắc.

Căn gác trọ đi vào thơ anh:

Này gác lửng, hơn nửa đời rồi đó
Ta mới có mày giữa cuộc phù vân
Đời thử ta như lửa thử vàng
Cay đắng bủa quanh hồn xưa chao chớn
...Xin lỗi em cô gái Sài Gòn
Đã vì ta mà xa giảng đường, thư viện
Xa thời mộng-mơ-lưu-luyến
Để hóa thành cổ tượng giữa trầm luân
Vì áo cơm mà em ra chợ
Một hồn buồn giữa cõi rau xanh
Ngày văng tục trên miệng người láu cá
Mà em thì líu lưỡi bởi không quen
Còn ta nữa, thằng làm thơ và lang thang
Cũng phải bơi theo dòng đời chóng mặt
Lầm lũi kiếm từng li vàng giữa trời cao đất thấp(...)
(Mùa Xuân trò chuyện với gác lửng)

Bài thơ này có hai chữ lạ: *chao chớn*. Chao chớn là chênh vênh, chao đảo, bất định? Hình như từ này cũng được Lữ dùng ở đâu đó trong một bài thơ khác. Cùng với "cố xứ", "chao chớn" mang âm hưởng riêng của Lữ.

Bài "Ở chợ" nghe càng chua chát và ngậm ngùi hơn:

Mười năm ở chợ không tri kỷ
Ta đứng thu thân một nỗi buồn

...Ở chợ đông sao hồn cứ lạnh
Đốt thuốc hoài không ấm nửa chiều?
....Ta bán rau xanh ngày mệt lử
Đêm còn ngồi đọc sách thánh hiền
Cố quên cơm áo – Vòng danh lợi
Sao đời nỡ hối thúc bên lưng?

Ôi, "nỗi buồn chiến tranh" và "nỗi khổ hòa bình"!

Dẫu sao, rốt cuộc, Lữ đã trở lại, có cơ hội trở lại với thế giới văn chương chữ nghĩa, điều mà rất nhiều và nhiều năm sau 1975, không ai dám nghĩ tới. Và "Hát dạo bên trời" đã ra đời. Nhìn ngày tháng ghi trên những bài thơ, tôi tò mò nhận thấy bài "Mùa xuân gửi thị trấn hoa vàng" đề năm 1975 (hẳn là trước tháng 4/75) và bài kế đó đề năm 1982. Nghĩa là có một quảng thời gian anh không làm thơ (?). Bảy năm. Một khoảng cách thời gian đầy ý nghĩa. Đó là khoảng thời gian mà xã hội miền Nam trải qua một cuộc xáo trộn khủng khiếp, người miền Nam quằn quại, vật vã chuyển đổi từ một dạng sống này đến một dạng sống khác. Đổi lốt. Đổi đời. *Đổi* còn là may. Phải nói là *lật ngược* đời!

Ấy thế mà cái lạ là thơ Lữ vẫn thế. Đọc hết tập thơ, ta nhận thấy Lữ trước và Lữ sau vẫn là một Lữ. Trong lời thơ. Trong hơi thơ. Trong hồn thơ. Trong chữ và nghĩa. Trong tấm lòng. Cung Tích Biền nhận xét: "Ba mươi năm, thơ vẫn giữa được một dung phong thuần nhất" (Lời tựa của tập "Hát Dạo Bên Trời"). Này nhé, hãy đọc một đoạn thơ của năm 1969:

Ngày tháng rụng đầy lòng tôi hiu hắt
Chiều cuối năm châm thuốc nhớ nhà
Rượu tha phương uống hoài chưa cạn chén
Buồn người đi đời lạnh bến sông xa
(Xuân tha phương)

Một đoạn khác vào năm 1991:
Tha phương hề, hiu hắt mười năm
Vẫn thương hương bưởi ngái trong hồn
Quê ơi, mùa rét qua trên tóc
Ta vẫn mơ mòng đêm sáng trăng!
(Gửi người áo tím/1991)

Một đoạn vào năm 1971:
Chiều lên nốc rượu giải buồn
Rừng kia đứt ruột ta đờn đứt giây
Xa em nhớ tháng thương ngày
Ngó ra bè bạn một bầy cô đơn
(Chiều tôi)

Một đoạn khác vào năm 1995:
Ngồi đây, thương tiếng đàn tranh
Tay em mười ngón lùa quanh tình sầu
Lượng đời hao hụt nơi đâu
Chỉ còn nỗi nhớ Tô Châu ta về...
*(*Ở quán cà phê Diên Vỹ)

Cũng đều là nỗi buồn chia cách. Lời thơ đơn giản. Hơi thơ nhẹ, êm. Nhịp điệu chậm rãi. Mấy chục năm trôi qua với bao nổi trôi, cay đắng, Lữ vẫn giữ một cách "hành thơ" riêng của mình, không cần cách tân, không cần khám phá, không cần kỹ thuật này kỹ thuật nọ gì gì hết. Không cần giả danh, theo đuôi. Không "thiền", không "đạt đạo", không "hư vô", không khinh thế ngạo vật, ngạo người ngạo đời và ngạo mình. Lữ làm thơ với những gì sẵn có trong mình. Hiếm khi tìm thấy trong thơ Lữ những cặp từ Hán Việt phảng phất mùi triết lý thời thượng, làm dáng. Lữ làm thơ cứ như là làm cho mình đọc. Buồn thì nói là buồn. Vui thì nói là vui. Không giả vờ vui, giả vờ buồn. Một nỗi buồn hiền lành và chân thật. Và cụ thể.

Thương đứt ruột làng quê bản quán

Nhưng làm sao về lúc tay trắng công danh
- Tiếc công giữ mộng canh hình
Gương xưa đã vỡ sao lành được em;
- Ta, bao nhiêu năm mơ về với quê
Mà ngặt nỗi tình em theo lận đận
Mẹ vì ta, mỏi mòn nơi cố quận
Em vì chồng ngơ ngác một đường bay…
- Người về chân thọt, tình phai
Nương cau, vườn chuối ngọt bùi với ai?
- Mấy năm cháy chậm trong hồn
Nhớ nơi cắt rún lửa đun trong đầu.

Lữ làm nhiều loại thơ khác nhau: năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, lục bát. Hầu như không có một bài thơ tự do phá cách nào. Cũng đáng xem là lạ. Giai đoạn Lữ sáng tác mạnh nhất là 1965-1975 là giai đoạn ảnh hưởng của nhóm Sáng Tạo mạnh mẽ trên văn đàn miền Nam. Tờ báo Văn nơi thơ Lữ thường xuyên xuất hiện không thiếu loại thơ phá cách. Sau 1975, nhất là từ giai đoạn "đổi mới" (cỡ những năm 1985, 1986), thơ trong nước không thiếu loại thơ này. Ấy thế mà Lữ không chịu ảnh hưởng một tí nào. Anh cứ làm thơ theo cách riêng của anh. Vần điệu đầy đủ và chỉnh. Dù năm chữ, bảy chữ, tám chữ hay lục bát. Trong những bài lục-bát, anh vẫn theo nhịp 2/2 đều đặn:

Hồn xưa/vừa chín/ăn năn
Em đi/ biển động/ đã trăm /nỗi buồn
Tôi về/ dáng thú/ buồn hơn
Trong hang/ mưa lạnh/ lưng khom/ sợi chiều

Lâu lâu ta thấy một cách ngắt nhịp hơi khác:
- Nhớ em ai lấp cho bù
Hồn tôi/ một dải đất/ mù mịt/ xưa
- Nghĩa là xa lắc thiên đường
Anh/ trăn trở ngóng/ em /mường tượng mong…

Nói chung, những bài thơ thành công nhất của Lữ thường là những đoản khúc lục bát hay thơ tám chữ. Chẳng hạn như đoản khúc sau, tả về tâm trạng xao xuyến của người lính hành quân trên núi:

Lên đây vai nặng bước liều
Quanh co sông núi khói chiều tơ vương
Mùa xuân gối đất nằm sương
Tôi thân co lạnh với hồn cây thưa
Lên đây trời đất mập mờ
Trong tôi buồn thổi từng giờ tử sinh
(Ngày xuân ở Thường Đức)

Những bài tám chữ như "Thư gửi người ở lại", "Ngày vẫy biệt khu rừng tuổi nhỏ", "Gửi người xa xăm", "Sao không nói"(bài này không có trong tập thơ "Hát dạo bên trời") dài hoặc khá dài, là những bài hoàn chỉnh và lời thơ rất tha thiết. Nhiều hình ảnh, nhiều ví von đa dạng. Với tôi, cái "chất thơ Trần Dzạ Lữ" chân thật nhất thường tỏa ra nơi những bài thơ tám chữ đó. Hơi thơ lắng đọng, nhịp thơ miên man, lời thơ níu kéo nhau tạo nên nhiều cảm xúc.

Hãy thưởng thức vài trích đoạn từ những bài thơ nói trên:

Sao không nói những khi đời au đỏ
Một còn đầy trong mắt của nhau xưa
Để bây giờ người ra đi tám hướng
Cho kẻ về ngậm tủi bến sông mưa
...Sao không nói những khi tình còn mới
Trên tay yêu một thuở đẹp vô cùng
...Sao không nói những khi ta mời rượu
Uống cho nhau những cảm khái rất nồng
...Sao không nói những khi còn hơi ấm
Của Phượng phà vào chiếc cổ Loan xưa
Để bây giờ tiêu điều kia đã ngấm
Như nỗi buồn cứ lớn mãi trong thơ

(Sao không nói)

Chính nơi đó tóc em bay từng sợi
Cho ta thầm yêu mây của trời cao
Tình rất dại nên tình chưa dám nói
Hồn tơ trời chưa buộc chỉ thương đau
(Ngày vẫy biệt khu rừng mơ tuổi nhỏ)

Rồi thuở xa người vầng trăng lặn mất
Đường ta đi suối lạ vắt ngang hồn
Nhánh cây đời không còn đơm trái nữa
Để khói ngàn bạt xuống cánh dơi mong
(Gửi người xa xăm)

Em đừng hỏi trong rừng có gì lạ
Có gì đâu rừng rú điêu tàn
Nai lạc dấu – ngàn thương trăng cũ
Ta nhớ người tình quay quắt trong sương
(Thư gửi người ở lại)

Cám ơn Lữ. Cám ơn nhà thơ. Những dòng thơ chân tình của Lữ đưa tôi sống lại những ngày tháng quê nhà yêu dấu. Một quê nhà rất đời thường, rất ngọt, rất đậm đà. Và cực kỳ đơn giản.
Điều tôi không thể nào tìm thấy bây giờ trong cuộc sống mới trên xứ người.

(Boston 5/2008)

Nguyễn Vy Khanh

Trần Dzạ Lữ, nhà thơ hát dạo bên trời

Nhà thơ Trần Dzạ Lữ (còn ký Trần Yên Hồ) tên thật Trần văn Duận, sanh năm 1949, khởi làm thơ từ thập niên 1960 và đã có thơ đăng trên các tạp chí *Văn, Văn Học, Thời Tập, Khởi Hành*, v.v. Các tác phẩm *Hát Dạo Bên Trời* (NXB Trẻ, 1995) và *Gọi Tình Bên Sông* (1997) được xuất bản sau hơn 30 năm góp mặt với làng thơ. Mở đầu tập *Hát Dạo Bên Trời*, nhà thơ đã ghi : "được thai nghén trên 30 năm nay đứa con đầu ra đời và hiện đang đứng Hát Dạo Bên Trời ...".

Từng được đọc thơ ông từ trước 1975 và mới đây sau khi đọc *Hát Dạo Bên Trời* (1995), chúng tôi xin ghi lại một số nhận xét (phần thơ trích từ tập HDBT và một số tạp chí trước 1975 cũng như trên mạng). Đọc thơ Trần Dzạ Lữ với những người từng theo dõi văn-chương, cũng là một cách hồi tưởng, sống lại những năm 1960, 1970 là một thời nghệ thuật đáng nhớ của những con người từng sống ở miền Nam tự do.

*

Trước hết, thế giới thi ca của Trần Dzạ Lữ là cả một khung trời tình yêu, bắt đầu với **thơ tình một thời học trò**. Ở đây là những mối tình hoa mộng, lời hoa mà lòng gấm, lời đan thanh mà lòng đã nhiều đam mê. Không gian học đường đã đóng khung những bước chân chim non, những gót son thấp thoáng nơi sân trường và tản đi nhiều phương khi tan trường về. Tình thuở môi hồng được viết thành thơ :

Anh chưa nhìn sao em đà cúi mặt
Để buổi chiều bẽn lẽn ở sau lưng ?
Bước chân chim hình như cũng ngại ngùng

Anh sửng sốt thả rơi tình, ân hận...
(...) Anh chưa nhìn sao em đà hấp tấp
Ướt mi chi cho xa lắc trăng rằm ?
Đến mây trời cũng ngừng cuộc lang thang
Để bịn rịn theo ai về cuối ngõ ...
(...) Anh chưa nhìn sao em đà cúi mặt
Hay là anh giống hệt một gã khờ ?
Em - tháng giêng ngon cũng vừa bay mất
Và cuối hồn anh còn chút dư hương... (Tặng người áo trắng)

Những hẹn hò khi tình đã chín, những nuối tiếc vì tuổi học trò đơn sơ không tính toán, để phải "*bây giờ thu bên đời lận đận*" :

Sao không nói những khi mình gặp gỡ
Những khi ngày còn chở mộng qua sông,
Để bây giờ lòng chỉ mới hỏi lòng
Mà đêm đã chia sầu tình vanh vách
(...) Sao không nói những khi trăng còn hẹn
Với lầu khuya say ngợp cả đất trời
Để bây giờ trăng bỏ về phương khác
Cho chim buồn kêu lẻ dưới sương rơi
(...) Sao không nói những khi mình vương vấn
Những chiều thu vàng thầm bước theo nhau
Để bây giờ thu bên đời lận đận
Lạ nhau rồi còn ai ngóng ai đâu ...(Sao không nói?)

Người tình ấy từng da diết, rồi cũng có lúc chia phôi, tình chỉ còn trong nỗi nhớ:

Tháng giêng gợi nhớ môi người,
Trong đêm tóc rối một trời yêu thương.
Bây giờ thêm nhớ mùi hương,
Một giai nhân đã đổi đường chim bay (Khúc tháng giêng)

Tiếc nuối trên những dấu chân xưa, nơi "phố chợ đó cũng hoang đường cổ tích":

Người đã xa như một vì sao nhỏ

Cuối chân trời thương nhớ vẫn chưa nguôi
Tôi đếm những mùa xuân qua hút bóng
Nghe trong hồn hoa cỏ cũng tàn phai ... 1967. (Xuân lối cũ, HDBT tr. 12)

Tiếc hơn nữa mỗi khi mùa Xuân lại đến rộn ràng, hoa quỳ vàng đã choán hết ký ức :

Dừng bên cầu hát quạnh / Nghe mưa bụi qua hồn
Mới hay xuân trở lại / Xui nhớ người yêu thương
Mùa nào hoa quỳ nở / Ta trao nhau mộng đầu
Tuổi mười lăm mười bảy / Em ngọt đời như dao
(...) Bây giờ Tết rồi nhỏ / Mình vẫn còn xa nhau
Chắc em quàng khăn nhớ / Đợi anh về, xôn xao !
Đừng có buồn nghe nhỏ / Ở thị trấn hoa vàng
Có hồn anh theo nhỏ / Tình vẫn nồng trăm năm. 1975

(Mùa Xuân gửi thị trấn hoa vàng HDBT tr. 38-39)

Thị trấn hoa vàng của mộng đầu tình non xanh tuổi mười bảy. Hoa quỳ vàng nhắc nhở người yêu bé nhỏ :

Bên sông tình tự, nay gọi tình bên sông :
Có một lần nhớ quá / ra sông đứng gọi tình
tình xa, người hoá lạ / chiều mồ côi cánh chim...
Có một đời xưa quen / đã mù sa cổ tích
kỷ niệm sầu chia nhánh / Địa Ngục và Thiên Đàng
(...) Có đôi lần đứng ngóng / ngày tình nhân chia lìa
vỗ đàn mà hát hỏng / nhớ sum vầy xưa kia...
Có nhiều lúc chơi vơi / hôn Cúc vàng thầm lặng
thương ơi tờ lụa mỏng / em biệt dạng bên trời. 1990

(Gọi tình bên sông, HDBT tr. 59-60)

Bài thơ sau được dùng lại làm chủ đề cho cả thi tập Gọi Tình Bên Sông xuất bản năm 1997.

Rồi cũng có "*ngày vẫy biệt khu rừng mơ tuổi nhỏ / ta xuống đời, biết chắc đã xa em ...*" (tr. 29) để đi vào đời, "*anh đi lẳng lặng bóng cò / chỉ mang theo lá thư hò hẹn xưa*" (tr. 30).

Tình đã dở dang, sao đổi ngôi, hay vật đã đổi sao đã dời :

Trên đời có sao đổi ngôi
Trong em kẻ lạ thay tôi đổi tình
Tiếc công giữ mộng, canh hình
Gương xưa đã vỡ sao lành được em?
Chong đèn soi cổ tích đêm
Thấy trong tiền kiếp bóng mình ngu ngơ... 1991 (Sao đổi ngôi, HDBT tr. 69).

Lẳng lặng một bóng, nhưng đã là nòi tình thì tình vẫn đeo đuổi mãi, nhưng sau này thì theo thời thượng vi tính :

Ngày xưa anh nhấp tình / Bây giờ thì nhấp chuột
Dõi tìm trên vi tính / Tình trôi vào vô minh...
Ấn tay vào bàn phím / Anh lại nhớ về em
Mang mang tà áo tím / Thiếu nữ qua sông buồn!
(...) Nhấp chuột - cũng không vui / Nhấp tình - tình vời vợi...
Làm sao quên được người / Nụ hoa đỏ trên môi?
Mùa xuân về dưới phố / Gác trọ mình đơn côi! (Nhấp tình)

*

Tình ở Trần Dzạ Lữ rốt cùng là **tình Huế**, tình với Huế, của Huế, của Huế hôm nay hoặc của quá vãng, trong tâm tưởng, hoặc Huế của trống vắng thần khí. Huế nơi nhà thơ sinh trưởng nhưng sống ở đó ngắn hơn Sài-Gòn và những chân trời lận đận của chiến tranh và thời hậu chiến bi ai. Nhớ nhất đôi mắt Huế, mắt của đam mê mời gọi một thời và xa xôi thì nhung nhớ thành ám ảnh đời :

Dù ở đâu không thể nào lẫn được
Đôi mắt em thăm thẳm mộng bên trời
Mắt đợi chờ làm điếng cả hồn tôi
Tình như rứa làm răng tôi cất bước?
(...) Dù đi đâu cũng không thể nào xa được

Mắt - Huế - xưa theo dõi bóng giang hồ
Tôi phải trôi về những cơn mơ
Áo - tím - Huế bay trong chiều lụa - bạch
Đôi mắt ấy thoạt nhìn như sắp khóc
Dẫu đời tôi hoá đá cũng chao lòng
Mắt u buồn vẫn liếc dáng thuỷ chung
Như mắt mạ chờ cha nơi phố cũ...
Dù ở đâu tôi không thể nào quên được
Mắt - Huế - em ngái ngút vẫn đâm gần
Mắt níu đời quen cho đến trăm năm
Tình như rứa làm răng tôi cất bước? (Mắt Huế)

"*Đôi mắt em thăm thẳm mộng bên trời*" phải chăng là đôi mắt huyền của Tôn Nữ của một không gian thi-thoại lá ngọc cành vàng ?

Xưa, em buồn trong Nội / Mắt ướt mấy cửa thành
Chiều chiều ra hong tóc / Thấp thoáng mộng ngày xanh...
Ta, thường hay lui tới / Dưới đường mưa âm thầm
Vì yêu đời Tôn Nữ / Mong em, cháy nỗi lòng...
Khi biết ta hàn sĩ / Giấu nỗi sầu trăm năm
Em che tình mãi rộng / Ru nhau vào đời ngoan!
Yêu nhau như chim uyên / Dắm như ván trong thuyền
Dẫu búa rìu dư luận / Bủa vây ta và em
Những con đường thề thốt / Lá thấp mùa sương quen
Dấu chân tình ta đẫm / Tuyệt vời phải không em ?
Nhưng rồi tới một ngày / Ta khăn gói ra đi
Mộng tàn trong đáy cốc / Khôn xiết nỗi biệt ly...
Bỏ em sầu trong Nội / Bỏ lại một đoạn lòng
Ta đi làm lữ khách / Viễn xứ hề long đong!
Ta, đứa lạc trong sương / Mù thêm ngày cô đơn
Lắm lúc mơ vàng - đá / Thấy phai màu uyên ương...
(Tôn Nữ có chờ ta ?)

Tôn Nữ được nhà thơ nhiều lần nhắc đến, như kỷ niệm đầu đời hay đã như nỗi nhớ khôn nguôi hoặc mùi hương hằng tưởng nhớ. Tôn Nữ được trang trọng viết hoa, trở thành một cụm từ dễ thương chỉ người đẹp miền sông Hương núi Ngự, ở các bài khác như : Gửi người áo tím, Đêm mưa nghe tiếng đàn bầu, Cảnh tượng tháng Giêng, Ngày tàn cuộc, Mùa Hạ về Thành Nội, v.v. :

Tìm đâu ra em hở / Tôn Nữ của ngày xưa

Một thời ai nghiêng nón / Sửng sốt hồn trai tơ! ... 1995 (HDBT tr. 82), và v.v.

Tôn Nữ hay người nữ tên bắt đầu bằng chữ H. ? H là 'Huế'?

Mình tan loãng vào nhau / từ lúc nào không biết
em như là chiêm bao / mềm trong anh cần thiết
thương lúc nào không biết / mà nghiêng ngửa hồn xưa
(...) nhưng rồi mình xa nhau / bất ngờ như lúc đến
(...) năm năm em mật đắng / vàng lạnh chiếu chăn người
năm năm anh gặm nhấm / dấu ăn năn bên trời
bây giờ thu em ơi / còn đâu mà tan loãng
em đã thành dĩ vãng / anh là gió trùng khơi. 1993
(Thơ Tặng H. khi Mùa Thu Đến, HDBT tr. 73-74)

Người tình Thành Nội tha thiết trở lại trong Bài thơ thứ hai cho người tình sâu cố xứ:

Hỡi người em lệ sầu mắt đỏ
Áo trắng dài trong nắng vàng rung
Em biết không chiều nay anh nhớ
Thân lạc xứ người hồn đau gửi cố hương
Anh gửi hồn về thăm thành nội
Ơi mùa thu nhả lá đổ sương mù
Chiều xưa em hát như chim hát
Giọng vàng lòng đá cũng mềm luôn ... (HDBT, tr. 16)

Lòng đá cũng phải mềm thì lòng trai sao thoát được

lưới tình?

H. phải chăng là Huyền hay Cúc Hoa, ... và nàng áo tím ?

Ừ nhỉ, mười năm sầu xa xứ
Cô-lữ-hành rung tiếng đàn xưa
Nhớ ai như nhớ tình Tôn Nữ
Và màu áo-tím-huế trong mơ ... 1991 (Gửi người áo tím, HDBT tr. 71).

Lưới tình bủa vây nhà thơ, ngày kia, người đẹp Cúc Hoa bên cửa giáo đường Gia Kiệm đã làm lòng nhà thơ nhói đau, vì con tim chợt hồi tưởng mối tình tưởng đã xa nhưng hãy hiện diện dù đã mười lăm năm :

Nép mình bên cửa giáo đường
Ta chờ em giữa vô thường trần gian
Mắt nai trôi giữa hồi chuông
Hồn ta trôi giạt theo hương tóc thề
Mười năm, làm cách chim di
Thèm khăn áo mộng đi về với nhau
Nhưng em nào biết ta đau
Chiều Gia Kiệm có con tàu thương ga?
Hồi chuông làm nhớ quê nhà
Môi cười làm nhớ Cúc Hoa tần ngần... 1989 (Chiều Gia Kiệm, HDBT tr. 54)

Huế ở Trần Dzạ Lữ là Huế của tâm hồn, Huế ở âm vang con chữ hơn là ngôn ngữ Huế sử dụng như với Hoàng Xuân Sơn, một nhà thơ khác của đất Thần Kinh. Với Trần Dzạ Lữ, Huế là những mối tình đam mê đầu đời và da diết, là không gian của những nơi tình tứ như Đồi Vọng Cảnh :

Trên đồi Vọng Cảnh với em
Bao cay đắng cũng hoá nên ngọt ngào
Sá gì đất thấp trời cao
Ta bay trong mộng với hào hoa xưa
Cho dù Huế chiều nay mưa
Ta xin nghiêng bóng che vừa tình em

Trên đồi chia một trái sim
Nửa ta bối rối, nửa em ngập ngừng ... 1995 (Trên đồi Vọng Cảnh, HDBT tr. 81)

Tình của nơi Thành Nội những mùa hoa phượng nở, khi mất rồi có tìm về thì cảnh đó cũng đã phai bóng người xưa : "*Bây chừ hoa phượng nở / Rưng rưng chiều nội thành / Ta về phơi thương nhớ / Bên đường kỷ niệm xanh*"... (1995. Mùa Hạ về Thành Nội, HDBT tr. 82).

Huế là nơi chốn của những kỷ niệm đầu đời thuở mới lớn, nơi đã chứng kiến những mối tình non dại. Những bài của Trần Dzạ Lữ về Huế là những bàn tình ca trung thật nhất, vì Huế cũng là nơi sinh trưởng nhưng người con xứ Huế thân yêu đã phải đi xa lang bạt theo dòng đời. Những giây phút chạnh lòng, nhà thơ nhớ về quê xưa và nếu có những dịp may, con đường xưa lối cũ dĩ nhiên làm con tim người trở về rộn ràng, hàng cây, con đò, ... và người con gái tên Huyền :

Ta trờ lại con đường mười tám
Heo may về lướt thướt bên cây
Những bầy chim trắng xưa khuất bóng
Tóc mun ai thôi đổ sông dài
Nắng hanh vàng ơi-chiều Đại Nội
Ta vô ra một bóng phiêu bồng
Dấu tích vẫn còn rêu phong cũ
Mà tình kia quảy gánh long đong
Toà Khâm-vẫn lầu cao còn đó
Nhưng em xưa nay đã xa rồi
Câu mái đẩy giờ ai buông giọng
Mà nghe sầu cổ tích chơi vơi
Ta trở lại, nhớ Huyền xưa ơi!
Cốc cà phê Bưu Điện một thời...
Mai đi như gió-đời vô định
Biết dặn dò chi nữa hở người. (Mùa Thu về cố xứ)

*

Mặt khác, 'Hát dạo bên trời' có thể xem như chủ đề của tập thơ của hơn 30 năm trời lận đận **phận người** trong thời ly loạn, chiến tranh. Nhà thơ từng triết lý rằng:

Ôm nửa vầng trăng lạnh / ta về bên trời cao
hát điên đời hiu quạnh / chống gậy nhìn mưa mau
Tuổi nay gần tam thập / sống lẻ như đá mòn
bằng hữu mù tăm tắp / tình nhân như dao đâm
Mấy năm rồi không gặp / hồn nứt nỗi âm thầm
nhất túy buồn thêm đậm / ca ngâm vời cỏ cây
Cùng chỉ màu khói sương / ngẫm nghĩ hoài hương đỏ
mắt mờ đường chiêm bao / Ngắt một cành hoa nhỏ
nhớ thu biếc hôm nào / hồn ta chao chớn gió
nay biết về nơi đâu? 1973 (Hát dạo bên trời, HDBT tr. 32)

Hát dạo trong cuộc đời, rồi ca 'cô lữ' những bản nhạc đời:

Ta đứng lại bên đường xuân hiu hắt
Nghe hồn mình như có bước ai xưa
Gõ sung mà ca chuyện người cô lữ
Mộng rất gần mà thực ở đâu xa ... 1974 (Cô lữ ca, HDBT tr. 36)

Người lữ khách đó theo dòng đời trôi nổi. Đà Nẵng cũng là nơi của tình yêu, của môi má, của người thân, nay trở về như 'lữ khách', nơi phải tất bật 'theo cơm áo' nhân sinh :

Đà Nẵng ơi ta là người về muộn
cuối sân ga môi má ấy em còn ?
hay đã tắt nụ cười theo cơm áo ?
mộng tao phùng theo gió trắng qua sông
(...) Đà Nẵng ơi, làm sao có lại một thời
em mắt biếc đi qua trường viện
ta chao về cánh chim chiền chiện
hạnh phúc ghé vào là tấm gương soi !
Đà Nẵng ơi, thương quá một thời

thuở chị đẹp trang đời lóng lánh
giọng Hoàng Oanh bắt đầu ngày ráo tạnh
lúa ngoài đồng hương cốm sinh sôi ! (Đà Nẵng, ngày ta về)

Cũng đành, như phận người, ở một đất nước như Việt Nam từng đã được hơn một nhà văn đề cập đến. Một buông xuôi bi thảm như thân phận nhược tiểu không tiếng nói :

Cũng đành người bỏ xa tôi
Để vun bên đó, để vơi bên này
Chim giờ lệch cả đường bay
Trời xanh đã thắm những ngày hư hao!
Cũng đành buồn chuyện ca dao
Trầu cau đôi ngã, nắng nhàu, mưa xiên...
Cũng đành ngựa lạc, người điên
Suối trôi cô độc, sông biền biệt xa!
Tôi giờ "Trong cõi người ta"
Chiều không, quán vắng, đường xa độc hành... (Cũng đành)

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi, có những lần về phép trở lại thành phố, người sĩ quan Truyền tin Trần Dzạ Lữ lại phải lên đường bỏ người yêu ở lại nơi thị tứ hậu phương, nơi cũng đã nhuốm mùi lửa đạn chiến tranh :

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
có gì đâu xương rã với hồn đau
và khi không tháng giêng lên núi
đời đày ta và thần thánh xa nhau
(...) Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
có gì đâu ta từ buổi lên đường
hôn chưa kịp em - bây giờ hôn đất
thay chiếu giường bằng hầm hố cô đơn
Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
có gì đâu rừng rú điêu tàn
nai lạc dấu ngàn thương trăng cũ
ta nhớ người quay quắt trong sương. 1971 (Thư

Gởi Người Ở Lại, HDBT tr. 25-26)

Tâm sự đôi lúc đành gửi bạn tri âm, như Cung Tích Biền, rằng phận chúng ta đã vậy, bước phiêu bồng đã mỏi, thì sao không như Đỗ Phủ một thời Đường thi ? Vì :

Tôi sinh sau đẻ muộn / sao tâm sự giống ông
tình mây bay gió cuốn / đau từng câu thơ Đường
Đã đi khắp xứ sở / từng đụng nỗi hàm oan
đời sống và trang kinh / chưa bao giờ là một!
(...) Thà say như Lý Bạch / thà cuồng như Trí Thâm
tỉnh như tôi và ông / chỉ thêm mầm bệnh tật!
Nhưng mình mau nước mắt / mặn nồng với cố hương
lẽ nào ta ngoảnh mặt / trước bức bách đời thường?
1990 (Gửi Đỗ Phủ, HDBT tr. 61-62)

Hết tâm sự đến nỗi nhung nhớ những người bạn thơ, bạn văn một thời chữ nghĩa khác, những Huy Tưởng, Nguyễn Mộng Giác, Vũ Hữu Định, ... và cả những chốn vui bạn hữu như Quán cà phê Làng Văn. Vì buồn nhớ nào hơn những khi một mình "*Gối đầu lên hiu quạnh / Ngước nhìn mắt sao khuya / Tự dưng hồn lay động / Có phải người xưa về ?* " (Có phải, HDBT tr. 70).

Nhà thơ bỏ thế giới thi ca cao quí để đối đầu với thực tế cuộc đời. Ở chợ đời, nhà thơ phải bươn chải với đủ thứ 'nghề', phải vịn lấy để sống còn với đời :

Mười năm ở chợ không tri kỷ
Ta đứng thu thân một nỗi buồn
Sáng bảnh mắt ra, ngồi độc ẩm
Chiều về tra vấn lấy lương tâm
(...) Ở chợ đông, sao hồn cứ lạnh
Đốt thuốc hoài không ấm nửa chiều?
Thiên hạ đùn nhau đi kiếm sống
Nhân ái? Tang-thương-ngẫu-lục nhiều
Ta bán rau xanh, ngày mệt lử
Đêm còn ngồi đọc sách thánh hiền

Cố quên cơm áo - vòng danh lợi
Sao đời nỡ hối thúc bên lưng?
(...) Mười năm ở chợ không tri kỷ
Gác chuyện văn chương thấy chẳng đành
Nên ta độc thoại - Ta đây nhỉ?
Thương nhớ xa xăm một bóng hình. 1989 (Ở chợ, HDBT tr. 47-48)

Sau biến cố tháng Tư 1975, nhà thơ lao động nhọc nhằn quá mà vẫn không nhìn thấy tương lai cũng như không đủ cho hôm nay. Cuộc sống đa đoan đưa người thơ phiêu lưu đến những nơi hiểm hốc, trở ra miền Trung đi tìm trầm tìm sống, lòng nao nao nhớ về Nam nơi người thân sinh sống :

Trong đám đi tìm trầm / Chốn thấm sơn cùng cốc
Có người là nông dân / Bỏ cày lên mạn ngược
Có kẻ ở thị thành / Bẻ bút làm hảo lớn
Cũng có 'Anh-hùng-tận' / Vác rựa lên sườn non
(...) Lại có người xưng thánh / Có kẻ là ma vương
Tất cả đều thượng sơn / Cô hồn chung một lũ
Ngày rừng chan mưa lũ / Râu tóc ướt phiêu bồng...
Nói chung, đám tìm trầm / Vì đói cơm rách áo
Người yêu coi như không / Vợ con là gió thoảng
Chiều nay, qua Ba Lòng / Vì đâu mà thương nhớ
Đâu phải giò phong lan / Tim tím chiều quyến rũ
Cũng không phải chùn chân / Trước núi rừng muông thú
Nhưng tất cả "binh đoàn" / Đều rưng rưng nước mắt
Lúc leo qua con dốc / Có tên là Mạ ơi
Dốc còn cao mong đợi / Tình còn sầu chơi vơi
Riêng ta, thì em ơi / Nhớ miền Nam tha thiết
Sài Gòn em có biết / Nỗi đau của mưa rừng
Không ngãi cũng tìm trầm / Áo cơm đang nặng nợ. 1985
(Qua dốc Mạ Ơi ở Ba Lòng HDBT tr. 43-44).

Xa 'cố xứ', tình cảnh lưu lạc *'đêm mưa nghe tiếng đàn bầu*' sao lòng không não nuột thương đau?

(...) Mưa, mù đường chiêm bao / Đàn bầu rung rung nhớ

Mở ngực đời cô lữ / Chỉ là vết tình đau

(...) Tiếng mưa lẫn tiếng đàn / Nhớ ai ngoài nội cũ

Bao năm rồi mẹ hử / Con chưa lần về thăm!

(...) Đêm nay, nghe đàn bầu / Réo rắt, về gác lửng

Chợt hồn ta quay dựng / Quê người ? Quê xưa đâu ? ... 1989 (HDBT tr 49-50).

Trong những cơn khốn cùng, nhà thơ càng trân quý tình nghĩa tào khang của người vợ. Hình ảnh trở nên đẹp dù trong tăm tối của ngõ cụt:

Ơi ngày ấy đắm cơn mê

Săm soi gương lược ta về với nhau

Ngờ đâu tuổi mộng bay mau

Hai vai lại nặng mối sầu áo cơm

... So dây đàn Thúy âm thầm

Mười lăm năm ấy đoạn trường là bao

Ơi ngày ấy đã chiêm bao

Thôi em ráng bước qua cầu cùng anh ... 1990 (Nói với vợ hiền, HDBT tr. 56)

"*Anh trăn trở ngóng, em mường tượng mong*", làm người tình rồi vợ, người nữ đã xẻ chia vui buồn cuộc đời. Hoàn cảnh khó nhăn, ngay cả ngày cưới em nhà thơ cũng không về được, đành làm thơ xin lỗi gửi người em gái quê nhà 'chơn chất' "*Hãy âm thầm lo toan cuộc sống / Cho chính mình, ấy là đã thương anh*" (HDBT tr. 65). Buồn, thất vọng, bất lực trước tàn nhẫn của cuộc đời, là những lúc nhà thơ đã nghĩ đến người xa xưa của một cõi hư vô nào !

*

Nhìn chung, nhiều bài thơ Trần Dzạ Lữ là những vần thơ hay, về Huế, về tình yêu, về cuộc lo toan sau 1975. Ông làm đủ loại thơ nhưng lục bát của ông có

những nét rất riêng - những vần thơ của cuối thập niên 1960 :

Tay tôi vuốt mặt theo ngày
Chim bay về nhánh sầu cây âm thầm
Hồn xưa vừa chín ăn năn
Em đi biển động đã trăm nỗi buồn
Tôi về dáng thú buồn hơn
Trong hang mưa lạnh lưng khom sợi chiều. 1970 (Sợi chiều tà, HDBT tr. 17).

Hai hàng nến thắp áp quan
Người đi nhỏ giọt linh hồn mai sau
Nụ cười sẽ tắt ngàn thâu
Vầng trăng, xiêm áo trên đầu hư vô ... 1966 (Bài hư vô, HDBT, tr. 11)

Chiến tranh đã hiện diện trong thơ Trần Dzạ Lữ một cách bình thường, thủ phận, như không lựa chọn; bài Thầm hỏi trên tạp chí *Văn* (SG) số 138 (1969) là một điển hình:

Sao đêm chưa là đêm mở hội
Cho người về vui từng bước chân chim
Cho người quên tuổi-vàng-chinh-chiến
Đã ba năm dong ruổi trên ngàn
Sao đêm chưa là đêm mở hội
Cho mẹ già quên nỗi tủi chờ con
Cho thiếu phụ quên đời đá-đợi
Đã bao năm cắn lệ thương chồng
(...) Sao đêm chưa là đêm mở hội
Cho tôi về bên ánh lửa đêm đông
Hong thương nhớ những năm dài quạnh quẽ
Bên mẹ già em gái hết buồn trông.

Lời thơ hiền lành, kể cả khi buồn tức tột cùng, lời hằn học nhẹ nhàng như thoáng qua, như khi 'trò chuyện với gác lửng' trong khi vợ "*Vì áo cơm mà em ra chợ / Một hồn buồn giữa cõi rau xanh / Ngày văng tục trên miệng người láu cá/ Mà em thì líu lưỡi bởi không quen ...*"

(HDBT tr. 45-46).

Ở Trần Dzạ Lữ, những hình ảnh *Tôn Nữ, Hoa quỳ, Tháng Giêng, Thành Nội, Thành phố Hoa Vàng*, ... có mặt thường xuyên; đó là thành tố của một thế giới thơ lãng mạn, đam mê, mặc dù nhà thơ phải sống "giữa một biển đời giàu chất quỉ, lắm dạng ma, luôn huyên náo, huyền động, nồng cay trong từng lời mật ngọt ..." - nói như nhà văn Cung Tích Biền trong lời Tựa cho tập *Hát Dạo Bên Trời* (tr. 8). Rồi những chữ dùng của riêng nhà thơ : cuộc về, giấc ngủ ca dao, đắp chiếu thương đau, chở mộng qua sông, mùa tôi dựng tóc lạnh màu thanh niên (Cảnh tượng tháng Giêng), v.v.

Như đã dẫn nhập, đọc thơ Trần Dzạ Lữ đối với những người từng theo dõi văn-chương, cũng là một cách hồi tưởng, sống lại : hồi tưởng một thời đại tức thời-gian. Xưa nay yếu tố thời-gian vốn được các nhà phân tích văn chương xem trọng, trong khi không-gian thường được xem như cái khung, cái vỏ vây quanh các định mệnh, nhân tố. Thực ra yếu tố không-gian cũng khá quan trọng trong thế giới nghệ thuật nhất là thi ca; không-gian liên hệ mật thiết với thực tại, cái sống, làm nền và nội dung cho nghệ thuật. Huế, Thành Nội, Thành phố Hoa Vàng mà cả Sài-Gòn, Đà Nẵng, Đà-Lạt, Ba Lòng, ... đã là những thành tố quan trọng trong sự nghiệp thơ của Trần Dzạ Lữ; đọc thơ ông tức đọc không-gian Huế (và những nơi chốn khác). Văn bản ấy được người đọc khám phá như đã được miêu tả, bao gồm, nhắm đến, mơ tưởng đến, ... Tùy tài năng tác giả mà ấn-bản thơ trở nên khác nào là một bản địa hình táo bạo. Huế mà mọi người đã biết hoặc sẽ biết trong thực tại hoặc với các nhà thơ Nam Trân, Hàn Mặc Tử, ... chưa hẳn đã là không-gian Huế của nhà thơ họ Trần. Thời-gian bao trùm, dĩ nhiên, nhưng phải bám vào một địa lý, nơi chốn, để có thể hiện diện, thành hình ảnh. Các địa danh đó khiến cho tình ý, tâm sự tác giả đã-đầy nhưng như vẫn-

trống, đó là đặc tính đọc-được của không-gian trong nghệ thuật, nhất là thi-ca.

Montréal, 5-2008

Trần Yên Hòa

TRẦN DZẠ LỮ "GỌI TÌNH BÊN SÔNG."

Thuở đó, lúc tuổi tôi vừa lớn, tuổi còn đi học, mỗi lần được dịp đi phố là không bao giờ tôi bỏ quên các tiệm sách. Thuở đó, Tam Kỳ có các tiệm sách như Quảng Thành, Nam Ngãi, Thư, đều nằm trên đường Phan Chu Trinh. Tiệm Quảng Thành bán sách giáo khoa nhiều hơn sách truyện. Tiệm Nam Ngãi lớn hơn, chỗ ngã ba đường, bán nhiều sách văn học và báo chí nên thu hút được nhiều khách hàng, nhất là giới học sinh, giáo sư, công tư chức. Tiệm Thư, có cô chủ tên là Lệ Ngọc, tên đẹp như người, Lệ Ngọc có dáng như thiếu nữ trong tranh, nhưng tiệm sách Thư nhỏ, chỉ đứng loay hoay hai ba mươi phút rồi phải bước ra, chẳng lẽ có người đẹp ngồi trên quày nhìn mình mà mình cứ đứng đọc "cọp" báo hoài. Tôi thường tìm tạp chí Văn, đọc ở mục thư tín, "bài đã nhận được", tôi cố xem có tên mình không? có khi có, có khi không, vì lúc đó tôi tập tểnh làm thơ gởi đăng báo. Có tên mình trả lời trong mục "*Bài đã nhận được*" là đã sướng đến mê tơi rồi, huống hồ gì có thơ hoặc truyện của mình được đăng, thì cái sướng còn tăng gấp bội.

Có tên một tác giả mà số Văn nào cũng có hiện diện ở mục "bài đã nhận được", vì đọc hoài nên tôi nhớ tên, đó là

Trần Dzạ Lữ. Bút danh này có một cái lạ, là chữ Dzạ được viết có chữ Z đứng giữa, nên đã gây cho tôi nhiều chú ý.
Thời gian đó, tôi chưa đọc được bài thơ nào của Trần Dzạ Lữ đăng trên báo. Nhưng đọc tên anh hoài nên coi như quen lắm.
Mãi đến khi vào quân đội, sau mấy năm tác chiến, tôi được đổi về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1 đóng ở Đà Nẵng, tôi mới đọc được một số (rất ít) bài thơ anh. Tôi nghe bạn bè nói (lúc đó) Trần Dzạ Lữ là Chuẩn uý, thuộc ngành Truyền Tin, đang phục vụ tại một đơn vị truyền tin ở Đà Nẵng. Nghe và biết vậy nhưng cũng chưa được gặp Trần Dzạ Lữ lần nào.
Mãi đến khoảng năm 1987, sau khi đi tù cộng sản về, tôi mở một sạp bán phụ tùng xe đạp ở đường Huỳnh Văn Bánh, tôi đã gặp Trần Dzạ Lữ ở đây. Qua sự giới thiệu của Hà Nguyên Thạch, tôi biết Trần Dzạ Lữ. Anh người khô gầy, tóc tai nhễ nhại mồ hôi, lúc đó anh vừa từ Huế vào Sài Gòn, làm nghề bán rau muống ở chợ Trần Hữu Trang Phú Nhuận. Bằng phương tiện là chiếc xe đạp cà tàng, Trần Dzạ Lữ buổi sáng đạp xe xuống chợ Cầu Ông Lãnh mua rau muống, chở đem về bán lẻ cho khách hàng ở chợ Trần Hữu Trang.
Đó là thời gian khốn cùng nhất của lũ chúng tôi, những người sĩ quan QLVNCH, vừa ở tù về, phải bon chen với đời để kiếm miếng ăn, kiếm sống. Thỉnh thoảng Trần Dzạ Lữ ghé vào chỗ tôi uống ly cà phê đen, nói chuyện trên trời dưới đất. Có lúc, tôi bắt gặp Trần Dzạ Lữ đi bộ một mình trên lề đường gần đó, anh đi lang thang, đôi mắt nhìn vào khoảng không xa khuất, không biết lúc đó Lữ đi đâu và nghĩ gì?

GỌI TÌNH BÊN SÔNG

Dù nghèo cực, khổ sở trăm bề, (sau này Trần Dzạ Lữ bỏ nghề bán rau muống, anh đi giữ xe đạp ở bãi chợ THT,

nghề này cũng không khá hơn nghề bán rau muống bao nhiêu) nhưng anh đã gom góp tiền in được 2 tập thơ. Tập thứ nhất là Hát Dạo Bên Trời và tập thứ hai là Gọi Tình Bên Sông.
Anh tặng tôi tập Gọi Tình Bên Sông, nên bài này tôi viết về những bài thơ trong "Gọi Tình Bên Sông" của Trần Dzạ Lữ.
Trong Lời Mở Đầu "Một Chút Tâm Tình Với Người Yêu Thơ" Trần Dzạ Lữ viết: "*Giờ đây, khi đem in tập thơ Gọi Tình Bên Sông, tôi mới thấy mình quá… can đảm, giữa thời buổi thơ in ngàn bản bán không xong, thôi thì coi đó như "thú đau thương " vậy*."

Đây là bài thơ "**Gọi Tình Bên Sông**" làm chủ đề cho cả thi tập:
Có một lần nhớ quá
Ra sông đứng gọi tình
Tình xa người hóa lạ
Chiều mồ côi cánh chim

Có một đời xưa quen
Đã mù sa cổ tích
Kỷ niệm sầu chia nhánh
Địa ngục và thiên đàng

Rạng đông màu mắt em
Sực nức hương buổi sớm
Hoàng hôn trong mắt anh
Từ ngày chia biệt mộng

Qua sông hề sông rộng
Soi bóng dài chiêm bao
Biết tìm nhau nơi đâu
Đời sống giữa mù khơi

Có một ngày đứng ngóng
Ngày tình nhân chia lìa
Vỗ đàn mà hát hỏng
Nhớ sum vầy xưa kia

Có nhiều lúc chơi vơi
Hôn cúc vàng thầm lặng
Thương ơi tờ lụa mỏng
Em biệt dạng bên trời.

Tôi biết cuộc đời của Trần Dzạ Lữ là một cuộc đời cơ cực. Anh sinh ở Huế nhưng Huế không nuôi nỗi anh. Đi tù cộng sản về Lữ vào Sài gòn nương thân, anh làm đủ mọi thứ nghề, từ vá xe đạp lề đường đến đi mua đồ lạc xon, đồng nát dạo. Nhưng Sài gòn cũng không cho người tù trở về nương thân yên ổn. Lữ lại bỏ Sài Gòn để về miền Trung, theo đám bạn "nhất phá sơn lâm" lên núi trường sơn tìm trầm. (mong may mắn đổi đời, nhưng không được). Thời gian này được Lữ ghi lại những câu thơ sau:
Hết nửa đời anh cứ mãi ra đi
Hạnh phúc có bao giờ bắt gặp?
Ở thị thành anh không có "đất"
Phải lên non bắt bóng tìm trầm

Về miền trung anh xót xa từng giờ
Có nhiều lúc bơ phờ vì cơm áo
A Lưới, Khe Sanh, chơi trò sinh tử
Anh mới về cũng nhập cuộc em ơi!

Đọc thơ Trần Dzạ Lữ tôi rất thích những bài anh viết về Huế. Một nơi anh đã sinh ra và lớn lên, nhưng anh không dung thân nỗi nơi đó. Anh ra đi lang bạt kỳ hồ, vì miếng cơm manh áo anh "đi như là trôi" giữa 3 miền đất nước, nhưng trong tâm tưởng anh, lúc nào cũng nhớ về xứ Huế thân yêu:

MÙA THU VỀ CỐ XỨ

Ta trờ lại con đường mười tám
Heo may về lướt thướt bên cây
Những bầy chim trắng xưa khuất bóng
Tóc mun ai thôi đổ sông dài

Nắng hanh vàng ơi-chiều Đại Nội
Ta vô ra một bóng phiêu bồng
Dấu tích vẫn còn rêu phong cũ
Mà tình kia quảy gánh long đong

Toà Khâm-vẫn lầu cao còn đó
Nhưng em xưa nay đã xa rồi
Câu mái đẩy giờ ai buông giọng
Mà nghe sầu cổ tích chơi vơi

Ta trở lại, nhớ Huyền xưa ơi!
Cốc cà phê Bưu Điện một thời…
Mai đi như gió-đời vô định
Biết dặn dò chi nữa hở người.

Nhà văn Cung Tích Biền viết về thơ và đời sống của Trần Dzạ Lữ :

"*…Ba mươi năm, thơ vẫn giữ được dung phong thuần nhất. Ắt có lý do. Cuộc đời đã xử sự không ngọt ngào với Lữ, anh miên viễn kinh qua, từ cửa sau tới cửa trước kinh qua, những ngày tháng đói khó cùng kiệt, lẻ loi tới rũ lòng, khát vọng và hoài cảm, từng là sĩ quan, là lính thú hàng đêm đối diện với cái chết, rồi thất nghiệp, buôn ve chai, lượm đồng nát, theo tiếng giang hồ chui qua biên giới, tới thung lũng miền Trung tìm trầm, bán rau muống cùng vợ, giữ xe chỗ bãi chợ. dù thế, Lữ vẫn giữ được mình, nên chữ nghĩa anh trước sau vẫn trật tự, giữ được*

sự trong sạch, mẫu mực nhưng thâm trầm, đậm tình người như chính thân phận của tác giả."

Cuộc đời của nhà thơ Trần Dzạ Lữ là thế, từng đó câu chữ của Cung tích Biền đã diễn đạt hết cuộc đời và thơ của Lữ rồi, còn nói nữa chi?.

Nhưng Phạm Chu Sa đã nói thêm về cuộc đời làm thơ của Trần Dza Lữ:
"*47 tuổi (1996), hơn 30 năm làm thơ và có thơ đăng báo hầu hết các báo, tạp chí văn nghệ miền Nam từ những năm 60 đến nay, Trần Dạ Lữ mới cho ra mắt tập thơ đầu tay…*
Là nhà thơ có cuộc sống khá khắc khổ, nhiều gian truân, đôi khi quẩn bách, nên thơ anh là "tiếng kêu, là giai điệu sâu lắng nhất", vừa là hình của Địa Ngục, vừa là bóng của Thiên Đường, như lời anh tự bạch.
Vâng! Thơ Trần Dzạ Lữ là những tiếng lòng đau xé, quằn quại nên đôi lúc anh đã muốn giã từ, nhưng vẫn đeo bám thơ như một cứu cánh."

Tôi rất yêu đoạn thơ 4 câu anh in ở bìa sau trong tập Gọi Tình Bên Sông, đoạn thơ thật dễ thương:
Khi người đi mang áo vàng hoa cúc
Chiều trong tôi còn sót chút hương tàn
Đành cất giữ để đau lòng chân thật
Những khuya buồn gợi nhớ giấc mơ tan.

Để có cái nhìn thêm về Trần Dzạ Lữ, tôi xin trích một đoạn của nhà thơ Tường Linh đăng trong tập Gọi Tình Bên Sông:
"*Khi đọc hết tập thơ Gọi Tình Bên Sông của Trần Dzạ Lữ, tôi chỉ còn lại một niềm vui. Vì tiếng hát đã ngân cao, vang xa và dạt dào giai điệu, vì những khúc du ca tâm huyết, chắt lọc suốt ba thập kỷ đã đến và sẽ đọng lại giữa*

hồn người."

.
Tết vừa rồi, tôi về Việt Nam có đến gặp Trần Dzạ Lữ ở bãi giữ xe chợ Trần Hữu Trang, Phú Nhuận. Chen lấn qua đám đông người đi chợ sắm Tết, người người chen nhau mà đi mua sắm. Cũng rất khó khăn tôi mới vào được chỗ Lữ đang làm việc, Lữ bận cặp đồ công nhân đã sờn cũ, đội chiếc mũ lưỡi trai lụp xụp che khuất cả khuôn mặt. Tôi kêu "Trần Dzạ Lữ". Lữ nhìn ra, thấy tôi, anh chạy lại mừng rỡ hỏi, mới về hả, tôi đáp, mới về. Mới trao đổi được đôi câu thì ngươì cùng làm với Lữ kêu, có xe ra kìa, lại kiểm soát vé đi. Tôi biết Lữ đang bận nên nói nhanh, có chút quà của người bạn gởi cho Lữ đây. Tôi lấy bì thư có sẳn trao Lữ (một ít tiền của người bạn ở Sacramento gởi biếu). Lữ cầm bì thư, nói "*Cảm ơn, xin lỗi nghe, Tết nên bận quá*", rồi chạy lại chỗ làm việc.

Tôi biết Lữ quần quật suốt ngày, không có một chút thời gian rãnh rỗi nào nên không muốn làm mất thì giờ của anh. Tôi ra về mà lòng bùi ngùi thương bạn. Anh quần quật thế không biết còn thời gian nào rảnh rỗi để làm thơ?
Nhưng làm thơ vốn dĩ là cái Nghiệp.

Cung Tích Biền

Sau 30 năm - kể từ đêm Thần Thơ gõ cửa, từ một chiều người tuổi trẻ mừng vui bài thơ đầu đời xuất hiện trên một tập san văn chương - Trần Dzạ Lữ đã thu về một mối, hình thành thi phẩm *HÁT DẠO BÊN TRỜI.*

HÁT DẠO BÊN TRỜI, tự thân xác lập một cõi riêng, thay tác giả rong ruổi chốn thị phi. Chữ nghĩa, vẫn nghìn thu

nghĩa chữ ấy, nhưng trong mỗi riêng tư hành xử - mỗi cẩn mật gửi gắm hay hào phóng vung vãi, mỗi tỉnh táo hay dại ngây, mỗi quẩn quanh rị mọ hay bổng bay phượng hoàng - chữ nghĩa đã là riêng cõi nơi mỗi câu thơ, mỗi đời thơ. Nó được nồng nhiệt đón chào hay lạnh lùng ngoảnh mặt, là hoa gấm hay chỉ loại thời-trang-chữ-vần, thì tùy. *HÁT DẠO BÊN TRỜI* không ra khỏi vòng định mệnh đó, từ nay.

HÁT DẠO BÊN TRỜI có đủ chất tố, tuy thường hằng, nhưng chất tố ấy là sườn cốt hồn tĩnh để thơ Lữ sống lâu bền qua nhiều thế hệ người đọc. Bởi, giữa một biển đời giàu chất quỉ, lắm dạng ma, luôn huyên náo, huyền động, nồng cay trong từng lời mật ngọt, Trần Dzạ Lữ đã biết - và rất khéo - âm thầm tách riêng, dấn mình vào một thế giới mật ngữ : kín đáo, tỏa rộng, thuần thiết, mộc mạc mà đa nội dung. Vì thế, thơ Lữ đến có chừng mực với người đọc hôm nay sẽ còn sức thân thiết lâu bền tới mai kia. Lực thơ Lữ không là bão, chẳng thét gầm, mà chỉ gió nhẹ đầu ngày, cái hanh vàng tưởng quen tưởng cũ chiều nào cũng có. Nó rung chuyển người cảm thụ một có thực nhưng hoang vu, một hiện diện những huyền hư. Thơ Lữ không thừa tài hoa tư tưởng để làm chuẩn mực cho ai kia học hỏi, nhưng anh không thiếu nghệ thuật
để vay mượn ai. Trần Dzạ Lữ đã có ngõ trúc riêng, biển triều trời mây tư hữu. Đó là cái đáng quí nơi người làm thơ hôm nay.
Đó là một lên đường trời quang mây tạnh.

Mẹ đẻ con có nặng nhẹ ngắn dài mập ốm, có con để đời tôn vinh, có đứa là sản phẩm hằng có để đời mỉa mai, đánh đập. Thi sĩ đẻ ra thơ có xanh vàng tròn méo, thánh thần quỉ quái, có thơ cho đời làm chuẩn mực hóa thiện, có thơ là kinh tụng trong cuộc rong chơi: *"Xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh"*.

Nói kiểu thiên tài Bùi Giáng: *"Làm thơ lúc dại lúc ngây, khi xưa tuổi trẻ sau này già nua",* thì Trần Dzạ Lữ không thoát khỏi cuộc gió bụi buồn tênh này. Nhưng sự đổi giọng thay màu trong thơ Lữ rất hiếm. Từ những bài 1965 tới những bài 1995 có khác chăng là kiểu khác nhau trong một màu xanh đại thể của đại ngàn: trăm cây nghìn cỏ vẫn cùng chung phong thổ. Đây là cái may, cũng là cái rủi.

Ba mươi năm, thơ vẫn giữ được một dung phong thuần nhất. Ắt có lý do. Cuộc đời đã xử sự không ngọt ngào với Lữ, anh miên viễn kinh qua, từ cửa sau tới cửa trước kinh qua, những tháng ngày đói khó cùng kiệt, lẻ loi tới rũ lòng, khát vọng và hoài cảm - từng là sĩ quan bàn giấy, là lính thú hằng đêm đối diện cái chết, thất nghiệp, buôn ve chai, lượm đồng nát, theo tiếng giang hồ chui qua biên giới, tới thung lũng miền Trung dài tìm trầm, bán rau muống cùng vợ, giữ xe chỗ bãi chợ - dù thế Lữ vẫn giữ được mình, nên chữ nghĩa anh trước sau vẫn trật tự giữ được sự trong sạch, mẫu mực nhưng thâm trầm, đậm tình người như chính nhân phận của tác giả.

Cõi thơ, cõi Thần Linh. Nơi vô hình hóa phép, hữu hình chịu hình, cõi không nguồn cội, phi hóa mọi suối nguồn. Hiểu vậy, đêm bão biển bập bùng ta nghe ra lời trăng mạn ngược. Biết như kia, thần thái ta toan ngộ để nghe tĩnh vật nói, chào em lời vô ngôn. Hãy hát bằng tấm lòng tinh khiết thật thà. *HÁT DẠO BÊN TRỜI.*

Hoàng Mai Lâu, 1995

(trích lời tựa thi phẩm Hát Dạo Bên Trời của Trần Dzạ Lữ)

Huy Tưởng

Người vịn cái đẹp mà đứng lên

Một con người lầm lụi bước, từ những tinh mơ nào chắng ai biết được, đến khi chiều xuống, con người ấy ôm chầm lên chính chiếc bóng của mình, bóng, và người nhập thành một. Vẫn bước, trong, cảm thức như vừa mới khởi hành. Con người (hay chiếc bóng) ấy đi tìm gì mà mải miết với tháng năm, lẩm nhẩm với cây lá, và đôi khi (trong quạnh quẽ) lại quay về càm ràm với phần số tơ tằm của mình ?
Hình dung Thơ Ca như con đường lớn (Đại Đạo) dẫn về vô hạn, thì Trần Dzạ Lữ quả là một lữ khách đã lỡ dấn thân vào chốn dặm trường, vì niềm khát vọng mỹ cảm, mà miệt mài và lâm lụy triền miên...
Nhưng, dù sao, Thơ Ca cũng chính là hành động mỹ học thì tại sao không vịn Cái Đẹp mà đứng lên, phải không Lữ ?
1995

Tường Linh

Tôi chưa vội đọc nội dung mà cứ ngồi săm soi tập thơ *Hát Dạo Bên Trời(HDBT)* của Trần Dzạ Lữ với một nỗi buồn vui lẫn lộn.Vui, tất nhiên, vì Lữ đã có một tập thơ. Buồn, ít hơn, ngót 30 năm miệt mài với thơ, đã có hàng trăm bài đăng trên các báo, tạp chí... thế mà đến nay nhà thơ mới có đợc tập thơ đầu tay.

Tôi đọc kỹ từng bài thơ trong HDBT. Từng bài...Từng bài... Qua một tài năng như thứ trái cây lành đã tròn độ

chín, Lữ đưa người đọc- ít ra và cụ thể là tôi - cùng trở về với những nơi từng được anh ghi lại bằng thơ hoặc tái hiện bóng nhớ bằng độ rung sâu lắng của dây đàn hồi ức. Trường hợp.này, tôi lại có dịp để khẳng định rằng : Thơ, khi được đúng là thơ, nó hoàn toàn có khả năng vẫy gọi và được người thưởng ngoạn đồng cảm, đồng tình. Vì đồng cảm, đồng tình mà tôi đã đi theo Lữ làm cuộc "Hát dạo" tận những Thường Đức, Đa Thiện, dốc Mạ Ba Lòng,, Đơn Dương, Vọng Cảnh, hát về Huế quê nhà, hát vô Phương Nam di trú.... Và cũng không kém phần say sưa khi hát về một Thị Trấn Hoa Vàng nào đó. Nơi nào cũng có những con người và vì những nơi, những người ấy mà Lữ hát.

Tôi chợt nhớ đến câu: *"Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân*" trong bài "*Tỳ bà hành* " của Bạch Cư Dị được Phan Huy Vịnh dịch rất tài tình:

"Cùng một lứa bên trời lận đận "

Một 1ứa... bên trời....

Khi đọc hết tập thơ HDBT của Trần Dzạ Lữ, tôi chỉ còn lại một niềm vui. Vì tiếng hát đã ngân cao, vang xa, dạt dào giai điệu. Vì những khúc du ca tâm huyết, chắt lọc ngót ba thập kỷ đã đến và sẽ đọng lại giữa hồn người.

Gia Định, tháng 9- 1995
(trích Phụ Lục thi phẩm *Gọi tình bên sông*, nhà xb Trẻ 1997)

Vũ Hữu Định

chuyện người tuổi trẻ *
tặng Trần Dzạ Lữ

trên non năm bảy thằng tuổi trẻ
buổi chiều thu uống rượu không cười
trên non ta là người tuổi trẻ
buổi chiều thu dõi bóng mây trôi

mây còn bay nên đời còn mộng
tuổi trẻ ra đi sao lại nhớ nhà
ơi người tuổi trẻ sầu trong mắt
đêm trên rừng mộng gởi quê xa

quê xa ta có em và mẹ
nhớ ao bèo xanh bông tím thiết tha
nhớ người con gái bên hàng xóm
chiều thả thuyền vớt mộng nở hoa

lòng không nguôi nhớ hoa bèo tím
đôi mắt cô em đuổi tới rừng
bây giờ ngồi đứng trong sương gió
buổi chiều thu nhớ tóc ngang lưng

trên non may có tình bằng hữu
tuổi trẻ đau chung một khúc ca
ôm nhau thức với vầng trăng lạnh
vượt lá tìm sao định hướng nhà

có những ngày đi trong núi thẳm
tuổi trẻ nhìn nhau nhớ xóm thương làng

thở chung một tiếng nghe sầu cháy
tâm sự chuyền nhau điếu thuốc quan san

cám ơn điêu đứng rừng sinh tử
cạm bẩy người giăng để giết người
tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa
giữ giùm nhau những tiếng chim cười.

_____
* Bài thơ này được sáng tác trước 1975

tết, nhớ thằng bạn xa quê **
gởi Trần Dzạ Lữ

" gió đưa cây cải về trời
rau răm ở lại chịu lời đắng cay"
tết đến ai xui tau lại nhớ mầy
thằng chơn chất suốt đời luân lạc

ngày Huế giải phóng
mầy lang thang trong Nam
thiên hạ "chim mô về tổ nấy"
tau chờ mầy về như "khi người trở về với con sông Hương"
xa nhau càng nghĩ càng thương
thằng bạn thơ cuộc đời bầm dập
trốn lính, đi lính, rồi thì học tập
thương ơi câu nói " ở răng cho vừa đời "

nghe nói mầy về quê đi bán bánh mì
vợ giặt mướn cho nhà thương đẻ
rồi nghe mầy đi Nam trở lại
quê không dung nổi đôi vợ chồng thơ
năm năm rồi mầy sống xa quê
ôi cái làng quê Nam Phổ Hạ

thời chiến tranh mầy quay quắt mong về

tôi có nhiều người bạn Huế
thường nói với nhau về Huế của mình
xa thì thương ở gần dễ giận
đi xa Huế dẫu đời lận đận
nhưng còn Thành Nội trong tim
nhưng còn hình ảnh núi Ngự sông Hương
cái huyền thoại nghe buồn dễ sợ

Duận ơi! cuộc sống có bao giờ dễ nhớ
ai có bạc chi mình cứ níu xóm làng
tau vẫn nhớ hoài năm tháng lang thang
mầy cứ nhắc làng quê Nam Phổ Hạ

năm năm rồi tau giậm chân tại chỗ
cũng thèm đi nhưng đi để mà về
ta đã từng lang bạt
nên hiểu hồn quê
ôi cái hồn quê ngày tết
nó cứ dật dờ hành mình dở chết
ăn không ngon mà ngủ cũng không ngon
trong thơ mầy khao khát quê hương
hoà bình lại xa mất Huế

thôi thì ở đâu cũng vậy
con chim còn biết tập quen với lồng
con cá còn tập quen với chậu
con người cũng phải tập long đong.

** Bài thơ này được sáng tác sau 1975

Lương Thư Trung

Trần Dzạ Lữ và những dấu chân đời phiêu lãng…

Trần Dzạ Lữ sanh năm 1949 tại Huế, làm thơ từ lúc mới 16 tuổi, cái tuổi mà nhiều đứa trẻ cùng thời với ông còn vô tư lự, hồn nhiên giữa những cảnh đời nhiều bất trắc. Trần Dzạ Lữ những ngày mới lớn ấy đã biết ngậm ngùi trước cảnh đưa tiễn một người nằm xuống bên đời:
"Người đi theo bóng thiên thu,
Bỏ đầy năm tháng xa mù nhân gian.
Nhớ thương chim khóc trên ngàn
Nước ngơ đất ngất trời mang mang sầu…"
(Nhớ một nhà văn, 1965)

Những nhóm chữ "bóng thiên thu", "bỏ đầy năm tháng", ""trên ngàn", "trời mang mang sầu" quả là những "ngôn ngữ thơ" theo lối nói bây giờ, Trần Dzạ Lữ đã được Trời phú cho cái tài dùng chữ để chuyên chở những nỗi niềm của một tâm hồn nghệ sĩ thật ngậm ngùi khi nhớ về một nhà văn đã ra người thiên cổ, cũng là một nghệ sĩ.

Là một người sanh ra vào những năm cuối của thập niên 1940, nghĩa là thế hệ lớn lên trong chiến tranh vào những năm 1960 sau đó, Trần Dzạ Lữ phải từ giã học đường và lên đường ra mặt trận. Chiến tranh, qua thơ Trần Dzạ Lữ, là một dấu tích không đầy như "Dấu Binh Lửa", "Dọc Đường Số 1", "Mùa Hè Đỏ Lửa" của Phan Nhật Nam, nhưng thơ ông cũng ghi đậm nét một thời binh lửa cũ. Cũng vào cái thời "mùa hè đỏ lửa" ấy của cuộc chiến, Trần Dzạ Lữ với "Bữa cơm ngoài chiến trường" ông làm tại địa danh Phong Điền vào ngày 25 tháng 5 năm 1972,

cho người đọc hình dung ra cái gian lao cơ cực cùng mối nguy hiểm của người lính giữa chiến tranh với đầy lòng nhân ái của một con người lúc nào cũng nhớ về mẹ hiu quạnh nơi góc trời nào, về em đang chạy giặc, về "xóm làng", về "đất trời" cây cỏ dặm ngàn:
"Bốn năm thằng lơ láo
Áo quần rách tả tơi
Ăn cơm bên xác người
Tay bốc tay cầm sung

Lòng nhớ mẹ phương tây
Ý thương em chạy giặc
Xóm làng sầu khôn khuây
Đất trời thêm hiu hắt.

Ăn xong múc nước ruộng
Uống đại cho qua ngày
Quê nhà em có biết
Chinh chiến thân lưu đày?

Ăn được là điều may
Có khi ha, ba ngày
Không ăn, chẳng có uống
Ta nằm với cỏ cây."
(Bữa cơm ngoài chiến trường, 25-5-1972)(*)

Chiến tranh trong thơ Trần Dzạ Lữ còn là bút tích của một thời kỳ nhiễu nhương của đất nước. Nó là vết tích trăm năm của những buổi giao tranh chết chóc ngoài mặt trận giữa những thanh niên cùng trang lứa của hai miền Nam Bắc một thời; nhưng qua ngòi bút của Trần Dzạ Lữ, người đọc nhận ra cái tình cảm chan chứa dạt dào của người lính miền Nam khi lâm trận cũng như lúc trận mạc vừa tàn:

"Chiều Mai Lộc núi đồi điên loạn

quân hai bên đánh đá mút mùa
thằng xấu số chết vì xấu số
bỏ vợ con đau xót ở quê nhà

Chiều Mai Lộc không mưa không nắng
lửa cháy trong hồn những kẻ đi xa
này anh lính nhỏ nhoi miền Bắc
giữa sương mù anh có nhận ra ta ?

Chiều Mai Lộc thành nơi nghĩa địa
quân hai bên ngả gục giữa đất trời
mây khóc đầu non vì buồn ly loạn
cỏ cây run trong gió lạnh tanh rồi…"
(Chiều mai Lộc, tặng PH.T. Mùa Thu)

Người lính trận khi ở đồng bằng uống nước múc từ dưới ruộng bùn, và khi người lính băng qua những cánh rừng già, đời lính cũng chẳng hay hơn gì. Ở đó cũng chỉ có cơ cực và hiểm nguy, chết chóc, là những xác thây rã mục, những mùi hôi tanh nồng nặc của thuốc súng và thây người, là bia mộ của các chiến hữu cùng đơn vị đựng đầy trong hồn, là những nụ hôn người tình chưa kịp thì vội vàng "hôn đất" của hố hầm, là những thương nhớ thiết tha một chốn cũ với những hẹn hò bỏ lại:

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu xương rã với hồn đau
Và khi không tháng giêng lên núi
Đời đày ta và thần thánh xa nhau

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu ngày buồn bã vô cùng
Đêm thì tối nhớ trăm phương ngàn ngã
Nhớ mẹ già hôm sớm mỏi mòn trông

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu giày áo đó hôi rình
Khi về phố chắc ta thành khách lạ
Thành người điên với dáng thú buồn tênh.

Em đừng hỏi ở rừng có gí lạ
Có gì đâu bia mộ dựng trong hồn
Bạn bè ta ưu tư ngủ gục
Với rừng già rách nát thương tâm

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu lửa cháy trong đầu
Và lòng ta thác sầu đôi ngã
Biết ngã nào về chốn cũ tìm nhau

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu ta từ buổi lên đường
Hôn chưa kịp em- bây giờ hôn đất
Thay chiếu giường bằng hầm hố cô đơn.

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu rừng rú điêu tàn
Nai lạc dấu- ngàn thương trăng cũ
Ta nhớ người tình quay quắt trong sương."
(Thư gửi người ở lại, năm 1971)

Chiến tranh vào năm 1971, trước "mùa hè đỏ lửa" của 1972 là như thế đó. "Hôn chưa kịp em – bây giờ hôn đất. Thay chiếu giường bằng hầm hố cô đơn"!!! Thế nhưng người lính mà nhất là người lính làm thơ nữa, thì cái nỗi tương tư lại được Trần Dzạ Lữ chở đầy trong nỗi nhớ:
"Ra sông thấy gái Thượng ngồi
Giặt khăn vắt áo miệng cười vô tư
Nhớ em ai lấp cho bù
Hồn tôi một dãi đất mù mịt mưa."

(Ngày Xuân cũng ở Thường Đức, 1971)

Theo chân Trần Dzạ Lữ, người đọc thơ bắt gặp ông đi khắp cùng. Có lúc ông lại về Bến Tre xứ của dừa và cây lành trái ngọt miệt vườn. Nhưng vào thời chinh chiến sôi sụt ấy của đất nước, người lính dù là người lính làm thơ vẫn không khỏi nhận ra chiến tranh đang ở cùng khắp mọi nơi cho dù đang giữa miệt vườn:
"Về đây trời đất không mùa
Phiêu linh bước ngựa, chơi đùa tử sinh."
(Thơ làm ở Bến Tre, 1974)

Với cái chết trong chiến tranh là cái chết không cầu mà đến. Người lính làm thơ Trần Dzạ Lữ cũng đã nói lên cái giây phút mong manh ấy như những nỗi niềm cho chính mình và cho nhiều chiến hữu cùng hoàn cảnh như mình trong thời binh lửa sụt sôi ngùn ngụt:
"Chiều lên nốc rượu giải buồn
Rừng kia đứt ruột ta đờn đứt dây
Xa em nhớ tháng thương ngày
Ngó ra bè bạn một bầy cô đơn
Mùa xuân châu giọt đầu non
Lương chưa lảnh kịp biết còn sống không?"
(Chiều tôi)

Thơ Trần Dzạ Lữ viết về chiến tranh còn nhiều và mỗi mỗi câu thơ nào của ông cũng là những bút tích của một thời binh lửa như những vết hằn lên ký ức 33 năm sau chiến trận đã tàn và hôm nay đọc lại thơ ông, người đọc cảm nhận vẫn như còn đó những mùa chinh chiến chưa tàn.

Là một nhà thơ, và là một chứng nhân của thời đại mà tác giả đã sống, Trần Dzạ Lữ dù bỏ thơ một thời gian dài, khá dài sau chiến tranh, 1975-1989, với 14 năm không thấy

thơ ông, và rồi thơ ông lại có mặt với những dấu ấn về những bước chân đời của mình qua những thăng trầm của dòng sông đời nhiều sóng gió. Trần Dzạ Lữ vẫn là một người lữ hành theo dòng sống tuôn trào và mỗi một bến bờ nào ông ghé lại giữa cuồng lưu của dòng sông trôi, ông đều khắc họa lại như một vết tích của một người đi qua và để lại.
Người đọc cảm nhận được điều ấy qua lúc ông đi cải tạo về, bỏ Huế vào Sài Gòn, rồi lại ra miền Trung lên rừng tìm trầm; lại không khá hơn gì, ông lại xuôi vô Sài Gòn làm đủ mọi nghề như vá xe đạp, bán rau muống, mua bán ve chai, đồng vụn và giờ đây ông làm nghề giữ xe ở chợ Trần Hữu Trang, Phú Nhuận, Sài Gòn. Dù trải qua những chặng đời nhiều bất trắc như thế, nhưng ở một góc sâu trong hồn thi sĩ, Trần Dzạ Lữ vẫn không thôi suy tư về cuộc đời, về thế nhân và về kiếp người.

Xin mời quý vị nghe nỗi cô đơn của một thi sĩ mà chúng tôi tình cờ đọc được qua mười năm "Ở chợ" bán "rau xanh "của tác giả:

"Mười năm ở chợ không tri kỷ
Ta đứng thu thân một nỗi buồn
Sáng bảnh mắt ra ngồi độc ẩm
Chiều về tra vấn lấy lương tâm"

Mười năm ở chợ, ơi trần trụi
Em ạ, em xa ở kiếp nào ?
Có thấy ngày xanh ta chuốc mộng
Không thành nên đắp chiếu thương đau

Ở chợ đông, sao hồn cứ lạnh
Đốt thuốc hoài không ấm nửa chiều
Thiên hạ đùn nhau đi kiếm sống
Nhân ái? Tang – thương- ngẫu - lục nhiều

Ta bán rau xanh ngày mệt lử
Đêm còn ngồi đọc sách thánh hiền
Cố quên cơm áo- Vòng danh lợi
Sao đời nỡ hối thúc bên lưng?

Mười năm ở chợ không thay đổi
Tâm tánh ta xưa vốn thật thà
Đâu ước công hầu mơ khanh tướng
Bạc tuổi thanh xuân mong có nhà !

Hồn ta ở chợ thương quê cũ
Nhớ áo nâu xưa, nhớ mẹ già
Nhớ bông bưởi rụng đêm mười sáu
Thơm ngát môi em trước hiên nhà

Mười năm ở chợ không tri kỷ
Gác chuyện văn chương thấy chẳng đành
Nên ta độc thoại- Ta đây nhỉ?
Thương nhớ xa xăm một bóng hình."
(Ở chợ, tăng Trần Xuân An, 1989)

Quả thật đây là nỗi hiu quạnh tột cùng của một tâm hồn thi sĩ giữa chợ đời ồn ào mà lạnh nhạt tình người, để thi nhân bồi hồi than thở một mình :" Ở chợ đông, sao hồn cứ lạnh. Đốt thuốc hoài không ấm nửa chiều". Ở đây, là người đọc cùng thế hê với tác giả, rồi cũng thấy chiến tranh, cũng vào đời giữa thời binh lửa và rồi cũng trải qua bảy năm trong trại cải tạo; rồi về lại nhà và lăn lóc kiếm sống trên những ruộng đồng ngập lụt, tôi cảm nhận được nỗi cô đơn tận cùng của tác giả vào những ngày "ở chợ" ấy của ông. Than ôi, phải chăng đây là một thời kỳ cơ cực trong dòng đời đầy kham khổ ấy, chừng như còn đong đầy trong nỗi nhớ của những chàng trai trẻ ngày nào dù nay tuổi đời đang cùng nhau ở buổi xế chiều này !!!

Những năm tháng "ở chợ". Chợ "rau xanh" hay chơ đời cũng chẳng khác gì nhau, Trần Dzạ Lữ có những ước mơ rất gần là muốn kiếm tìm một nơi chốn nhỏ nhoi để vế đặt được cái lưng sau những ngày mỏi mệt gữa chợ đời là một căn "gác lửng" và rồi nhà thi sĩ lang bạt kỳ hồ ấy rồi ra cũng đã rờ được chút ước mơ trong đời thật:

"Này gác lửng, hơn nửa đời rồi đó
Ta mơ có mày giữa cuộc phù vân
Đời thử ta như lửa thử vàng
Cay đắng bủa quanh hồn xưa chao chớn
Có đôi lúc óc cùn chí đun
Muốn xuôi tay trả lại tuổi vàng
Chim có tổ mà ta thì phiêu lãng
Dắt nhau đi quờ quạng kiếm thiên đàng…."
(Ngày xuân trò chuyện cùng gác lửng, 1989)

Nhưng một cách nào đó, người đọc còn bắt gặp những câu thơ về cuộc đời, "gác lửng" nơi này, ngoài ý nghĩa là một nơi chốn che nắng che mưa, nó còn là "gác lửng" cuộc đời, mấy mươi năm trải qua những năm tháng sống giữa chợ đời như căn nhà, nhưng thật ra chỉ mới là một "gác lửng" ở lưng chừng giữa một đời người:

"Còn ta nữa, thằng làm thơ lang thang
Cũng phải bơi theo dòng đời chóng mặt
Lầm lũi kiếm từng li vàng giữa trời cao đất thâp
Rủi may ơi, ta biết đâu lường

Sống khó vô cùng ơi gác lửng
Thế mà mấy mươi năm ta cũng qua cầu
Nay có mày nhẹ gánh chim bao
Nhưng ngoảnh lại tóc râu đã bạc."
(Ngày xuân trò chuyện cùng gác lửng, 1989)

Tự nhận mình là người "hát dạo bên trời", Trần Dzạ Lữ là tiếng hát luôn kiếm tìm một cung bậc rất gần, rất êm đềm, rất nhân ái hầu trao gởi đến những tâm hồn đồng cảm về một quảng đời, về những năm tháng thi nhân phiêu bạt giữa những mùa binh lửa hay những buổi chợ đời đầy bất trắc của kiếp người. Vì là chứng nhân của thời đại mà tác giả đã sống và từng trải, Trần Dzạ Lữ còn là người viết sử bằng thơ qua ngôn ngữ của riêng ông, một thứ ngôn ngữ nhất quán từ những ngày đầu ông bắt đầu làm thơ và cho mãi tới bây giờ. Phải chăng, đó cũng là cái nét riêng rất đặc thù của Trần Dzạ Lữ sau mấy mươi năm khắc khoải giữa dòng đời bằng những dấu chân đời phiêu lãng của ông …. !!!

Houston, ngày 23-4-2008

Phụ chú:
(*) Tất cả các vần thơ trong bài viết này trích từ cuốn "Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến", quyển 1, phần thơ của Trần Dzạ Lữ, do Thư Ấn quán sưu tầm và xuất bản năm 2006 và in rải rác trong các tạp chí Thư Quán Bản Thảo

Thơ Trần Dzạ Lữ

LTS:Tòa soạn đã sưu tầm một số sáng tác tiêu biểu về những chặng đời của TDL qua thi ca của ông. Có một số bài thơ trước 1975 không tìm thấy trong hai tập thơ được xuất bản trong nước. Lý do có lẽ là chúng được sáng tác khi ông là một người lính miền Nam. Riêng sau 1975, chúng tôi trích từ thi phẩm Hát Dạo Bên Trời, Nhà xb Trẻ 1995.

Thời trước 1975

Bữa cơm ngoài chiến trường

Bốn năm thằng lơ láo
Áo quần rách tả tơi
Ăn cơm bên xác người
Tay bốc, tay cầm súng

Lòng nhớ mẹ phương tây
Ý thương em chạy giặc
Xóm làng sầu khôn khuây
Đất trời thêm hiu hắt

Ăn xong, múc nước ruộng
Uống đại cho qua ngày
Quê nhà em có biết
Chinh chiến thân lưu đày ?

Ăn được là điều may
Có khi hai, ba ngày
Không ăn, chẳng có uống
Ta nằm với cỏ cây.

Phong Điền 25.5.1972

Chiều Mai Lộc

** tặng PH. T. Mùa Thu*

chiều Mai Lộc núi đồi điên loạn
quân hai bên đánh đá mút mùa
thằng xấu số chết vì xấu số
bỏ vợ con đau xót ở quê nhà

chiều Mai Lộc không mưa không nắng
lửa cháy trong hồn những kẻ đi xa
này anh lính nhỏ nhoi miền Bắc
giữa sương mù anh có nhận ra ta ?

chiều Mai Lộc thành nơi nghĩa địa
quân hai bên ngả gục giữa đất trời
mây khóc đầu non vì buồn ly loạn
cỏ cây run trong gió lạnh tanh rồi...

Thư gửi người ở lại

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu xương rã với hồn đau
Và khi không tháng giêng lên núi
Đời đày ta và thần thánh xa nhau

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu ngày buồn bã vô cùng
Đêm thì tối nhớ trăm phương ngàn ngã
Nhớ mẹ già hôm sớm mỏi mòn trông

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu giày áo đó hôi rình
Khi về phố chắc ta thành khách lạ

Thành người điên với dáng thú buồn tênh

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu bia mộ dựng trong hồn
Bạn bè ta ưu tư ngủ gục
Với rừng già rách nát thương tâm

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu lửa cháy trong đầu
Và lòng ta thác sầu đôi ngã
Biết ngã nào về chốn cũ tìm nhau

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu ta từ buổi lên đường
Hôn chưa kịp em - bây giờ hôn đất
Thay chiếu giường bằng hầm hố cô đơn

Em đừng hỏi ở rừng có gì lạ
Có gì đâu rừng rú điêu tàn
Nai lạc dấu - ngàn thương trăng cũ
Ta nhớ người tình quay quắt trong sương

1971

Ngày Xuân cũng ở Thường Đức

Ra sông thấy gái Thượng ngồi
Giặt khăn vắt áo miệng cười vô tư
Nhớ em ai lấp cho bù
Hồn tôi một dãi đất mù mịt mưa.

1971

Những sợi khói cay nồng

Khi người về lòng son mưa nhớ tạt
Đường phố xưa nhà đổ nát hai hàng
Cây gãy cổ giơ xương buồn tuổi lạ
Nỗi thương con bà mẹ chín trong hồn.
(1972)

Hát Dạo Bên Trời

Ôm nửa vầng trăng lạnh
Ta về bên trời cao
Hát điên đời hiu quạnh
Chống gậy nhìn mưa mau
Tuổi nay gần Tam thập
Sống lẻ như đá mòn
Bằng hữu mù tăm tắp
Tình nhân như dao đâm
Mấy năm rồi không gặp
Hồn nứt nỗi âm thầm
Nhất túy buồn thêm đậm
Ca ngâm với cỏ cây
Cũng chỉ màu khói sương
Ngẫm nghĩ hoài hương đỏ
Mắt mờ đường chiêm bao
Ngắt một cành hoa nhỏ
Nhớ thu biếc hôm nào
Hồn ta chao chớn gió
Nay biết về nơi đâu?

Thời sau 1975

ĐÊM NGỦ Ở PHÚ THỌ

*tặng Nguyễn Đạt

Về đây bụi phủ cổ thư
hồn co gác hẹp, êm mù xa xôi
ngó nhau,nhớ lại một thời
chân khua ngã bạt,tay mời rượu say
về đây buồn cũ lên đầy
hình nhân tôi lạ đêm nay ngủ nhờ
bạn ngồi thức máu nghe mưa
nhện giăng cửa phủ,mộng thưa thớt vàng.
*1975

Khi qua dốc Mạ Ơi ở Ba Lòng
Tặng các em trai của tôi

Trong đám đi tìm trầm
chốn thâm sơn cùng cốc
có người là nông dân
bỏ cày lên mạn ngược
có kẻ ở thị thành
bẻ bút làm hảo hớn
cũng có "anh hùng tận"
vác rựa lên sườn non
có tay đời lận đận
tìm kiếm phút huy hoàng
lại có người là thánh
có kẻ là ma vương

tất cả đều thượng sơn
cô hồn chung một lũ
ngày rừng chan mưa lũ
râu tóc ướt phiêu bồng
nói chung, đám tìm trầm

vì đói cơm rách áo
người yêu coi như không
vợ con như gió thoảng
chiều nay, qua Ba Lòng
vì đâu, mà thương nhớ
đâu phải giò phong lan
tim tím chiều mắt ngó?
cũng không phải chùn chân
trước núi rừng muông thú
nhưng mà, cả binh đoàn
đều rưng rưng nước mắt
lúc leo qua con dốc
có tên là Mạ Ơi
dốc còn cao mong đợi
tình còn sầu chơi vơi

riêng ta, thì em ơi
nhớ miền Nam tha thiết
Sàigòn có em biết
nỗi đau của mưa rừng?
không ngãi cũng tìm trầm
đó là điều có thật.

*BaLòng 1985.
(trích Hát Dạo Bên Đời)

Mùa xuân trò chuyện với gác lửng

Này gác lửng, hơn nửa đời rồi đó
Ta mới có mày giữa cuộc phù vân
Đời thử ta như lửa thứ vàng
Cay đắng bủa quanh hồn xưa chao chớn
Có đôi lúc óc cùn chí đun
Muốn xuôi tay trả lại tuổi vàng

Chim có tổ mà ta thì phiêu lãng
Dắt nhau đi quờ quạng kiếm thiên dàng
Xin lỗi em cô gái Sài Gòn
Đã vì ta mà xa giảng đường, thư viện
Xa thời mộng-mơ-lưu-luyến
Để hóa thành cổ tượng giữa trầm luân
Vì áo cơm mà em ra chợ
Một hồn buồn giữa cõi rau xanh
Ngày văng tục trên miệng người láu cá
Mà em thì líu lưỡi bởi không quen
Còn ta nữa, thằng làm thơ và lang thang
Cũng phải bơi theo dòng đời chóng mặt
Lầm lũi kiếm từng li vàng giữa trời cao đất thấp
Rủi may ơi, ta biết đâu lường
Sống khó vô cùng ơi gác lửng
Thế mà mấy mươi năm ta cũng qua cầu
Nay có mày nhẹ gánh chiêm bao
Nhưng ngoảnh lại tóc râu đã bạc
Chậm thế nào rồi ta cũng tát
Cho cạn mùa lận đận thương tâm
Để Tình Yêu phơi áo mùa xuân
Và Hạnh Phúc ra ngồi hong tóc
Ta sẽ hát như chưa bao giờ hát
Lời ca xang một thuở có nhà
Gác lửng đêm nay trăng vào nạm bạc
Và tình về ngai ngái hương xưa...
1989

Ở chợ

Tặng Trần Xuân An

Mười năm ở chợ không tri kỷ
Ta đứng thu thân một nỗi buồn

Sáng bảnh mắt ra, ngồi độc ẩm
Chiều về tra vấn lấy lương tâm

Mười năm ở chợ, ơi trần trụi
Em ạ, em xa ở kiếp nào ?
Có thấy ngày xanh ta chuốc mộng
Không thành, nên đắp chiếu thương đau...

Ở chợ đông, sao hồn cứ lạnh
Đốt thuốc hoài không ấm nửa chiều
Thiên hạ đùn nhau đi kiếm sống
Nhân ái ? Tang-thương-ngẫu-lục nhiều

Ta bán rau xanh ngày mệt lử
Đêm còn ngồi đọc sách thánh hiền
Cố quên cơm áo - Vòng danh lợi
Sao đời nỡ hối thúc bên lưng ?

Mười năm ở chợ không thay đổi
Tâm tánh ta xưa vốn thật thà
Đâu ước công hầu mơ khanh tướng
Bạc tuổi thanh xuân mong có nhà !

Hồn ta ớ chợ thương quê cũ
Nhớ áo nâu xưa, nhớ mẹ già
Nhớ bông bưởi rụng đêm mười sáu
Thơm ngát môi em trước hiên nhà...

Mười năm ở chợ không tri kỷ
Gác chuyện văn chương thấy chẳng đành
Nên ta độc thoại - Ta đây nhỉ ?
Thương nhớ xa xăm một bóng hình...

1989

ĐÊM MƯA NGHE TIẾNG ĐÀN BẦU

Tặng chị Lê Thị Ái Niệm

Đêm mưa, về gác lửng
Chợt nghe tiếng đàn bầu
Réo rắt - Đời quay đựng
Quê người ? Quê ta đâu ?

Mưa, mù đường chiêm bao
Đàn bầu rưng rưng nhớ
Mở ngực đời cô lữ
Chỉ là vết tình đau...

Đêm mưa, về gác lửng
Độc ẩm một mình ta
Rượu hề ! Bầu đã cạn
Buồn hề ! Sao chưa tan ?

Tiếng mưa lẫn tiếng đàn
Nhớ ai ngoài nội cũ
Bao năm rồi mẹ hử
Con chưa lần về thăm !

Thương mãi nụ Hoàng Lan
Thơm ngát chiều Bến Ngự
Yểu điệu sầu Tôn Nữ
Bâng khuâng đường thu vàng

Nhớ điên trời cố xứ
Áo tím ai qua cầu
Ta như là ngọn gió
Hôn tóc đầm mưa ngâu...

Bao năm rồi em hử

Tình theo tiếng đàn bầu
Ta thành mây viễn xứ
Lang thang bến giang đầu...

Đêm nay, nghe đàn bầu
Réo rắt về gác lửng
Chợt hồn ta quay đựng
Quê người ? Quê xưa đâu ?

Đời hề ! Trôi lận đận
Thơ hề ! In gian nan
Rượu hề ! Bầu đã cạn
Buồn hề ! Sao chưa tan ?

1989

TRANG VĂN

TRẦN HOÀI THƯ * NGUYÊN MINH * LÊ NAM PHƯƠNG * TRẦN MỘNG TÚ * PHẠM VĂN NHÀN * NGUYỄN LỆ UYÊN

Trần Hoài Thư

Cháu nội

Khi ông bà đến nhà, nhấn chuông, và khi cửa trong mở ra, thì gương mặt thằng cháu nội hơn một tuổi của ông bà hiện ra sau tấm kính. Trước hết là vẽ ngạc nhiên của nó qua cái nhìn đăm đăm chẳng hiểu khách tí nào. Có lẽ nó ngạc nhiên vì sự có mặt của hai người, lâu lâu lại cùng nhau xuất hiện. Có lẽ nó chưa đủ trí khôn để phân biệt thế nào là sự gần gũi ruột thịt ngoài bố mẹ của nó. Đôi mắt đen láy của nó hết rảo nhìn ông rồi đến bà, có vẽ lạnh lùng, chẳng có dấu hiệu gì mừng rở cùng hai kẻ lạ. Chỉ có ông bà thì như hai cơn gió lốc. Ông đòi bồng, bà đòi ẩm. Ông hôn lên đầu, bà hôn lên chân. Ông cắn lên bàn tay, bà hít hà má. Thằng bé lại càng mở mắt lớn. Có lẽ nó phải khóc thét lên vì khi không có hai kẻ vồ chụp nó như con mồi. Nhưng nó bắt đầu nhoẻn nụ cười. Bây giờ nó mới tỏ vẽ thân thiện. Nó cười khanh khách khi ông áp mặt ông vào ngực nó. Đôi mắt sáng làm gương mặt nó càng rực rở. Bây giờ ông mới để ý đến những sợi tóc loe hoe tuần trước nay đã trở nên rậm hơn, dầy hơn. Nó ngẩng đầu nhìn ông như một quan tòa. Một bàn tay sờ lên đầu tóc ông và và bàn tay kia đã vội vàng chụp lấy cặp kính lão. Có tiếng mẹ nó cảnh cáo: "Coi chừng cái kính của ba". Ông hốt hoảng giữ chiếc kính khỏi rớt. Mẹ nó lại cảnh cáo:" Chiếc kính của ba nó cũng bị nó làm hư gọng rồi. Nó hư lắm, gặp cái gì cũng phá.." Ông hôn lên đầu tóc của cháu mình. " Nhiệm vụ của cháu tôi là phá. Ai bảo các người không chịu gìn giữ.. Phải không con?" Rồi ông lại ôm xiết nó. Ông nghe một nỗi yêu dấu ruột rà trong vòng tay của ông. Như thể là một phần người của nó chuyền vào người ông. Mùi sửa vẫn còn thơm thơm. Ông xiết mạnh đến độ thằng bé phải vùng vẫy, cục cựa tay chân,

mặt đỏ gừ. Ôi cái mặt bầu bỉnh, những sợi tóc loe hoe, những ngón tay bé tí, mủm mỉm. Chiếc miệng lộ mấy răng cửa. Chiếc tả nổi phồng ở đáy quần. Đôi mắt đen lay láy. Ông cắn khẻ vào tay chân nó. Ông áp mặt vào lòng nó, đứa qua đưa lại giả vờ thụt lét. Nó nhắm mắt cười có vẽ thích chí. Sau đó nó lại nhìn ông. Bàn tay lại cố giựt lấy chiếc kính. Hình như nó xem chiêc kính là một thứ đồ chơi cũng nên.

Thằng bé không chịu ông đứng yên một chỗ. Nó bắt đầu vặn mình, hai chân đạp. Có lẽ nó không cần biết về cảm xúc của ông nội của nó. Ông tuân phục, bồng đi khắp phòng. Tới cửa kính, ông dừng lại. Thằng bé trao đôi mắt nhìn ra ngoài sân. Trời nắng. Mây màu xanh nhạt. Bải cỏ xanh. Hàng xe đậu dọc theo lề đường. Hai đứa bé Mỹ đang đạp xe đạp trên lối đi dành cho bộ hành.Ông thầm thì bên tai nó: Mau lớn lên để ông mua xe cho con đạp nhé.

Đến một lúc nào đó, hai tay ông cảm thấy rả. Ông trao lại cho vợ ông. Và thằng bé lại thêm một lần đổi chủ. Có lẽ nó quá chán với cảnh kẻ bồng người ẵm này, nên nó bắt đầu phản kháng. Hành động phản kháng này được biểu lộ qua hai chân chùi xuống, thân mình vùng vẫy. Nó muốn được tự do. Nó tụt xuống nhanh, đến nỗi bà nội của nó phải bó tay chịu thua. Không biết nó học ở đâu hành động phản kháng qua đường lối tích cực này. Không khóc, không nằm vạ, mà vùng vẫy rồi trườn cả thân hình như trăn xuống đất. Không ai có thể cản nó khi nó muốn. Và khi đôi chân vừa chạm xuống đất là nó bước như chạy. Đôi chân chưa vững, bước thấp bước cao, có lúc như thể hụt hẫng, thân hình như mất thăng bằng, khiến ông bà phải hoảng hốt, đưa tay đở. Ông ở góc phòng, bà ở đầu phòng. Và thằng bé thì cứ bước như bước vào chỗ không người. A, nó đến kệ sách của bố nó. Những cuốn sách dày cộm, bìa bọc giấy láng, người lớn cầm thấy nặng, vậy mà nó lại dám bỏ bàn tay nhỏ bé kia mà tìm cách lôi xuống. Không được, cậu quay sang mấy cái CD, rồi đổi hướng

nhắm vào dàn máy stereo. Tội tình cho dàn máy hát tối tân, bị vá chùm vá đụp bởi băng keo, để đề phòng cậu bỏ tay vào lỗ điện nguy hiểm. Ông nhào đến, lái cậu sang mục tiêu khác. Ông bồng cậu bỏ lên sopha. May ra cậu ngồi yên một lúc. Quả vậy, cậu thích chỗ mới này. Hai chân duổi ra. Mắt nhìn ông lung linh, miệng cười vui. Ông giả bộ làm chó, sủa gâu gâu. Cậu khoái lắm, cười thành tiếng. Được thể ông càng sủa nhiều hơn. Càng đóng vai một cách điệu nghệ hơn. Có nghĩa là ông nhăn mặt lè lưỡi, bò, sủa. Tất cả cho thằng cháu một tuổi của ông. Tất cả vì nó, để thấy mặt nó hớn hở, đôi mắt rực sáng, chiếc miệng nở nụ cười lộ mấy cái răng cửa mới mọc. Ông không cần nhân vị, nhân bản gì ráo. Ông là một thí sinh để cháu ông chấm điểm. Nhưng sau đó, chưa đầy hai, ba phút, ông bị loại. Có nghĩa là nó chẳng còn hứng thú gì đến tài năng điệu bộ mà ông nội của nó thủ vai. Nó bắt đầu tuột xuống sofa. Không phải tuột từ từ cho đến khi hai chân chạm lấy nền. Mà ngược lại, chân chưa chạm thì đã để cả thân hình rơi xuống như nhảy không cần dù. Nó ngã lăn ra trên nền thảm, miệng mếu. Vợ ông vội bồng nó, vừa dỗ vừa nói: "Này, để bà đập cái nền nhà này đã làm cháu bà đau, này bà đánh rồi... Thằng bé ngưng khóc, lại trao đôi mắt ngơ ngác nhìn. Rồi lại đòi xuống. Rồi lại chạy, hai chân mới tập bước, chưa vững, ngã nghiêng như kẻ say rượu. Rồi ông lại chạy theo, lúc trái lúc phải lúc chặn đầu chặn đuôi. Có khi ông hết hồn vì thấy nó cứ đâm đầu vào bàn ghế hay cạnh tường nhà. Nhưng nó tài tình hảm kịp bước chân, rồi quay hướng khác tiếp tục.
Ông lại nghĩ ra cách quyến dụ thằng bé để nó quên đi cái lối chạy như kẻ say rượu này. Ông đã mệt rồi. Ông mới hiểu về nỗi vất vả của những người giữ trẻ, nhất là đứa trẻ này mới biết đi như cháu ông.

Có bao giờ ông nghĩ có một ngày trong đời ông lại được lên chức như hôm nay. Nên buồn hay vui khi nhận cái

danh xưng này. Có phải vì hai tiếng ông nội là tiếng kêu báo hiệu cho những ngày trước mặt: xế tàn, hay nói văn hoa là hoàng hôn của một đời người. Có phải nó là lời cáo phó cho một cuộc dời bị gạt ra bên lề xã hội?
Nhưng, bây giờ thì ông hiểu, ông đang vui,, niềm vui thì tràn trề, niềm vui bất tận.

Đã bao nhiêu lần hai ông bà lái xe đi thăm cháu nội. Suốt ba tiếng đồng hồ, qua bao nhiêu thị trấn, phải trả mấy lần *toll*, có khi trời tuyết trắng mịt mù, có khi mưa xối xả như trút nước, cái quạt thi nhau quạt liên hồi, ấy vậy, lòng ông thì hăm hở như kẻ đi tìm niềm vui. Đến để nhìn cháu, thấy lại nỗi thân yêu ruột rà. Đến để chứng kiến sự phát triển một hình hài. Từ khi thấy nó bò, mắt đen lay láy, rồi đến khi tập đứng, tập đi, tập chạy... Tóc đã mọc dầy hơn. Chân tay cứng cáp hơn. Răng mọc nhiều hơn. Để thấy mấy tuần trước, mỗi lần đi là như tay say rượu, nay hai chân đã vững, bước từng bước..
Để rồi mỗi lần thăm cháu, là mỗi lần ông mang theo niềm vui rộn ràng suốt cả đường dài.

Bây giờ, cậu bé yêu quí ấy đã hơn ba tuổi. Khác với những đứa trẻ trạc tuổi, nó chậm nói. Nếu nói thì nói một thứ tiếng gì lạ lắm. Tuy không nói ra, ba mẹ nó đều lo âu không ít. Riêng bà thì luôn luôn dùng kinh nghiệm của bà để an ủi con: Nó nghe được là không sao con à. Có đứa bốn năm tuổi mới nói. Lúc đó thì tha hồ mà trả lời...
Việc nói chậm này đôi khi làm ông bà khổ tâm không ít. Có khi nó vòi vỉnh hay kêu ông bà làm cái gì, ông bà không hiểu, hay làm trái ý, là nó dậm chân khóc, tức tửi. Ông bà thì chịu thua. Ba mẹ nó cũng chịu thua. Khi ấy ông thương cháu mình vô hạn. Muốn thỏa mãn cháu, nhưng không biết cháu mình muốn gì.

Ngày tháng vẫn trôi qua, mỗi lần hai ông bà lái xe vượt xa

lộ thăm thẳm, để thăm con, thăm cháu, niềm vui rộn ràng lẫn với nỗi lo âu canh cánh. Thằng bé vẫn lớn như thổi, răng đã mọc đầy, chạy nhảy, phá phách, biết ông bà đến, biết phe ta có ông bà, nên mặc sức nhỏng nhẻo. Rõ ràng con hư tại mẹ cháu hư tại bà. Nhưng tiếng nói thì vẫn như tiếng Miên, tiếng Ả Rập lạ lùng...

Một hôm, chiếc xe đậu trước nhà, sau ba tiếng đồng hồ dưới cơn mưa tuyết, thả ông bà xuống cùng niềm vui khó có thể diễn tả được. Đã một tháng đi xa, giờ ông bà trở lại thăm con thăm cháu. Bà xách một bọc đồ chơi, nào là xe chửa lửa, xe truck, xe cần câu. Ông bấm chuông điện. Ông nhìn vào nhà qua khung cửa kính. Ông thấy cháu ông chạy ra như cơn lốc. Và tiếng la mừng rỡ: **ông nội ! ông nội** ! vang lên rối rít:

Ôi tiếng đầu lòng của một đứa cháu nội. Nó không phải là tiếng Anh tiếng Mỹ. Nó cũng không phải tiếng đầu lòng đầy ô nhục trong *Yêu biết mấy khi con tập nói/ Tiếng đầu lòng con gọi Stalin* mà ông Tố Hữu đã ca tụng ! Ôi, hai tiếng **ông nội**.! Tiếng reo dòn, mừng vui, giọng phát âm vẫn còn lơ lớ, nhưng đã mang theo một sức thuyết phục kỳ diệu. Ông ngây người, bàng hoàng không thể tin nổi. Rồi sau đó ông ôm choàng lấy cháu ông, bồng nó lên. Cảm giác ruột rà yêu thương lẫn hãnh diện bắt ông phải hôn lên đầu tóc thằng cháu túi bụi.. Nó tránh né, che mặt, che tay. Nó làm sao biết được nó vừa cho ông bà nội của nó một quà tặng quí giá nhất trần gian này !

Tháng 5-2008

Nguyên Minh

NGƯỜI THỦ MÔN

Mẹ tôi không biết gì về bóng đá, bà không bao giờ xem nhưng bà lại tiếp sức động viên đội bóng của ba tôi. Bà xem những cầu thủ đó như con em của mình. Mỗi lần thắng trận bà đều thưởng cho họ một chầu xem cải lương hoặc chiếu bóng hay một bữa tiệc nhỏ ở nhà hàng.

Mẹ tôi đem từ quê bà vào những người cháu, tuổi xấp xỉ anh chị tôi, hơn tôi cả một giáp, nuôi nấng và thương yêu. Người cháu gái kêu mẹ tôi bằng cô, tuổi mới 18, dáng gầy, tóc dài xõa quá lưng thon. Và đôi mắt lúc nào trông như cũng muốn khóc. Ươn ướt. Buồn bã. Còn chị tôi, lúc nào cũng cười nói líu lo như chim hót. Nhưng hai chị ấy lại thân thiết với nhau. Họ thay phiên nhau đi chợ nấu ăn cho cả nhà gần 20 người, trông nom nhà cửa để mẹ tôi rảnh tay lo việc buôn bán, những chuyến hàng đi xa tận Đà Nẵng, Sài Gòn. Chị tên Giỏi. Mỗi lần chị đi chợ về bao giờ chị cũng mua quà cho tôi. Những cái bánh ít lá gai. Những chiếc bánh phồng tôm. Những cục đường phèn, nhai rổn rảng và ngọt lịm. Chẳng phải được những món quà đó mà tôi thương yêu chị. Chị thường hay để tôi gối đầu lên đùi chị, đưa bàn tay mềm mại cầm đồ nguấy tai cho tôi. Cảm giác vừa sợ sệt vừa êm ái nhột nhạt làm tôi tê mê và ngủ thiếp đi. Những đêm trăng ngồi trước hiên nhà chị kể cho tôi nghe về quê chị. Sông Đà Rằng. Hai bên bờ rộng mênh mông. Những bờ cát trắng, con nước cạn trong vắt. Rồi Tháp Nhạn cùng bầy khỉ hê ha kéo xuống nhà chị cũng như những ngôi nhà tranh lụp xụp cất dưới chân đồi. Chúng bắt chước những cử chỉ thường ngày của con người. Con mẹ ôm con vào lòng, rồi đưa hai tay dài thuợt ra mân mê từng sợi lông trên đầu con mà bắt từng con chí

rận. Giọng nói của chị không nặng nề như những người cùng quê, nhỏ nhẹ, âm thanh trầm bổng đã đưa tôi vào giấc ngủ thần tiên.

Cũng giống như mẹ tôi, chị Ba tôi, chị Giỏi thường gội đầu bằng nước âm ấm sủi bọt vì những trái bồ kết và vàng ánh bởi những quả chanh vắt cạn. Buổi chiều ánh nắng dịu dàng, yếu ớt chiếu lên mái tóc dài, đen nhánh hất ra phía trước, xỏa xuống chấm vào thau nước, che lấp khuôn mặt chị. Tôi múc nước vào chiếc gáo dừa đổ lên tóc chị, ướt cả chiếc gáy trắng trẻo, dễ thương. Chị cười và nói khẽ:

- Chị cám ơn Bui nhé.

Thuở ấy, tuy tôi đã năm tuổi nhưng vẫn còn nói ngọng, nhất là âm T trở thành B. Chữ "tôi" bạn bè cùng lứa gọi là "tui". Còn tôi phát âm thành "bui". Từ đó những người thân trong nhà, kể các chú cầu thủ bóng đá của ba tôi cũng gọi tôi như thế. Khi cắp sách đến trường tôi mới hết nói ngọng nhưng bạn bè cùng lứa gọi tôi là Minh Bui.

Một buổi chiều, tôi đi ngang qua ngôi nhà phía trước có một khu vườn nhãn sum sê, thì một quả bóng tròn văng ra đường, tôi chạy theo và lượm lên mang vào. Tôi biết anh Tỵ đang tập dợt bắt banh. Anh đang đứng hai chân bành ra, người khom xuống, hai tay thòng lên bụng, giữa hai hòn gạch giả làm trụ gôn. Anh bảo:

- Bui quăng đại quả bóng vào anh chụp thử.

Tôi ném quả bóng xuống đất để nó dội lên bắn vào khung thành. Anh Tỵ đưa hai bàn tay nhẹ nhàng bắt gọn. Anh vỗ lên đầu tôi và nói nhỏ:

- Anh cám ơn Bui.

Thuở nhỏ, rất ít người nói cám ơn tôi. Tôi vui như thấy mình lớn hơn.

Anh Tỵ là thủ môn xuất sắc trong đội bóng của ba tôi. Chính anh là một trong những người làm nên thành tích huyền thoại của đội bóng. Những cú chụp banh đẹp tuyệt vời. Đặc biệt anh không mang găng tay như hầu hết những thủ môn khác. Bàn tay năm ngón dài thượt với làn da chai

lý của anh bấu chặt trái banh. Những cú nhảy đưa mình thót lên về phía góc của khung thành, anh lanh lẹ như một con sóc. Hai tai anh lớn hẳn hơn bình thường, chính nhờ thế mà anh rất thính. Anh bắt được những trái banh xuất phát từ những cú sút cực mạnh và xoáy tròn hoặc những pha đội đầu lắc léo, những cú vô-lê của đội bạn, anh làm khán giả hồi hộp, náo nức. Anh đoán được đường đi của trái banh không phải bằng đôi mắt lanh lẹ mà bằng đôi tai cực nhạy. Chính tôi đã thấy và tham gia cách tập dượt của anh. Anh thường nhờ tôi quăng những trái banh quần vợt nhỏ như trái cam vào thẳng mặt anh để anh lắng nghe đường bay của nó rồi đưa đôi bàn tay ra chụp lấy. Có lúc anh bịt mắt lại bằng chiếc khăn tay và nhờ tôi ném banh thật mạnh vào anh. Tôi là kẻ sáng mắt, anh như kẻ mù. Tôi quăng trái banh cực mạnh vào mặt anh với ý nghĩ anh thua cuộc nhưng anh đưa tai lắng nghe, cái vành tai động đậy, anh né người, đưa hai bàn tay chụp gọn trái banh. Những người hâm mộ tài nghệ của anh không biết được điều đó. Tôi đã kể lại cho ba tôi nghe, và ông dặn dò tôi đừng cho ai biết. Anh Tỵ đã lãnh được chiếc cúp toàn quốc dành cho thủ gôn xuất sắc nhất. Bao năm qua giới mê bóng đá vẫn nhắc nhở tới tài nghệ của anh, không có một thủ môn danh tiếng nào so sánh được với anh.

Còn đối với tôi, anh còn để lại trong tâm trí tôi một câu chuyện tình lãng mạn và cay đắng của anh với chị Giỏi. Tôi không biết mối tình ấy bắt đầu từ đâu, hồi nào. Tôi nhớ lại những ngày gia đình tôi tản cư về Cà Thé. Đó là vào năm 46 Việt Minh vỡ mặt trận, lính Tây ồ ạt đổ vào thị xã. Gia đình tôi phải chia làm hai, anh Thương cùng phần lớn mấy anh trong đội bóng ở lại trông nom nhà cửa. Riêng ba tôi và một ít cầu thủ khác dẫn dắt mẹ con tôi, trong đó có anh Tỵ. Chính anh Tỵ đã nghĩ ra cách bỏ hai anh em tôi ngồi trong hai cái thúng ở hai đầu đòn gánh, thế là các anh cầu thủ thay phiên nhau gánh chúng tôi qua những con đường đất gập gềnh, hai anh em tôi khoái chí

cười nắc nẻ, mang cảm giác mình như bồng bềnh trên biển cả. Những lần qua mấy chiếc *"cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi"* bắt qua con mương nhỏ nước đục ngầu, anh Tý vỗ về bảo chúng tôi:

- Hai cô cậu đừng nhúc nhích, nhắm mắt lại, không được nhìn xuống nước, kẻo rớt tùm xuống mương. Nghe lời anh ngoan nào.

Hai tay tôi bấu chặt vào vành chiếc thúng đan bằng lát tre. Mắt nhắm nhưng hé mở nhìn xuống. Chiếc thúng đong đưa nhẹ tôi như đang ngồi trên chiếc võng. Anh Tý bước từng bước nhẹ nhàng trên chiếc cầu bằng thân cây đã tróc hết vỏ và gần như đã mục, hai tay dài thượt giang ra nắm hai đầu đòn gánh để giảm bớt độ lắc lư, nhưng đủ làm cho tôi sợ hãi. Ngân, em gái tôi khoản ba tuổi khóc lên khi đã qua bên kia cầu.

Anh Tỵ dỗ dành:

- Xong rồi. Có gì đâu cưng.

Không riêng gì tôi, chị Giỏi cũng run lên, chị không dám đi trên chiếc cầu đó mặc dù anh Tý hướng dẫn cho chị. Anh bước từng bước nhẹ nhàng, gần đến bờ bên kia anh phóng qua nhanh nhẹn đứng thẳng người và cười.

- Cô làm như tôi. Không sao đâu nếu có té xuống, chỉ ướt mình đôi chút. Tôi nhảy xuống cõng cô lên là cùng.

Chị Giỏi giãy nãy:

- Cái ông này.

- Đùa chút thôi. Cô đừng nhìn xuống chóng mặt, cứ xem như mình đang đi trên con đường đất. Tôi đi trước, cô đưa tay tôi dìu qua cho.

Chị Giỏi chưa kịp phản ứng anh Tỵ đã nắm tay chị dắt qua cầu rồi.

Suốt dọc đường còn lại, anh Tỵ lẽo đẽo gánh hai anh em tôi theo sau bước chân của chị Giỏi. Hình như bước đi của chị Giỏi lúc này có vẻ luống cuống, mất tự nhiên. Đôi lúc chị dừng lại để anh Tỵ vượt qua, nhưng anh Tỵ cũng dừng chân, đặt hai thúng xuống đất giả vờ nghỉ mệt. Chị Giỏi

đành phải bước đi tiếp.
Khi gia đình chúng bắt đầu gồng gánh kéo nhau chạy tản cư, trời còn mờ mờ sáng. Đến nơi thì mặt trời đã lên cao, chiếu những tia nắng gay gắt và sức nóng của buổi trưa đã làm chúng tôi đổ mồ hôi và mệt nhoài. Gia đình chủ nhà là bệnh nhân được ba tôi chữa trị, đã vui vẻ, hớn hở đón tiếp. Người đàn ông đó, tuổi cũng xấp xỉ với ba tôi, nhưng trông ông đen đuốc và già giặn hơn. Ông chỉ cho ba tôi gian nhà tranh ở cuối khu vườn. Nơi đó còn bỏ trống, riêng biệt, tự do hơn. Các anh cầu thủ sức trai khoẻ khoắn súm nhau dọn dẹp, kê những tấm ván đủ để cho ba mẹ tôi, hai chị vừa đến tuổi cập kê có chỗ nằm ngủ. Còn mấy chị em tôi, tuổi lên năm, nằm ngang trên chiếc giường tre. Mấy anh thanh niên treo võng mắc qua những hàng cây cao, nằm đu đưa ngoài sân vườn.

Những ngày ở đây dù chỉ hơn mười ngày nhưng đã để lại trong tôi kỷ niệm về một quê hương thanh bình, ấm cúng và đầy tình người, cùng những hình ảnh đẹp về đoàn quân kháng chiến. Ngôi làng đó có những lũy tre xanh mọc lên hai hàng che con đường đất nhỏ dẫn từ bờ suối đến những ngôi nhà lụp xụp mái tranh vách đất ở sát chân núi. Và từ trong cánh rừng âm u đó, đêm đêm những người thanh niên mặc quần áo bà ba đen, tay cầm gậy tầm vong kéo nhau về làng. Những cầu thủ bóng đá của ba tôi gặp họ cười nói vui vẻ. Họ rủ nhau đến một góc vườn luyện võ múa gậy. Tôi mới biết anh Tỵ còn là một võ sĩ. Anh biểu diễn những bài quyền cước rất thuần thục. Anh nhảy nhót nhanh nhẹn. Anh ngã xuống đất nhẹ nhàng như lá vàng rơi. Anh lăn tròn như trái banh. Anh uốn mình như con cuốn chiếu. Không riêng gì đám con nít như chị em tôi mà ngay cả những anh bộ đội đó cũng vỗ tay thán phục. Những ngày còn ở lại nơi này anh Tỵ dạy võ nghệ cho họ. Anh đúng là chàng thanh niên Tây Sơn, quê hương của vua Quang Trung. Đêm đêm trời tối như mực, quanh đống lửa trại, dưới ánh sáng bập bùng, những người

kháng chiến đó cùng với đám cầu thủ của ba tôi nắm tay nhau xoay tròn mà hát vang.

Trước khi chia tay với chúng tôi, một anh bộ đội đã tặng cho tôi hai hòn đá cuội bằng quả trứng gà. Về sau, tôi mang về thị xã, đêm đêm trời tối tôi đánh chúng chạm mạnh vào nhau, từ đó xẹt ra những tia sáng, lóe lên rất nhanh và chợt tắt, nhưng cũng đủ làm cho lũ bạn cùng một tuổi trong xóm ngạc nhiên và thán phục.

Trong thời gian tản cư ở đây cũng để lại cho anh Tỵ biết bao niềm hạnh phúc, nhất là về mối tình vừa nẩy nở giữa anh và chị Giỏi. Buổi chiều, ánh nắng vàng úa dịu dàng, chị ra giặt áo ở bờ suối. Anh Tỵ mang hộ cả đống áo quần của mọi người theo sau. Mặc cho chị em tôi chơi đùa nhảy nhót trên bãi cát trắng xóa, hoặc dầm những bàn chân nhỏ bé lên con nước cạn và trong vắt, thấy cả những bầy cá nhỏ li ti. Tôi đưa bàn tay bé nhỏ của mình chụp hụt những con cá lòng tong ấy và ngã xuống, rồi lóp ngóp gượng dậy trong tiếng cười ròn rã của chị Muội, bé Ngân. Chúng tôi mặc cho anh Tỵ và chị Giỏi chuyện trò, hẹn hò. Không biết anh Tỵ nói gì mà thỉnh thoảng chị Giỏi cất tiếng cười khúc khích. Rồi những buổi tối có trăng tôi không thấy chị Giỏi ngồi bên cạnh mẹ tôi cùng nhau lể những con ốc gạo mà hai người đã bắt lên từ con suối cạn kia. Và anh Tỵ cũng bỏ lại các anh cầu thủ đang tụ họp dưới gốc cây xoài sai trái kể chuyện vui, anh len lén bước nhẹ bỏ đi. Hai anh chị hẹn nhau ra bờ suối, ngồi trên ghềnh đá nhìn trăng sao nói chuyện vu vơ và ước hẹn trăm năm.

Sau khi về lại thành phố, anh Tỵ thường xuyên đến nhà tôi. Ba mẹ tôi biết chuyện anh chị thương yêu nhau. Mẹ tôi vui vẻ đồng ý cho anh Tỵ mời cha mẹ anh đến dạm hỏi chị Giỏi. Còn ba tôi thì lưỡng lự. Lý do đơn giản là đội bóng của ông đang hồi dự giải, mà thủ gôn tài ba như anh Tỵ lấy vợ, tâm trí và sức lực đâu nữa để chụp banh. Ông bảo từ từ đã. Mẹ tôi hiểu ý. Ừ, thì từ từ.

Vài năm sau, chị Giỏi mắc bệnh. Khi nóng khi lạnh. Cơn sốt lên cao. Cái giá lạnh thấu xương làm chị run cầm cập. Anh Tỵ đắp mền phủ khắp người chị, và anh ôm chặt người chị như truyền hơi ấm của mình qua cho chị. Tôi cũng thường đứng bên cạnh giường bệnh của chị. Nhìn vẻ mặt xanh xao, đầu tóc rối bù. Bàn tay chị gầy guộc. Thỉnh thoảng chị cất tiếng rên khe khẽ cũng đủ làm tôi xót ruột đau lòng. Tôi mong chị sớm lành bệnh, chóng hồi phục và chị sẽ hồng hào tươi đẹp như trước. Lúc này anh Tỵ không còn tâm trí đâu nữa để làm thủ môn. Ba tôi phải thay thế người khác mặc dù ông không ưng ý. Suốt ngày anh Tỵ ở bên cạnh chị Giỏi. Anh tự nấu cháo thật nhuyễn và đút từng muỗng vào miệng chị.

Một buổi chiều đi học về, đến thềm nhà tôi nghe tiếng khóc rấm rức của mẹ tôi. Tôi vội chạy xuống phòng chị Giỏi. Anh Tỵ ôm lấy chị Giỏi mà gào thét lên: *"Đừng bỏ anh"*. Ba tôi bỏ đi, để mặc cho anh Tỵ ôm cái xác lạnh giá đó. Còn tôi đứng ngơ ngẩn một lát rồi chạy đến đánh mạnh vào vai anh Tỵ, mếu máo nói:

- Tại anh mà chị em chết?

Anh không trả lời, chỉ biết lắc đầu lia lịa.

- Anh thoa dầu khuynh diệp nóng quá nên chị em chịu không nỗi mới chết.

Không hiểu sao tôi lại nghĩ như vậy. Có phải vì có lần tôi thấy anh Tỵ thoa dầu lên người chị Giỏi, và đưa bàn tay thô bạo nắn nót đôi vai gầy, tấm lưng thon, đôi bàn tay nhỏ nhắn, đôi chân trắng trẻo của chị Giỏi. Anh làm như anh đang bắt trái banh của một tiền vệ đội bạn đang sút mạnh vào khung thành. Tôi thử bôi dầu vào chỗ vết thương xước da khi tôi bị ngã ở sân trường học. Khắp người tôi rần rần và rát muốn tuột da. Tôi giãy nảy, nhảy nhót như một con khỉ bị thương. Thế mà anh Tỵ bảo thoa dầu cho chị để chị bớt bệnh.

Sau khi chôn cất chị Giỏi, tôi không muốn nhìn mặt anh Tỵ Biết tôi giận, anh xoa đầu tôi, nói nhỏ:

- Tại chị em đẹp quá. Hồng nhan nên bạc mệnh mà.

Tôi chưa hiểu được câu nói của anh cho đến khi lớn lên học truyện Kiều, thầy Văn giảng giải cho chúng tôi hiểu thế nào là hồng nhan bạc mệnh. Tôi thương tiếc Thúy Kiều. Tôi thương tiếc chị Giỏi.

Sau này lớn lên, ở tuổi dậy thì, tôi cũng bị một cơn bệnh như chị Giỏi: Thương hàn. Tôi mới hiểu cái lạnh thấu xương. Cái nóng kinh hồn. Lạnh quá phải thoa dầu. Nóng quá phải đắp khăn lạnh ướp nước đá lên trán. Tôi qua khỏi cơn bệnh trong khi một thằng bạn cùng tuổi với tôi cũng bị bệnh như tôi lại chết đi. Mẹ tôi bảo chắc trời thương mẹ tôi nên không bắt đi đứa con mà bà yêu thương.

Mộ chị Giỏi chôn ở nghĩa địa nằm trên một đồi thoai thoải đầy cát trắng tinh. Xương rồng mọc bao quanh, le te vài trăm ngôi mộ như gò đất mối. Giữa khuôn viên có một ngôi chùa nhỏ, hằng ngày vọng lên tiếng gõ mõ, tụng kinh. Chỉ có một ông già ốm nhom như cây sậy, mặc áo nâu sòng cùng một chú tiểu tóc để chỏm, sắc mặt xanh xao, gầy mòn.

Anh Tỵ, bất kể nắng mưa, xách chiếu ra nằm bên cạnh mộ chị Giỏi. Theo anh là con chó mực, quấn quít bên chân chủ. Nó rên rỉ vì gió lạnh. Anh Tỵ vò đầu nó, tỉ tê, như nói với người đã khuất, môi anh mấp máy không ra thành tiếng vì anh không biết nói gì nữa đây. Rồi một buổi sáng, sương khói mênh mông, vật vờ, anh chợt nhận ra con chó mà anh từng thương yêu cũng đã chết từ bao giờ. Anh đào một hố nhỏ, bỏ xác nó xuống và lấp đất bằng phẳng bên cạnh mộ chị tôi.

Ba tôi biết là anh Tỵ không còn tâm trí đâu nữa để tiếp tục làm thủ môn. Ba tôi phải đợi qua cúng thất tuần của chị Giỏi, và cơn đau của anh lắng xuống, ông mới gợi ý anh giúp ông bằng cách huấn luyện cho anh Hải làm thủ môn. Nể ba tôi anh nhận lời. Ngay chiều đó anh rủ tôi đến nhà anh. Lúc này tôi vẫn còn giận anh vì tôi vẫn nghĩ anh đã làm chị tôi chết đi. Nhìn ánh mắt hờn trách của tôi anh vỗ

đầu tôi, xoa nhẹ: Bui đến giúp anh một việc. – Anh nói đi đã. – Tập anh bắt banh.
Như những lần cũ, anh đứng thủ thế ở khung thành tưởng tượng giới hạn bởi hai hòn gạch làm chuẩn, tôi gào lên một tiếng khi quăng trái banh quần vợt thẳng vào mặt anh. Còn anh, anh nhắm mắt lại, hai tai vễnh ra, đoán theo hướng gió đường đi của trái banh. Ngày trước, khi mở mắt ra, anh ngả người theo trái banh, hai tay lẹ làng chụp lấy, trái banh nằm gọn giữa bàn tay và cái bụng thót vào của anh nhưng bây giờ, anh vừa mở mắt ra thì trái banh đã trúng ngay vào mặt anh. Tôi thích chí cười như trả thù được món nợ anh thiếu chị tôi. Còn anh, bỗng dưng ôm mặt khóc. Tôi ngơ ngác không hiểu gì. Chỉ nghe anh nói nhỏ: "Trời đã lấy lại cái mà trời đã đặc ân ban cho anh rồi." Lớn lên tôi mới hiểu, tai anh không còn khả năng thính giác đặc biệt mà chẳng một ai có nữa rồi. Thảm hại hơn nữa là anh bắt đầu bị điếc.
Đó là lần cuối cùng tôi gặp anh. Mặc cho ba tôi đợi chờ anh đã bỏ thị trấn này ra đi. Chốn nào tôi không biết. Cùng nỗi thắc mắc tại sao anh phải ra đi. Và giọt nước mắt chảy dài có phải vì tôi quăng trái banh trúng mắt anh làm anh đau hay vì anh đã khám phá ra điều gì đó vừa mới xảy đến với anh.
Mãi đến sau này khi đã trưởng thành, tôi từ giã thị trấn nhỏ này ra học Sư Phạm Qui Nhơn, trong một buổi cùng các bạn giáo sinh và cô giáo người Mỹ đến thăm trại cùi Qui Hòa tôi mới hiểu. Dọc đường trên sườn đồi chúng tôi đã gặp những khuôn mặt không còn hình người, sức mũi, sức môi, tai teo, chân tay co quắt, bước đi khập khễnh, và họ quay mặt vào vách đá khi nhìn được những ánh mắt đầy vẻ kinh hãi của ai đó trong bọn chúng tôi. Còn tôi, tôi rùng mình.
Tôi ngạc nhiên hơn nữa khi đứng trước những kỷ vật ở phòng trưng bày của trại cùi. Những tập thơ của Hàn Mặc Tử. Những tập sách viết về cuộc đời và sự nghiệp văn

chương của nhà thơ tài hoa đó. Những cuộc tình của ông, nhất là giữa ông và Mộng Cầm, rồi đến Mai Đình, cứ như một khúc phim đang diễn ra trong tâm hồn tôi, làm tim tôi nhói đau. Nỗi xúc động với một nhà thơ mà tôi chưa được quen biết chưa kịp tan đi thì một khối đau khác ồ ạt, nặng nề như một tảng đá lớn đè nặng lên tôi làm tôi choáng váng, nghẹt thở. Tôi phải gượng dậy, dựa vào cạnh bàn, cúi xuống nhìn cho kỹ những dòng chữ khắc trên chiếc cúp bằng nhôm tượng hình một bình hoa gắn trên một cái đế gỗ mun. Tôi lẩm bẩm đọc: "Giải thưởng bàn tay vàng toàn quốc –1948". Trong đầu tôi vang lên và lập lại hai tiếng: "Chẳng lẽ?" Bên cạnh chiếc cúp đó còn đặt một trái banh da cũ kĩ, sờn như muốn rách, và hình như có những vệt máu dính vào. Và, bên cạnh trái banh, đôi găng tay nằm lật ngữa là cũng bằng da, cũ mèm. Không còn nghi ngờ gì nữa, trên tường treo một tấm ảnh đã hoen ố chụp hình toàn đội banh. Tôi nhìn ra người đàn ông mặc quần sọc áo sơ mi ngắn tay là ba tôi. Còn người ngồi ôm trái banh là anh Tỵ. Tôi reo lên như anh Tỵ đang đứng trước mặt mình. Tôi gọi tên anh. Có ai đó nắm chặt tay tôi, rồi bóp mạnh, làm tôi giật mình. Nhìn lại, một vị nữ tu mặc áo trắng, giọng nói nhỏ nhẹ: - Hình như anh nhận ra những người thân. Tôi chỉ tấm ảnh. Tôi chỉ chiếc cúp. Tôi chỉ đôi găng tay. Tôi chỉ trái banh. Rồi tôi ấp úng: "*Anh Tỵ đâu rồi*." Vị nữ tu nói: *"Ở đây, chỉ những người đã chết mới trưng bày những kỷ vật của họ mà thôi."*

Tôi tách khỏi đoàn để theo nữ tu, đi dọc theo bờ biển của trại, nghe bà kể về anh Tỵ. Giọng nói miền Bắc, đầy âm điệu, êm ả rót vào tai tôi, lẫn cùng tiếng sóng vỗ đều đều như tiếng trống từ xa vọng lại:

- Ngày tôi từ một tu viện về trại, anh Tỵ đã có mặt nơi này rồi. Bệnh tình của anh càng lúc càng nặng. Tuy thế, lúc khoẻ anh vẫn thường làm thủ môn của đội banh những người mắc bệnh cùi. Chính anh là người thành lập ra đội. Anh huấn luyện, tập dợt cho những thanh niên còn nguyên

vẹn đôi chân. Họ không thể nào đá hay như những đội banh chuyên nghiệp, nhưng họ vui vẻ, yêu đời dù chỉ những giây phút ngắn ngủi. Cậu biết không, trại dành một mảnh đất nhỏ trồng cỏ xanh rờn, làm thành một sân đá banh cho họ. Họ chia thành hai đội, màu áo khác nhau, nhưng cùng những đôi giày vải màu trắng giống nhau. Khán giả là những bệnh nhân và gia đình của họ sống trong những dãy nhà sau trại kéo nhau đến ngồi chồm hổm, dưới bóng mát của tàng cây phượng già. Họ la ó. Họ nhảy cởn. Họ gục mặt. Họ ngẩng mặt lên trời tiếc nuối, theo từng nhịp trái banh. Họ đưa những bàn tay đã rụng hết ngón vỗ vào nhau phát ra những âm thanh đục ngầu, bình bình. Và anh Tỵ, người thủ môn một thời vang bóng, chồm mình nhảy ra chụp lấy trái banh đang hướng về khung thành một cách khó khăn, trái banh mấy lần vụt khỏi bàn tay, rơi xuống đất, vồng lên, vồng xuống, anh Tỵ như con mèo vồ con chuột, té lên té xuống, chụp lấy trái banh ôm vào lòng.

Giọng nói vị nữ tu nghẹn lại khi ở đoạn cuối. Về cái chết của anh Tỵ. Sau đó vài năm, một buổi sáng người ta phát hiện ra xác anh Tỵ ở ngoài sân bóng đá. Ở khung thành, hai bên cột trụ gỗ, trước tấm lưới, xác anh Tỵ nằm sấp, mặt úp xuống đất, hai tay giang ra, những ngón tay đã rụng lóng, co quắp lại, xước máu, bên cạnh là trái banh nằm lơ ngơ ở một góc khung thành. Khi liệm xác anh người ta tìm thấy trong túi áo của anh có một tấm hình đã hoen ố màu thời gian, phía sau có một dòng chữ: Khi tôi chết xin chôn cùng tấm hình này. Tôi biết ngay đó là tấm ảnh chị Giỏi ngày nào đã tặng anh. Ngày mẹ tôi còn sống năm nào bà cũng làm một mâm cơm để cúng chị. Hình chị để thờ nhà tôi không có. Tấm ảnh duy nhất anh Tỵ chưa kịp sang ra thì đã mang theo, bặt tăm. Mãi đến bây giờ trong tâm khảm tôi chị Giỏi vẫn mơ hồ một sắc đẹp liêu trai.

oOo

Lại một tình cờ khác. Sao đời có những tình cờ kỳ lạ như thế này đến với tôi. Gần mười năm sau tôi gặp anh Huệ giám đốc nhà in Đăng Quang, mà tôi là khách hàng in tạp chí Ý Thức. Tòa soạn tạm thời đặt ở một góc nhỏ của nhà in. Trong lúc rỗi rảnh anh và tôi nói chuyện phiếm. Khi biết tôi sinh ra và lớn lên ở Phan Rang, anh hỏi tôi về đội banh vang bóng một thời vào những thập niên 50. Đội banh không mang tên, người ta chỉ gọi là đội banh ông Đào. Anh Huệ ngạc nhiên khi biết tôi là con nhà nòi, nhưng tôi không đam mê bóng đá. Anh hỏi tôi về anh Tỵ, người thủ môn tuyệt vời. Anh lục từ chồng báo cũ đưa tôi xem. Tuần báo Đuốc Thiêng chuyên về Thể Thao duy nhất của thập niên 60 mà lúc đó anh làm Chủ nhiệm. Anh cho biết có một bài báo viết về bàn tay vàng của người thủ môn này như một huyền thoại trong làng bóng đá Việt Nam. Thời đó anh Huệ cũng đã từng chứng kiến giải đá banh đầu tiên trong nước và anh thán phục những cú bắt banh tuyệt vời, nhất là những quả phạt trong vùng cấm địa 11m. Những cú sút mạnh như vũ bão, lắc léo, phỉnh phờ, hỏa mù để người thủ môn không nhận được đường bay của quả bóng đều không thủng lưới được. Trái banh nằm gọn trong hai bàn tay của anh Tỵ. Anh hỏi có phải tôi là tác giả bài báo. Tôi lắc đầu. Anh hỏi tiếp hiện tại anh Tỵ sống ra sao? Tôi đưa hai bàn những ngón tay cong quắt giả làm bàn tay của người cùi đã bị sứt mất mười lóng tay quờ quạng vào không khí. Rồi, tôi kể lại cái chết của anh Tỵ cùng mối tình anh đã mang theo.

Năm 2008

LTS: Truyện thứ hai trong tập hồi ức về một người cầu thủ bóng tròn: "Chuyện tình người cầu thủ bóng đá". Chúng tôi sẽ đi lần lượt những truyện còn lại trong những số sắp tới.

Trần Mộng Tú

ÔNG HÀNG XÓM

Người da đỏ (Red Indian) sinh sống ở vùng Tây Bắc thường nghĩ trời đất là của chung nhân loại, ai cũng có quyền được hưởng, không phân biệt sắc dân, không ai được chiếm hữu làm của riêng mình. Đất trời là của chung nên không ai mua và không ai bán được.

How can you buy or sell the sky, the warmth of the land?
(lời trong Bản Tuyên Ngôn của Tộc Trưởng Da Đỏ ở Seattle-1854)

Cái tinh thần này quá lý tưởng nên ít ai trên trái đất muốn theo. Tranh chấp nhỏ bé thì một mảnh đất bên hàng rào giữa hai nhà cũng thành thù hận, có khi đi đến chỗ hại nhau. To tát hơn là biên cương, lãnh thổ quốc gia, không phận, hải phận, cần được phân biệt rõ ràng. Nhân loại chiến tranh cũng vì một tấc đất, một nhánh sông, một đám mây trên trời.

Bỏ quê quán đến định cư trên một phần đất của người khác, tôi luôn luôn nghĩ mình là người ở trọ, cho dù mình là chủ căn nhà mình. Tôi có thói quen khi dọn vào bất cứ ngôi nhà mới nào, dù thuê hay mua, tôi cũng mời linh mục đến làm phép nhà và xin lời cầu nguyện cho những người đã sống trước tôi, những người sẽ đến sống sau tôi trong ngôi nhà đó. *Nhất Điền Thiên Vạn Chủ*, đó là câu nói của người xưa, tôi nhớ được.

Khi chúng tôi dọn vào căn nhà mới này (thực ra nhà đã 35 tuổi) ông hàng xóm người Mỹ của tôi rất đặc biệt. Từ khi chúng tôi thành hàng xóm của ông, lúc nào ông cũng nhìn

ra những điều sai lầm của chúng tôi.
Trước tiên có lẽ chúng tôi là người Á Đông dọn vào trong một khu toàn người da trắng.
Rồi chúng tôi lại gọi một nhóm thợ Á Đông đến sơn nhà, thay cửa, gây tiếng động cho một khu xóm vốn yên lặng. Ông rất khó chịu và thường xuyên để ý xem chúng tôi có vi phạm điều gì để ông có cơ hội khiển trách và chứng tỏ "Tinh Thần Người Bản Xứ" của mình. Mặc dù chồng tôi cũng là người bản xứ, nhưng anh sáng đi ,chiều về, nên ông lúc nào cũng chỉ nhìn thấy người da vàng trong gia đình hàng xóm mới này.

Bốn ngôi nhà cùng chung một lối lái xe ở giữa. Nhà tôi và nhà ông ở phía trên dốc. Nếu nhìn từ đường chính bên ngoài vào, nhà tôi bên tay mặt, nhà ông bên tay trái, Khúc quanh xe từ nhà để xe của chúng tôi không được rộng lắm. Khi bạn chúng tôi đến chơi, lúc về, vô ý quay xe, để cái đuôi xe của mình qua phần đất của ông, lập tức ông bắt gặp ngay (như thể lúc nào ông cũng đứng sau một cánh cửa sổ, nhìn những chiếc xe ra vào của chúng tôi.) và chạy sang khiển trách. Hàng bách diệp giữa hai nhà trước đây chỉ dài đến ngang nhà để xe, chúng tôi tới, ông trồng thêm cho dài gấp hai, để tránh đuôi xe bên này chạm qua phần đất bên đó.

Một buổi tối mùa đông, hai người bạn lớn tuổi của tôi đến chơi, khi về, họ vô ý đụng phải hàng bách diệp trồng giữa hai nhà, ngã xuống một cây. Lập tức, tôi nghe tiếng gõ cửa, và cả hai ông bà hàng xóm sang bắt thường. Tôi quá đỗi ngạc nhiên, vì mưa, lạnh, và tối trời như thế, sao họ thấy ngay được.Tôi vội vàng xin lỗi và hứa sẽ trồng lại cây khác ngay sáng mai.

Nhưng tôi không kịp trồng cây khác, vì cây bách diệp đó chỉ gẫy có một cành nhỏ và vẫn sống. Ông hàng xóm của

tôi đã gọi người đem máy móc đến khoan đường, trồng ba cây cột bằng xi măng to, trông rất thô, xấu, và dĩ nhiên trồng phía bên này hàng bách diệp, nghĩa là về phía bên nhà tôi. Nếu chúng tôi quay xe không cẩn thận, móp xe, ráng chịu.

Tôi thấy ông này sai, vì nếu ông là người trồng ba cây cột đó thì phần cột nhìn thấy, không được thẩm mỹ lắm, bắt buộc phải về phía bên nhà ông. Tôi không vui, nhưng vẫn không nói gì, nghĩ: Mình bỏ cả quê quán sang đây cư ngụ trên đất người ta, thôi nhịn đi một chút cũng chẳng sao.

Chắc ông cũng nghĩ, nghĩ khác tôi: Đây là quê quán ông, tôi ở đâu đến mà dám ở cạnh ông, nên ông tiếp tục khó chịu.

Mùa hè kế tiếp, đến phiên ông sửa nhà, ông đào một cái basement mới; xe cần trục đến moi đất, bụi bay tán loạn sang nhà tôi, tiếng động nhức tai, thợ ra vào tấp nập. Tôi không hề than một tiếng, vì nghĩ năm ngoái mình cũng đã gây những tiếng động như thế này. Đào hẳn một gian hầm không phải là một việc dễ và xong ngay được, nên công việc kéo ra gần hết mùa hè.Thỉnh thoảng chạm mặt ông hay bà tôi chỉ hỏi thăm công việc tiến hành có tốt đẹp không, và bao giờ xong.

Trong khi bận đào basement đó, không có thời giờ canh chừng *Driveway*, hai ông bà có vẻ thân thiện hơn chút đỉnh. Cho đến khi, tôi muốn làm một cái hàng rào gỗ để che kín lối đi bên hông nhà. Khi thợ đến đào hố để trồng cột, ông chạy ra ngay, không cho họ trồng cột gần hàng bách diệp, người thợ vào gọi tôi ra.

Ông thấy tôi, mặt nghiêm lại, sẵn sàng một cuộc gây hấn. Tôi thản nhiên cười hỏi:

- Bây giờ ông muốn chúng tôi lùi vào bao nhiêu?

Ông hơi ngỡ ngàng một chút, vì thấy tôi nhượng bộ ngay trước khi lâm trận. Ông nhìn tới nhìn lui, lấy một khúc cây, cắm xuống chỗ đất ông muốn.

Người thợ nhìn tôi nói:

- Cô ơi, đừng để họ ăn hiếp mình, tại sao lại xa thế.

Tôi bảo, không sao, một hai bước đất không đáng gì, cô không muốn mất lòng hàng xóm. Cháu cứ đặt cọc ở đó cho cô.

Tôi quay sang ông nói:
- Không sao, tôi chỉ muốn có cái cổng, nhưng thật ra khoảng cách giữa hai nhà xa thế này thì cái cổng cũng không che kín được bao nhiêu, tượng trưng thôi.

Rồi tôi bắt sang chuyện khác, hỏi ông ở đây bao nhiêu năm rồi, có quen biết hàng xóm chung quanh đây nhiều không?

Ông trả lời miễn cưỡng:

- Hơn hai mươi năm rồi, có quen mặt một vài người, nhưng chưa vào nhà ai chơi bao giờ cả.
Tôi cười, nói:
- Lạ nhỉ, ở xứ tôi hàng xóm có khi còn thân hơn anh em. Vì anh em mình ở xa, hàng xóm ở gần. Có chuyện gì xẩy ra, hàng xóm sang giúp mình trước khi anh em đến. Cần cái gì chút đỉnh như quả trứng, muỗng đường, chưa kịp ra chợ, cũng chạy sang nhà nhau hỏi. Nhất là những khi bệnh, thế nào cũng cần đến nhau.

Ông lạnh lùng nói:

- Bệnh thì đi bác sĩ, bệnh nặng thì vào bệnh viện chứ sao lại gọi hàng xóm.

- Ông nói đúng, nhưng ở Việt Nam chúng tôi, hàng xóm hay chạy sang nhau, giúp nhau những chuyện nhỏ, như trông con thơ hay trông cha mẹ già hộ nửa tiếng, một giờ, để người đó chạy đi làm một việc gì đó, đôi khi có người không có tiền gửi con còn nhờ hàng xóm trông hộ nguyên ngày, nên ít ai bị bỏ quên trong một căn nhà đến cả tuần. Tôi thỉnh thoảng đọc báo thấy sao ở Mỹ nhiều người già chết cả mấy ngày không ai biết, tội quá!

Rồi tôi nhìn vào mắt ông nói:

- Nếu tôi chết, tôi muốn được ông bà đi đám tang tôi. Ở bên cạnh nhau mà người này chết, người kia không biết, thì nhẫn tâm quá!

Ông ngạc nhiên đến há cả miệng ra, ông không ngờ tôi lại nói một câu chuyện ngoài dự đoán của ông. Ông sang để bắt tôi phải đóng cái cột hàng rào xa nhà ông, mà tôi lại bắt ông đưa đám tang tôi,(nếu tôi chết,) làm ông hoảng vía. Ông đứng như trời trồng bên cạnh mấy cây cột xi măng của ông, không nói được thêm câu nào.

Tôi lại cười cười, nói tiếp.

- Nếu đêm hôm, ông bà có chuyện gì cứ nhấc phôn gọi chúng tôi, đừng gọi cứu cấp vội, tốn tiền. Chuyện nhỏ chúng tôi lo được. Người Á Đông chúng tôi hay lấy việc của người khác làm việc của mình. Đôi khi cũng hơi đi quá xa nhưng phần nhiều là nhờ thế, mà không bị hiu quạnh ngay trong khu xóm mình.

Rồi tôi cứ lan man nói sang chuyện khác, hỏi ông sanh ở đâu?
Chồng tôi sanh ở Montana, một tiểu bang có *Big Sky* và lòng người cũng hào sảng lắm (big heart.) Mỗi lần tôi về quê chồng, lái xe qua những bìa rừng, thỉnh thoảng thấy có một cái bàn nhỏ bầy bán mật ong, trên bàn chỉ có mật ong, một cái lon đựng tiền, một cái bảng giấy nhỏ đề " Mật Ong/ 3 đồng" xếp ở đó. Người mua, tự lấy mật ong, tự bỏ tiền vào lon, hay tự thối lại tiền. Người bán không có mặt. Đến cuối ngày mới ra dẹp hàng và thu tiền. Thanh bình và lương thiện quá! Ai cũng ao ước được sống ở một nơi như thế. Chắc ở đó chẳng ai nghĩ đến cái đuôi xe của nhà này, chạm vào lối lái xe của nhà khác.Trời, đất, và lòng người đều rộng cả.
Tôi cứ vừa cười vừa nói, nói hồn nhiên như thói quen của những người đàn bà Á Châu là hay nói. Ông đứng nghe một lúc, rồi về, tôi thấy khuôn mặt căng thẳng đã dịu hẳn xuống.

Bây giờ ông hay gõ cửa, nói chúng tôi biết mỗi khi ông đi vắng vài hôm hay báo cho chúng tôi một cái cây gẫy trong vườn mà tôi chưa biết, hoặc sáng nay khi tôi còn ngủ có hai con nai vào vườn nhà tôi, nếu ông không đuổi thì chúng đã ăn hết những nụ hồng mới nở.

Thỉnh thoảng nấu xôi đậu phộng, tôi có đem qua tặng ông bà một đĩa nhỏ, và nói:

- Anh em xa, láng giềng gần. Anh tôi đâu có được ăn đĩa xôi này.

Ông cũng cười:

- Bà nói đúng lắm, đĩa xôi này là phần tôi, người hàng

xóm của bà.

Bây giờ thì tôi biết chắc là nếu tôi chết, ông sẽ biết tin trước nhất và ông sẽ đi đám tang của tôi.

Bầu trời trên đầu chúng ta, niềm ấm áp của đất dưới chân không thể nào mua hay bán được. Chỉ đem tặng cho nhau được thôi.

Tháng 5/2008

Lê Nam Phương

GỌI TÊN NGƯỜI YÊU DẤU

Truyện ngắn

Nàng có một cái tên nghe ngồ ngộ, là lạ, hay hay. Cái tên mà mỗi lần kêu lên nó còn đọng lại, sau đó, trong hồn anh như tiếng chim buổi sáng trong vườn xuân tuổi trẻ, nó trải dài mang mang trên con đường chiều anh lang thang, nó làm cho anh bắt gặp anh trong tiếng gió lao xao của hàng dương liễu hoà trong tiếng rì rào của sóng biển trùng khơi .

Nàng có một cái tên mà một lần, chỉ một lần thôi, ai nghe gọi lên, không chỉ riêng anh, nó còn đọng mãi cái âm thanh kỳ diệu đó trong tim, mãi mãi, cho đến bây giờ, cho đến mai sau, cho đến sau cái mai sau, nghĩa là nó vĩnh cữu, nghĩa là nó bất diệt. Và bốn mươi năm nay, cái tên đó vẫn còn nguyên trong anh: Lý Minh Thơ.

Không ai có thể buồn nữa khi nghe ai đó gọi tên nàng, và cho dù nhiều lúc anh đang trầm tư lắng lòng mình vào tiếng gió áo não thổi qua chiều mùa đông nơi cái thành phố nhỏ nằm ven biển này, bỗng dưng tiếng gọi tên nàng vang trong tim anh, anh gọi tên nàng, thế là âm thanh áo não đó lại bỗng nhiên réo rắc như tiếng vĩ cầm đang tấu khúc nhạc hồng trong ngày hội tình yêu.. Rồi anh đốt thuốc, nhả từng vòng tròn khói đan vào nhau, cuốn vào nhau và bay đi.

Anh chưa một lần ngắm nhìn nàng một cách rõ ràng. Nàng thường xuất hiện trước anh trong màu áo hoàng cúc điểm những cánh hoa nho nhỏ màu tím nhạt. Bóng nàng nhẹ lướt trong nắng chiều vàng phai, anh cứ nghĩ nàng là

một cánh bướm thần tiên trong một truyện thần tiên. Nàng không bước mà lướt đi. Nàng không bay mà la đà mặt đất, hai tà áo gió đẩy về phía sau cũng nhẹ như một giải mây đang trôi.

Anh luôn nghĩ nàng rất đẹp. Không. Không phải rất đẹp. Nàng rất quyến rũ. Vâng. Nàng rất quyến rũ. Chỉ thoạt bắt gặp bóng dáng nàng là anh đã bị mê hoặc.

Anh thường đứng từ xa, nhìn nàng nhẹ nhàng như mây trên con đường chiều về ký túc xá. Mái tóc nàng như một màn tơ lụa chảy xuống hai bờ vai thon dập dờn theo từng nhịp, đôi lúc làn gió vô tình đẩy hết về một bên rồi bung trở lại đẹp như một nét thư hoạ.

Anh chưa một lần ngắm nhìn nàng một cách rõ ràng, dù mỗi lần nàng xuất hiện sức quyến rũ của bóng dáng nàng có ma lực cuốn hút anh, quyến rũ anh và anh thấy mình bềnh bồng theo nàng như trong chiêm bao. Và cái mùi hương kỳ diệu từ nàng hoà trộn vào ngây ngất của hương chiều vương lại trên từng ngọn cỏ, toả ngập vào không gian, anh nghe như hồn mình đang trong cơn say dìu dịu.

Và như thế, anh chỉ biết nàng không hơn một cái tên mà mỗi lần anh gọi lên trong lòng thì tim anh rộn rã. Và nàng thì chẳng hề hay biết rằng , trên cuộc đời này, trong cuộc đời nàng, có một người, đã từng, ngắm nhìn nàng từ xa và bị nét quyến rũ của nàng dẫn anh ta đi vào một cõi mộng mơ thần thoại, như rất nhiều người ngắm nhìn nàng Mona Lisa, rồi bị nụ cười bí hiểm của nàng cuốn hút, chẳng hiểu vì sao.

Và rồi, với anh, cũng chỉ có thế.

Mùa đông 1968, anh đứng trên balcon, như thường ngày, nhìn xuống con đường chiều men theo biển, con đường nàng thường đi về mấy bận mỗi ngày. Đúng vào một ngày của mùa đông năm đó, anh đứng chờ. Thời gian trôi nặng nề. Trôi nặng nề. Trôi lặng lẽ. Anh đứng như một pho tượng, căng mắt nhìn xuống mặt đường nhạt

nhoà bóng tối.

Ngày sau. Ngày sau. Và ngày sau nữa. Anh đứng chờ. Anh mong ngóng. Anh gọi tên nàng nho nhỏ, âm thanh vang vang rồi mất hút.

**

Ngôi nhà nho nhỏ nằm khuất bên trong vài mươi bước đi bộ ở cuối đường Nguyễn Thái Học là nơi hội tụ những khuôn mặt bạn bè. Đó là những con người đã được sinh ra và lớn lên trong giai đoạn bi thảm của lịch sử. Đất nước bị xâm lược bỡi đủ loại học thuyết, loại chủ nghĩa, xa lạ hoàn toàn với tình tự dân tộc. Nhưng sức mạnh tàn bạo của nó đã đẩy đất nước vào những đổ nát, những bi kịch, những chia lìa và thù hận. Và cũng không ít nỗi chán chường, phiền muộn và bất cần, hoàn toàn lạc hướng, không mục đích. Một vài cá nhân bám víu vào một cái gì đó của bên này hay của bên kia và bị ảo tưởng đánh lừa, bị giáo điều đánh lừa, và đôi khi bị cả tôn giáo đánh lừa, bị cả tình yêu đánh lừa.

Trong căn nhà này, ngoài những con người đại diện cho đủ loại "tư tưởng không hoàn hảo", mà anh là một trong những con người đó ngoài họ, bất cứ ai bước vào căn phòng đó cũng sẽ bắt gặp, nơi xó tối này vài cuốn sách của Sartre, của Simon de Beauvoir, nơi kia vài cuốn của Camus, vài cuốn nói về Mars, về Lênin. Thậm chí có cả cuốn "Làm thế nào để trở thành người Cộng Sản" của một tác giả ngoại quốc nào đó. Còn nhật báo, tạp chí thì vô kể. Từ loại văn học nghệ thuật chính thống đến văn chương dấn thân. Và nhất là đủ thứ hoan hô đả đảo.

Anh đã sống cùng, trong ngôi nhà đó, với tất cả như thế. Và anh cũng lạc lối, phiền muộn, khổ đau, ngông nghênh, bất cần. Nếu phải quên hẳn tên nàng chắc anh buồn lắm.

Hằng ngày, anh nhìn ngắm bạn bè mình, trong căn nhà

đó. Cười với họ, trầm tư như họ, văng tục chữi thề như họ, yêu đương và ngủ với gái điếm như họ. Đêm chong đèn uống rượu, nói chuyện chiến tranh, chuyện giết người và người giết, chuyện hận thù và yêu thương.Có lần đã cầm súng suýt bắn nhau.

Đêm ấy, anh Hoàng Huy từ Nha Trang ra. Đây là một người được anh em miền Nam Trung Việt tặng cho cái danh xưng trang trọng là : Mạnh Thường Quân văn nghệ. Đêm ấy, tại căn nhà này, sau khi tất cả đã uống dăm ba cốc rượu, một vài ly bia, Hoài đã rút súng kê sát vào đầu Thái:

- Mày vừa nói gì ? Mày can đảm lặp lai đi. Mày sẽ được chết can đảm.

Thái nói gì, hình như ít người nghe, nhưng Hoài và anh đã nghe. Trong cơn tức giận, đôi mắt cận gần mười hai độ của Hoài càng lồi ra, tay run run với khẩu colt 12, mặt Hoài tái nhợt. Anh em ngạc nhiên, sửng sốt không phản ứng. Anh ngồi bất động. Thời gian đông cứng, đặc quánh. Nhưng anh Hoàng Huy vụt đứng lên, kéo Hoài ra ngoài. Hoài ném khẩu súng xuống mặt bàn, bước theo anh Hoàng Huy, đưa tay vuốt đầu tóc bạc, lấy cái mũ vắt nơi cầu vai áo, gở kính ra, lau hai giọt nước mắt vừa ứa ra.

- Em không thể bắn nó , anh ạ.

- Nhưng Thái nói gì ?

- Hắn bảo em là tên lính đánh thuê. Vậy những người anh em nó đi lính cho ai? Cho ai? Ở bên kia. Hắn không hiểu. Cái thằng ngu. Thằng bạn em nó ngu. Nó không hiểu. Làm sao em bắn nó.

Anh Hoàng Huy và Hoài đi rồi, còn lại, còn lại Ngạn, Cao và Nhân cùng anh vẫn ngồi uống rượu. Thái bỏ đi lặng lẻ.

Anh lại nhớ đến tên nàng, bất giác anh mỉm cười một mình.Tại sao mỗi lần nhớ đến tên nàng anh lại thấy an tâm. Như lần này, ở đây, đạn suýt nổ, máu suýt rơi, hận thù bung vỡ…trong lòng anh em bè bạn. Và, cũng có thể,

đạn chưa kịp nổ, máu chưa kịp rơi, hận thù chưa kịp bung vỡ, vì cũng như anh, trong lòng Hoài, trong tim Thái, trong tấm lòng của Nhân, của Ngạn, của Can còn vang lên một cái tên nào đó. Hương. Diễm. Phước. Cúc Hoa, cũng như trong anh, tên của nàng, như một tiếng đàn, rung lên.

- Có ai nghe Thái nói gì mà Hoài giận ghê vậy ?

Nhân hỏi bâng quơ chẳng nhằm vào ai, và hầu như cũng chẳng tha thiết được trả lời. Can lấy cái kính cận sáu diop ra khỏi mắt, trong nhóm anh em hay tụ tại căn nhà này có hai anh chàng cận rất nặng : Can gốc Tuy Hoà, Hoài gốc Huế. Can dùng vạt áo để lau kính, chưa vội mang kính vào, Can trả lời câu hỏi của Nhân mà nghe cũng như trả lời vu vơ, chẳng thiết tha đáp lại cho đúng ý người hỏi:

- Nói gì thì nói, quan trọng gì. Cuộc chiến tranh cứt đái này.

Ngạn thì im lặng. Cái im lặng rất Huế. Không phải cái Huế của đền đài lăng tẩm, mà là cái im lặng của bên trong những bất công và đàn áp những năm sáu tư sáu lăm.

Nhân đẩy ly rượu Thái bỏ dở về phiá anh:

- Hôm nào tôi lấy cái phép thường niên, cậu về Phan Thiết với tôi. Quê tôi đẹp lắm. Tôi sẽ giới thiệu với cậu cô em họ, rất tuyệt.

Rồi Nhân cười.Nụ cười hiền khô. Nụ cười rất Phan Thiết có dòng Cà Ty vắt qua lòng thành phố. Hình như Diễm cũng có lần ngang qua Phan thiết, Nhân đã nói thế với niềm vui toả trên đôi mắt. Và hình như trong lúc này cái tên Diễm đó vang lên trong lòng Nhân, âm vang đó làm tan mờ lớp bụi bẩn trên bộ quần áo màu ô liu, làm rạng lên niềm vui trên gương mặt sạm nắng của thời tiết khắc nghiệt của vùng rừng núi Trung Việt.

Anh Hoàng Huy và Hoài nghiêng người lách vào khung cửa hẹp, đến ngồi vào chỗ cũ.

- Thằng Thái đâu rồi ?

Can gắn cái kính cận sáu diop lên mắt, cười vu vơ:

- Hắn chuồn rồi.

Gương mặt Hoài hoàn toàn đổi khác, anh buồn rũ xuống như một cành lá úa. Hình ảnh cái anh chàng kiêu bạt trên những vỉa hè Qui Nhơn sau những ngày hành quân sống chết như một trò chơi vùng Sa Huỳnh, Bồng Sơn, Tam Quan, Mộ Đức, sau những ngày ròng rã nắng lửa, giá buốt, ăn bụi ngủ bờ cùng sâu bọ muỗi mòng, và những âm thanh đì đùng không ngớt dội vào tim vào hồn của người-lính-cầm-súng-làm-thơ-viết-văn những tiếng thét hãi hùng và bi uất. Bây giờ Hoài ngồi đó, chiếc mũ nồi vẫn nhét vào cầu vai áo, anh ngồi đó buồn rũ như một cành lá héo. Khẩu colt 12 vẫn nằm lạnh trên mặt bàn.

Ngạn vẫn im lặng hút thuốc, cái im lặng của dòng sóng ngầm nằm sâu dưới lòng sông Hương.

oOo

Mỗi người đều có một cái tên để nhớ, để thầm gọi, để nuôi những ước mơ, mà nếu có ai đó gọi ra những ước mơ đó nghe ra đều tội nghiệp.Cái ước mơ quá nhỏ bé của một kiếp nhân sinh mà không bao giờ với tới được. Nhưng dầu sao, trong những phút giây này, trong những năm tháng mòn mỏi và bất an này, những cái tên đó được gọi lên nho nhỏ cũng sưởi ấm chút nào nỗi quạnh hiu trong lòng người và trong lòng đời.

Đôi khi, anh cũng chẳng hiểu tại sao, anh và bè bạn lại tập trung về cái thành phố nhỏ nhắn nằm ven bờ biển miền Trung, cái thành phố chẳng có gì thu hút những người như anh và bạn bè.

Đã đôi lần anh về Ghềnh Ráng, nơi thi sĩ tài hoa bạc phận Hàn Mặc Tử gởi nhúm tro bụi đời mình. Nhưng rồi anh ngậm ngùi, nhưng rồi anh đau lòng.Mộ phần của một thiên tài, nơi an nghỉ của một bậc tài hoa mà sao nó hiu

quạnh thế này, mà sao nó đơn sơ lạnh lùng thế này.Anh đã đến đó một lần, với Ngọc, với chị Ngọc. Vâng. Chị Ngọc. Anh vẫn thường gọi Ngọc là chị Ngọc. Hai người ngồi bên mộ Hàn Mặc Tử ở Qui Nhơn mà nhớ Huế vô vàn, nhớ cầu Tràng Tiền nối hai bờ sông Hương như mái tóc thần thoại lượn lờ qua mặt nướcvà lặng im như một buỗi chiều Thành Nội.

Anh đọc "Đây thôn Vỹ Dạ" cho Ngọc nghe, cho người dưới mộ nghe

"Áo em trắng quá nhìn không ra"

Áo em trắng quá hay là em trắng quá? Em là ai? Có phải em? Có phải Ngọc? Hay chỉ là một gợn mây? Hay chỉ là bóng-ma-mầu-nhiệm? Hay là cái-nguyên-sơ-trinh-bạch,cái hồn thi ca, cái tinh anh trời đất? Nhưng . Đầu tiên. Sau cùng, đó là em. Là cái đẹp. Là Ngọc. Là chị đó Ngọc ơi.

Qui Nhơn. Phải rồi. Qui Nhơn. Nơi đây có gì níu kéo anh và bạn bè, sau những lần đối mặt với tử sinh, với đổ nát, với tang thương trong những vùng quê xơ xác, áo quần, da thịt ẫm mốc bốc mùi, tóc tai râu ria bờm xờm, chỉ còn một chốn quay về: những vĩa hè Qui Nhơn, những quán rượu, và căn nhà rêu mốc ở cuối đường Nguyễn Thái Học. Không biết gọi nơi đây, nơi căn nhà này là gì cho đúng nghĩa. Anh và bạn bè tụ tập nơi đây, mỗi người không biết nỗi rồi mình sẽ ra sao, sẽ về đâu, nhưng mà chuyện vãn không bao giờ dứt. Họ nói về chiến tranh. Họ nói về hoà bình. Họ nói về máu xương. Họ nói về đổ nát. Họ gọi tên thần thánh. Gọi tên người yêu.Và những cái tên Hương, Diễm, Phước, Cúc Hoa…họ viết lên tường với những câu thơ ngậm ngùi. Những bản thảo viết trên bao thuốc lá, trên tờ lịch, trên những tờ giấy vàng ố nhặt ở đâu đó, nằm đầy trên sàn lẫn lộn với đống sách báo. Nếu , anh nghĩ, có ai đó, ngồi sắp xếp, sưu tập, chắc sẽ ngạc nhiên và thú vị vô cùng : Một bảo tàng văn học đấy !

- Tuần sau, tuần sau nghe – Nhân lại lên tiếng – Tui về,

cậu đi Phan Thiết với tui.

Anh Hoàng Huy nhìn ra ngoài. Trời đang rắc mưa. Ánh điện vàng hiu, hắt qua khe cửa, anh vỗ vai Hoài đang ngồi rũ như một cành lá úa:

- Đi uống café thôi

Hoài với tay lấy khẩu colt nhét vào sau lưng. Cả bọn đứng lên. Con đường Nguyễn Thái Học vắng hoe. Nếu không có vài cô gái thập thò ở vài đầu hẽm, một vài chàng lính Mỹ rú xe Jeep vù qua, mất hút, nếu không có họ, chắc con đương này và cả thành phố này sẽ vắng lặng vô cùng.

***

Quán café nhỏ nằm nơi góc đường Lê Lợi cũng là nơi, mỗi lần về phố Hoài và Nhân và các bạn đều ghé đến, thường là rất muộn, như hôm nay, chẳng hạn.. Nơi đây, nơi quán café này, cô chủ quán, tuy nhan sắc đã thoáng chút tàn phai nhưng nét quyến rũ của nàng, vẫn, đôi khi, làm xao xuyến trái tim của khách phong trần. Và nhất là cô có cái tên, gọi lên nghe buồn não nuột : Phù Dung. Ừ nhỉ, sao cô lại mang cái tên nghe buồn lắm vậy ? Một cái tên báo trước gì đó mong manh, chóng tàn. Và phải chăng, cái tên của người nào là số phận của người đó. Hình như Phù Dung cũng không tránh khỏi điều này. Nghe đâu, nàng, tuy còn trẻ, mà đã sớm trở thành goá phụ rồi. Chồng nàng hình như tử trận đâu ở chiến trường Quảng Trị khi hai người chưa kịp hưởng tuần trăng mật. Mỗi lần đến đây, ngắm nhìn nàng, trong màu y phục đen tuyền, đôi mắt xa xôi, chua bao giờ thấy nàng cười, Hoài đều nói cái điều mà anh đã nói hằng trăm lần:

- Tôi sẽ không lấy vợ , các anh ạ.

Rồi Hoài thở dài:

- May mà hai người này- Hoài chỉ Phù Dung- chưa có

con.

Can triết lý:

- Chiến tranh là vậy.

Bỗng Hoài đứng lên, tiến về phía quầy, nơi Phù Dung đang ngồi như một pho tượng, người goá phụ ngỡ ngàng, khẻ nhếch mép như muốn hỏi điều gì, nhưng nàng vẫn im lặng. Hoài đến trước người goá phụ, rất nghiêm trang. Anh đưa tay chào đúng tư cách một quân nhân. Anh nói, giọng thật xúc động:

- Tôi, thay mặt bạn bè tôi đang ngồi đây, bạn bè tôi còn trong rừng, trong bản làng xa xôi, xin thay mặt họ, cám ơn chị, cám ơn chị.

Người goá phụ lúc đầu ngơ ngác, nhưng rồi chị chợt hiểu, chợt nhận ra vẻ đau buồn chân thật trên đôi mắt cận của người lính đang đứng trước nàng, nước mắt nàng ứa ra nặng nề, nàng chồm người về phía trước giang hai tay ôm ngang vai Hoài và chị hôn vào đôi kính cận của anh.

Mọi người trong quán tự động cùng đứng lên, lặng yên như một phút mặc niệm.

Hoài về lại chỗ ngồi, đôi mắt kính của anh vẫn còn đọng hai giọt lệ của người goá phụ.

***

Càng về khuya phố xá cáng vắng vẻ. Mưa nhẹ và buồn. Xa xa vọng về vài tiếng nổ lẻ loi. Bầu trời đêm thỉnh thoảng chập chờn ánh hoả châu sáng lên một lát rồi chìm trong màn mưa ẩm đục. Trong đêm vắng lặng đó, bóng năm người lầm lủi bước đi, mỗi người một tâm trạng, chẳng ai nói với ai câu nào nữa. Mỗi người trở về với nỗi cô đơn của mình. Mỗi người trở về với cuộc tìm kiếm của mình trong ký ức xa xôi. Ngày mai Hoài và Nhân sẽ trở lại đơn vị, trở về những nơi chốn mà số phận của họ bị treo lơ lửng cùng số phận của quê hương. Họ tiếp tục ăn

bụi ngủ bờ, tiếp tục bò trườn như rắn rít trong đêm tối, họ trở về với nơi giáp mặt tử thần, để dầu muốn dầu không , cũng phải bắn, phải nả súng vào kẻ đối diện. Không nhân danh điều gì. Cả dân tộc này đều phải như vậy. Cả loài người đều phải như vậy. Như một định mệnh. Như một qui luật. Cho dù định mệnh đó, qui luật đó khắc nghiệt như thế nào. Cuộc chiến gây ra tai hoạ cho cả loài người, cho cả muông thú, cho cả cây cối, cho cả sông ngòi và đại dương. Cái ung độc của nó làm lỡ loét cả tâm hồn con người, làm ô uế cả khí trời. Cuộc chiến đó chỉ làm thoả mãn cho vài quái-nhân-mắc-chứng-bịnh-điên-cuồng-bẫm-sinh, làm thoả lòng-kiêu-ngạo-phi-nhân-tính, giẫm đạp lên những giá trị thiêng liêng nhất của con người. Tiêu biểu cho quái thai lịch sử đó là Tần Thuỷ Hoàng, là Hitler, là cái ngài đại tá Buêynduê mà Samuel Becket hư cấu nên trong "Trăm năm cô đơn", là nhân vật Boris trong "Lối thoát cuối cùng'". Họ đấy. Họ là tai hoạ của nhân loại.

Và trong lúc này đây, trong lúc mà lòng anh trĩu nặng, u uất, đang bước đi trong đêm tối, cùng những bạn bè, trong nỗi trầm lắng của trời đêm, những bước chân muộn phiền.

Anh cố gọi tên nàng, trong sâu lắng lòng mình, anh đang cố gọi tên nàng, và tiếng gọi bung ra mấp máy nơi môi nhẹ như nụ hôn của người goá phụ lên đôi kính cận của Hoài. Anh thấy nhè nhẹ trong lòng, vơi vơi nỗi nặng nề. Ôi cái tên của người yêu dấu ! Nào Hương. Nào Diễm. Nào Phước. Nào Cúc Hoa. Hãy gọi tên người yêu dấu đi các anh. Như anh bây giờ đang gọi tên nàng trong âm vang của sóng biển mùa đông Qui Nhơn: Lý Minh Thơ. Ngọc ơi! Chị Ngọc ơi ! Ly Minh Thơ ! Nàng không biết anh là ai, nàng chẳng bao giờ biết được rằng trong cõi đời này có một người, đến bây giờ, mỗi khi sầu não, lại gọi tên nàng, đọc tên nàng như đọc lời cầu nguyện. Cả chị nữa, chị Ngọc ơi. Chị buồn như goá phụ Phù Dung, chị có

gọi tên ai, tha thiết gọi tên ai, để, gần như được vỗ về, được ủi an.

***

Năm người trở về căn nhà bằng hữu đó, các anh thường gọi cái hang cư ngụ của mình là "căn nhà bằng hữu"-friend house-, họ bước vào, thì, thật ngạc nhiên, Diễm và Hương đang ở đó.

- Các anh đi đâu mà bọn em chờ cả mấy tiếng đồng hồ rồi.

Giọng Huế của Diễm nhẹ như một hơi đàn. Hương nắm tay Hoài:

- Anh biết không? Minh Thơ bị bắt rồi

Anh nghe một luồng khí lạnh chạy qua người anh, đóng băng trên não.:

- Chị Hương bảo sao?

Anh hỏi mà không biết có nghe nỗi câu trả lời không.

- Sáng nay, thật sớm - Diễm vừa cầm tay Nhân vừa run - Cảnh sát chạy xe tới, có còi hụ, vào trường, súng lăm lăm trên tay. Ôi em sợ quá.

Hương chen vào:

- Họ đọc lệnh bắt Minh Thơ, Lý Minh Thơ ấy. Họ lục tung cả nội trú, nhất là phòng tụi em, bọn em ở chung với Minh Thơ. Họ thu hết sách vở, giấy tờ của Minh Thơ rồi đưa lên xe bít bùng hú còi chạy đi.

Diễm rưng rưng:

- Không biết răng mà báo tin cho má Thơ.

Anh bàng hoàng:

- Họ có nói lý do gì bắt cô ấy không?

- Không.-Diễm nói- không ai tiếp xúc với họ, ngoài thầy hiệu trưởng.

Hương bóp mạnh tay Hoài;

- Răng chừ anh ?

- Chờ đợi thôi, em ạ. Anh nghĩ cô ấy không sao đâu.

Hoài nói, dĩ nhiên để trấn an Hương và Diễm, cũng như để tự trấn an mình. Anh hỏi Hương:

- Em có rõ gia đình cô ấy không ?

- Thơ chỉ có một mình. Không anh chị em. Má Thơ chỉ có mình Thơ. Hỏi về ba thì Thơ không nói.Mọi người đoán đoán hình như ba Thơ theo bên kia..

Can im lặng nãy giờ, đi tới đi lui, lấy cái kính ra khỏi mắt, gỏ gỏ cái kính cận vào trán , buông một câu :

- Cuộc chiến tranh cứt đái này..

****

Anh nhớ ra rồi, vào cái buổi chiều hôm đó, và những chiều hôm sau, anh đứng trên balcon chờ nàng đi ngang qua, nhưng từ chiều đó, không thấy bóng dáng nàng, người con gái có cái tên hay hay, có cái vẻ bề ngoài mê hoặc anh, quyến rũ anh, bây giờ, nàng thở thành nạn nhân của cuộc chiến này, nạn nhân tình nguyện hay nạn nhân bị cưỡng bức, cũng vậy thôi. Tuổi trẻ của nàng đã bị đánh lừa, bị âm mưu đánh lừa, bị những cái nhân danh đánh lừa. Cả bạn bè của nàng, cả anh em của nàng, cả ba mẹ của nàng, đều đã bị đánh lừa, dù ở bên này, dù ở bên kia. Nàng có thấy điều đó hay không thấy điều đó, cũng vậy thôi, không chọn lựa khác được.. Cũng như Hoài và Nhân, cũng như bạn bè anh, không thể tự lơ lững một mình giữa khoảng không, phải rơi vào một cái hố, cái hố này hay cái hố kia. Và thế là đối đầu nhau, chỉa họng súng vào nhau, và hận thù nhau. Và đó là chiến tranh. Và đó là mục đích sau cùng của những học thuyết, của những chủ nghĩa.

Và cũng như Hoài và Nhân, như bạn bè anh, trong lạc loài và cô đơn cùng tận, trong đau xót và bất an triền miên, trong hiểm nguy bủa vây trùng trùng, réo gọi tên người yêu dấu như thứ bùa chú giải cứu, như một ân huệ

sau cùng, như lời khấn nguyện, dù biết rằng rồi ra chẳng còn gì, chẳng còn gì, tất cả, chẳng tồn tại.

Phải không Hương? Phải không Diễm ? Phải không Phước? Phải không Cúc Hoa? Phải không Ngọc ? Phải không chị Ngọc? Phải không Phù Dung ?
Và phải không,
Lý Minh Thơ!

LÊ NAM PHƯƠNG

(*Viết để tặng*
nhà văn Trần Hoài Thư,
nhà văn Phạm Văn Nhàn
nhà thơ Phạm Cao Hoàng)

PHẠM VĂN NHÀN

Một Chút gì để nhớ
(viết ngắn)

Buổi tối, dãy phố bên kia đường đèn sáng trưng. Những chiếc xe khách dừng lại bên nay cầu, những người đàn bà và con nít chạy đến mời mọc khách trên xe để bán những thứ mà họ đem tới. Một buổi tối như mọi buổi tối ồn ào cho tới khuya. Vũ nói với tôi như thế. Tôi ngồi uống trà với Vũ trước hiên nhà bên ngôi chùa cũ mà những ngày còn bé, Vũ sống trong ngôi chùa này. Ngôi chùa tôi đã đến thăm mỗi khi có dịp về thị trấn thăm em. Thăm chùa và thăm vị sư còn rất trẻ. Ông thích làm thơ, ngoài những giờ sớm chiều tụng kinh và gõ mõ.

Tôi thích cảnh u tịch trong ngôi chùa khi ngồi hàn huyên với ông bên tách trà nóng sau hậu liêu. Ngồi với ông, tôi quên đi những năm tháng buồn bã mà tôi đã dấn thân vào trong cuộc chiến này. Chẳng thấy có cường độ giảm. Mà ngày càng khốc liệt hơn.

Nhưng hôm nay, về lại đây, em đã ra đi. Chỉ còn lại Vũ, sống âm thầm, như một nhân chứng để nhìn lại khoảng thời gian đã qua. Để nhìn lại những thay đổi từ một thị trấn nhỏ ngày xưa mất an ninh, đường xá vẫn là những con đường cát nóng bỏng. Nhưng với tôi, thị trấn này vẫn là một nơi rất gần, và còn mãi trong trí nhớ những ngày qua. Bạn bè, em và ông sư.

Buổi chiều, Vũ hỏi tôi có ra biển không? Tôi nói có. Chị Vũ cười: một kỷ niệm khó quên phải không? Tôi rít mạnh hơi thuốc lá, nói với chị biển lúc nào cũng có trong tôi mà. Tôi biết, chị cười cười…nhìn tôi với Vũ đi về phía những

đồi cát. Biển không xa, chỉ qua vài đồi cát là gặp. Như ngày xưa, em thường rủ tôi ra ngồi dưới chân đồi cát, nhìn biển. Những con sóng vẫn đuổi nhau, ngày này qua ngày khác. Có những buổi sáng trời im, gió lặng, nước biển rút ra xa và những con dã tràng đang se cát dưới chân hai đứa. Em rượt đuổi và những dấu chân trần in trên cát như ngày nào trên bãi biển quê em. Đẹp lắm!

Sau đồi cát, một vài ngôi nhà Tây còn bỏ lại, một nơi nghỉ mát của những người dân trên phố thị xuống, những cây sứ trắng lâu năm, như những gốc cổ thụ cho hoa thơm ngát chung quanh. Những bông sứ thật dễ thương, màu trắng pha ít vàng, mà có hôm gió mạnh, tôi đưa em lên ngồi trong sân của khu nhà Tây này. Mùi hoa sứ thoang thoảng như mùi con gái ngày nào, lần đầu đưa em dạo chơi trên bãi biển Nha Trang, khi tôi có được vài ba ngày nghỉ, đến thăm khi em mới ra trường chọn về làm việc nơi thị trấn này. Em bảo, em sợ tiếng chân người và tiếng chó sủa. Những đêm có tiếng súng bắn nhau bên kia những ngọn đồi, Vũ thường nói với tôi, đêm nào chẳng thế. Chiến trận lớn thì không có, nhưng nhỏ thì lai rai, hai bên đều giành giựt.

Bóng đêm và nỗi sợ hãi trên từng gương mặt của mọi người. Còn tôi thì ở xa và quen rồi. Và cứ thế, giữ mối liên hệ quen em, hẹn hò nhưng vẫn giữ một khoảng cách im lặng trong suốt cuộc đời của tôi. Để rồi sự im lặng ấy cũng như những đồi cát mênh mông, những ghềnh đá nơi bãi biển, những gốc hoa sứ cằn cỗi trong khuông viên của những ngôi nhà Tây mà tôi và em hay ngồi. Sự im lặng của mỗi người cứ thế kéo dài cho đến tận hôm nay ra biển một mình với Vũ. Nước lớn. Gió lớn. Những con sóng bạc đầu cứ xô nhau đuổi vào bờ không làm chùng bước của em và những người đã đưa em đi. Và, em đã ra đi.

Anh đến và em đã đi xa rồi, như chiếc bóng ngày hôm nay anh đuổi mãi chắc không bao giờ bắt được. Bây giờ chỉ còn là kỷ niệm. Nuôi dưỡng nó phải không, tôi nói với Vũ. Nhiều khi tôi muốn quên đi để còn phải sống và tìm việc làm để sống. Và, lỗi tại ai? Vũ hỏi. Tôi chịu. Chờ đợi. Vâng, chờ đợi, biết đâu ngày nào đó gặp lại em, như trên bãi khuya, nơi bờ biển quê em ngày nào lang thang uống rượu trở về ngôi nhà trọ của người bạn ở đường Phan Đình Phùng hát nghêu ngao: *Nha Trang, ngày về, mình tôi trên bãi khuya*...Không, không phải trên bãi khuya mà còn trên những con đường khuya khác nữa, dưới ánh đèn vàng vọt có mấy người bạn cùng một màu áo lang thang, đá những lon bia của ai đó uống vất bừa bãi. Tiếng kêu leng keng khô khốc trên đường khuya, hay nằm ngủ dưới bóng những cây bàng trong khuông viên của viện Pastuer, nghe thời gian trôi qua trong đêm và tiếng sóng vỗ bên kia đường Duy Tân mà buồn ứa nước mắt. Bây giờ Vũ hỏi tôi, tại ai? Tôi nào biết. Có thể tại tôi không dám nói; vì nói ra sợ em tan biến như bọt biển, cho nên tôi im lặng suốt đời.

Cũng như hôm được về, đón chuyến xe đò trên đường về quê. Xe dừng lại dưới chân đèo, đón chuyến xe lam để vào thành phố. Hy vọng sẽ gặp lại em cũng trở về quê cũ. Nào ngờ, tất cả đã đổi thay. Bạn bè cũng ra đi, những con đường đã qua, vắng ngắt. Lang thang mãi chẳng gặp ai để hàn huyên, nhắc lại một thời đã qua, nó như một kỷ niệm. Dù, không là gì cả, chẳng ai vượt được thời gian qua để làm sống lại. Nhưng ít ra, nó vẫn còn đọng lại trong tâm của mỗi người một chút gì để nhớ, phải không. Như ngày nào, em nhớ khói thuốc lá tôi thường hay hút, bastos xanh. Em bảo, em ghiền khói thuốc ấy.

Tôi nói với Vũ điều ấy, như nhắc lại một hình ảnh đẹp . Vũ cười, lãng mạn đấy. Chị Vũ ngồi bên cạnh cũng cười và phụ họa: ít có cô nào nhớ khói thuốc lá của người mình

yêu. Tôi vội đính chính.
Bưng tách trà nóng áp vào hai bàn tay, nghe ấm áp vô cùng. Chị Vũ cười pha thêm nước sôi vào bình, hỏi: khi chiều ra biển anh nhớ gì không? Nhớ chứ chị. Một kỷ niệm đẹp mà, khó quên. Vừa nói, tôi vừa nhìn chị. Chị mập thêm ra và đẫy đà dù đã năm mặc con. Ba đứa ở bên trời Tây, cuộc sống ổn định khi tuổi về già không như ngày nào còn lận đận.

Tiếng ồn từ bên kia đường bắt đầu lắng xuống dần. Ngôi chùa cũ ẩn dưới vòm cây về khuya thật âm u. Ông sư ngày xưa đã tịch, Vũ còn giữ lại những bài thơ ông làm như một kỷ niệm mà tôi đã gặp, đã được đọc thơ ông. Một ông sư có tính nghệ sĩ. Biết buồn khi nhìn lá rơi. Và, biết vui khi thấy một đứa bé chào đời. Dù biết đời là khổ. Tôi trở lại đây, sư đã ra đi, em cũng ra đi. Sư ra đi không trở lại. Ông đã vào cõi vĩnh hằng. Có còn chăng là những bài thơ viết trên những trang giấy đã úa vàng . Còn em, thì ở xa vạn dặm. Với tôi, như nhìn về một phương trời xa nào đó, để tưởng nhớ mà thôi. Tôi nói hoài với Vũ như thế.

Trời về khuya, gió biển thổi qua những đồi cát hơi lạnh. Tôi bưng tách trà nóng trong đôi tay như để tìm chút hơi ấm, hỏi Vũ: bên kia đường, tôi nhớ ngày xưa đâu có nhà cửa nhiều như thế? Vũ kéo dài hơi thuốc lá: chỉ vài ba ngôi nhà tôn lánh cư. Phía sau những ngôi nhà đó là đồi cát, ông biết mà, quê tôi toàn cát với đồi. Đi sâu vào trong đó là rừng và núi. Con đường giao liên từ trên núi xuống. Ngày nào, đêm nào cũng có người ngã xuống. Hai bên đều cố giữ nó. Súng nổ. Như em từng nói với tôi, em sợ bóng đêm, tiếng chó sủa và chân người…

Vũ ngồi duỗi chân ra, thoãi mái: bây giờ tiếng súng đã im, người ta về cất nhà mở quán. Bỗng nhiên từ chân cầu đổ xuống thành nơi hội tụ cho những chiếc xe khách đường

dài chạy thâu đêm. Cuộc sống có đổi thay.
Nhưng, ngôi chùa cũ vẫn như ngày nào. Những ngôi nhà Tây trên đồi cát vẫn như ngày nào. Những gốc sứ cằn cỗi kia vẫn như ngày nào. Và, chỉ có tôi là thay đổi, già đi với thời gian. Đêm về khuya, tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá nghe càng rõ, một thứ âm thanh đều đều không ngắt quãng, nghe sao buồn quá đỗi đêm nay.

Nguyễn Lệ Uyên

VÒNG TRẮNG
truyện ngắn

Từ tấm bé, anh chưa bao giờ được ở trong căn phòng rộng rãi, tiện nghi như thế này. Chiếc giường đôi phủ tấm trải trắng tinh, phía dưới là chiếc nệm mút lò xo. Gối hoa đầu giường. Dưới đuôi tấm màn cuộn tròn như chiếc gối ôm. Anh để nguyên áo quần nằm lên. Nằm lên và nhún. Cảm giác êm ái như thể tấm thân anh là sinh vật bé nhỏ bám cánh diều chao lượn trên không. Nhún một hồi, anh nằm im, ngó qua phía hông vách tường. Chiếc tủ đứng bóng đến độ soi thấy cả bộ mặt đen sì của mình. Bộ bàn thấp có hai ghế đẩu hai bên với ấm chén, phích nước. Sát cạnh là chiếc ti vi đặt trên chiếc tủ con kèm theo máy điện thoại màu trắng. Ngó lên cao chút nữa, đụng trần là máy điều hoà nhỏ, thở êm như tiếng thở của vợ con anh trong giấc ngủ sâu. Anh nằm yên lắng nghe và nằm yên nhìn ngó. Anh mở miệng cười với riêng mình, nụ cười xếch ngược có những cọng râu lởm chởm bên trên móc

lên.

Đúng là từ trên trời rơi xuống. Cái mảnh giấy hoa từ trời rơi xuống đụng phải anh: báo cáo điển hình nông lâm kết hợp. Anh chả biết cái con mẹ gì về nông lâm kết hợp khi ông Khang cầm tờ giấy xoay tròn thành nhiều vòng trước mắt anh với niềm phấn kích: "Sướng nhở, chú được vi vu ăn chơi rồi, sướng nhở". "Giỡn hoài". "Thiệt chớ sao lại đi giỡn với chú? Người ta ghi tên mời chú hẳn hoi đây này?". Anh cầm tờ giấy ráp từng chữ, lầm nhẩm đánh vần rồi trả lại. "Không đi đâu cả, còn vườn cà phê chưa tưới", anh vung vẩy cây cào cỏ trong tay. "Cà phê cục kii…ít", ông Khang rít lên như con rắn lục ăn đêm. "Người ta mời thì cứ đi. Mất mát chi", vợ anh bưng rổ rau đi ra phía khạp nước vừa nói. Giọng nói thật tròn, rớt theo sau.

Trước chuyến đi một tuần, mấy anh quay phim mò về. Chiếc xe 4 bánh đen trùi trũi như con trâu mộng nhà ông Tổng đỗ xịch trước cổng đứng yên. Chiếc xe đứng tại chỗ bất động chứ không chồm lên lưng những con trâu khác, không rượt đuổi những con trâu khác suốt buổi. Bầy chó ùa ra sủa găng gắc và thụt lùi theo từng bước chân của bầy người bước tới. Mấy đứa con đứng khép bên cửa nhìn đám người vác những giá đỡ ba càng, giây nhợ, túi xách từ dốc ngược lên, sợ hãi.

Họ chào anh. Anh cũng gắng gượng nở nụ cười có những chiếc râu lởm chởm trên mép xách lên. Họ kêu chúng cháu là đoàn làm phim và hỏi anh đủ chuyện. Anh hụt hơi trả lời, lưỡi miệng líu quíu. Anh cảm thấy mình giống như thời khắc mấy chục năm trước, Ban quân quản gọi anh kê khai chuyện lính tráng, hỏi tại sao không vô bưng mà đi theo địch. Anh vừa nói vừa thở phì phì như trâu kéo cày giữa đồng nắng buổi trưa. Họ lại kêu anh đưa lên cánh rừng, giả bộ rong cành nhánh những cây keo lá tràm, xoài mít thiếu chút nữa phập luôn bàn tay trái; cầm cuốc xới xới mấy gốc cà phê; lại kêu đứng cạnh đàn bò

đàn dê, hốt nắm cám quăng xuống ao cá, lại quay về nhà đứng cạnh chuồng gà, bơm nước tắm heo trong khi vợ anh bưng thau thức ăn đổ vào máng. Những con heo béo nung núc vừa mới ăn xong giờ cứ đứng nghếch mõm ngó đám người ăn mặc sang trọng như muốn hỏi: các ông định đưa tụi tôi vào lò mổ ngay lập tức sao. Trong khi đó đám trẻ con đứng lỗ nhố dưới chân dốc nhóng cổ nhìn với lên, không dám xán lại gần.

Xong việc, vợ anh bưng lên mâm thu đủ chín. Mọi người vừa ăn vừa khen ngọt. Anh thanh niên như là cấp trên của bọn họ, người thấp lùn, giọng nói đớt đát, ăn xong miếng thu đủ, đứng dậy ra vườn ngó trời nhìn đất chán, chậm rãi bước tới gốc mít, đưa tay mân mê quả mít đang bốc mùi thơm như thể một thứ của lạ. Anh nhìn thấy và hiểu ra. Hiểu ra rồi xách rựa dựng sẵn ở góc phên chặt một lúc sáu trái đủ cho sáu người, khệ nệ bưng để bên hông xe. Anh cười hì hì, giọng cầu tài: "Chút quà lấy thảo, loại mít dừa lai nghệ thơm ngọt như đường phèn". Họ bắt tay nói cảm ơn chú và thêm: "Trưa mốt nhớ mở máy ra coi chú nhé!".

Chiếc xe nổ máy, lao xuống dốc thật nhanh chỉ kịp để lại vệt khói đen vất vưởng trên vạt cỏ bên đường. Tiễn bọn họ có tiếng gù gù của con cu cườm, tiếng lẹt chẹt bầy sáo nâu và tiếng chim chèo bẻo gióng từng tràng dài như tiếng phèng la. Tất cả những âm thanh ấy phát ra đâu đó trên những chỏm cây cao, không ai nhìn thấy.

Họ đi rồi mà anh chẳng hiểu ra làm sao, cho tới bữa thấy mình vung vẩy trên máy, đứng khép nép bên sân nhà, căn nhà ba gian vách phên tre mái lá như chực ngã bổ nhào trước màn hình, run run giơ cao chiếc rựa, vung nắm cám, đưa vòi nước qua lại trên lưng đàn heo…Anh không hiểu mình đang nói gì, làm gì chỉ thấy hình ảnh mình bay chập chờn trên mặt kính rồi tắt phụt, chuyển qua những đoạn khác, của người khác. Anh ngẩn ngơ muốn kéo níu lại lần nữa, nhưng tắt mất rồi, qua mất rồi. Mấy đứa con

anh xem hết đoạn phim kêu lên: cha thiệt ngộ, rồi bỏ chạy xuống đồi, chắc chúng lội suối mò cá mương, bắt cua đá. Nhanh thật, anh thầm nghĩ. Mới cách bảy tám năm thôi, ngọn đồi này còn um tùm lùm bụi, dây leo chằng chịt mà giờ đã thành khoảnh, đã có tiếng chân người khua động. Tiếc là con Mực không còn để nó vẫy đuôi cùng bọn trẻ chạy xuống suối, sục sạo trong rừng cây.

Ông Khang quần ống thấp ống cao, dựng chiếc xe đạp không phanh, hai bàn đạp là hai que sắt nhọn hoắc, bên cây đỏ trái mọc từng chùm từ sát mặt đất treo ngược lên giữa thân, hùng hục leo lên mấy bậc đá, mặt mũi đỏ gay, mồ hôi nhỏ thành giọt :

"Thấy không, tôi đã bảo rồi mà. Chú ăn nói được lắm. Lên hình đẹp lắm. Cả xứ này chỉ mỗi mình chú là được lên ti vi đấy thôi nhé! Ông chủ tịch, ông bí thư đừng hòng. Sướng nhở?

Anh ngó ông Khang, ông Khang ngó anh:

"Sao vậy?

Anh định nói "làm sao coi lại hình của mình chạy trên mặt kính ti vi", nhưng anh kịp dừng lại khi thấy ông Khang chìa tờ giấy ra.

Cầm tờ giấy trong tay, không mở, anh xoay qua trở lại. Ông chủ tịch nông dân xã có tên Khang nhổ phẹt bãi nước bọt xuống nền đất:

"Cái con mẹ nhà chú. Là được đi chơi xứ người, đi báo cáo điển hình. Có ai được ưu tiên như nhà chú không, hở?

Anh gãi đầu:

"Nhưng tôi có biết báo gì đâu. Ông để người khác đi đi.

Ông chủ tịch Khang phồng má:

"Chú ngu thế!

Anh chìa tờ giấy ra:

"Kệ, ngu chịu ngu, tôi chả biết viết sao, nói sao. Với lại cà phê đang kỳ tưới? Má cu Lít nói mùa này cà

phê mà trúng sẽ cho ông mượn để sửa lại cái nhà.

Ông chủ tịch điên tiết:

"Cái củ kee…ẹc, đ. cần, rồi chìa cuộn giấy trước mặt anh: Này, người ta viết sẵn cho chú rồi. In chữ bự chảng như trứng vịt nhà chú ấy. Từ nay tới ngày đi, bữa nào cũng lôi ra đọc, đọc vài ba bận để khỏi bể dĩa khi đứng trước cử toạ…Cả tỉnh chỉ mình chú biết không? Phải mang tiếng thơm về cho tỉnh, cho huyện, cho xã và cả hóc xó này, hiểu chưa? Chú mà không đi thì đừng hòng ở lại cái hội này. Lính tráng cái con mẹ gì chú. Chưa chi đã thụt cổ như rùa!

Ôi quan trọng vậy sao? Anh run lên. Thà đi chặt cây, vác đá từ núi cao coi bộ còn dễ chịu hơn cái bửng cầm tờ giấy đánh vần trước đám đông xa lạ. Xấu hổ chết. Học hành năm ba chữ, đủ để làm con tính cộng trừ tới số trăm, giờ kêu đứng trước đám đông đọc báo cáo. Chết mất. Chết mất thôi!

Lo lắng, bồn chồn chán rồi cũng nguội lạnh để giờ này anh nằm lăn trên tấm nệm trắng tinh, mát và ngột ngạt. Mùi thiu úng trong phòng khiến anh ngột ngạt. Bất giác bàn tay trái đụng phải chiếc giày còn dính dưới gót chân nứt nẻ. Anh cởi quai đưa lên tận mũi. Mùi thơm da thục xộc vào. Đôi giày mới nguyên. Đôi giày vợ anh hộc tốc cỡi xe ba chục cây số, xuống chợ thị trấn mua về khi nghe ông chủ tịch nông dân nói như ra lệnh "chú phải đi thôi". Lần đầu tiên sau hơn ba mươi năm mới lại có dịp xỏ chân vào đôi giày, anh cảm thấy vướng víu, như bị hành khổ. Giờ thì đôi giày cùng anh ở trong căn phòng sang trọng. Người nằm trên giường êm, giày thì dưới sàn lát gạch hoa. Nó có cảm thấy thoải mái như anh vừa phát hiện thứ mùi lạ kia không? Cả hai thật nhỏ bé. Nhỏ bé đến vô cùng.

Đến hơn ba mươi năm sau, anh lại vướng phải của tội nợ này, như lần đầu tiên anh bị xỏ chân vào đôi giày da mà đám bạn lính kêu "bốt đờ sô". Ba chục ký nào cơ số

đạn, quân trang, quân dụng thêm chiếc mũ sắt đến năm ký và cây súng tám ký còn nhẹ hơn cây cày vác vai. Nhưng đôi giày thì không thế. Nó như đôi cùm, riết lấy đôi bàn chân anh trai cày suốt tháng này qua năm khác, đôi bàn chân đã từng để trần dẫm nát những tảng đất trên đồng ruộng, làm cho mặt đất rên siết, run rẩy. Gót chân nứt của anh đã ấn không biết bao nhiêu dề đất nát nhão như cháo đang sôi ùng ục trong nồi.

Cái thời ấy đã xa quá là xa, nhưng mỗi khi chợt nhớ anh không khỏi phì cười: "lính tráng cái nước mẹ gì nhà chú" như ông Khang vẫn hay văng ra mỗi khi không hài lòng về anh trong những chuyện vụn vặt. Nước mẹ gì. Thật là không nước mẹ gì. Hai năm lính là hai năm giặt giũ, nấu cơm, bưng nước cho hết người này đến người khác. Ai nói sao, bảo sao anh cũng nghe theo. Nghe theo và lẳng lặng thi hành nhiệm vụ. Thằng sáu Trớt, binh nhất, dân Quảng Ngãi, hơn anh một cấp mỏng như tờ giấy vấn thuốc, còn hô: nghiêm, binh nhì ba Đọt chạy qua kia cầu mua ly cà phê đá cho qua coi. Anh đứng nghiêm chào và chạy vụt đi. Vậy đó, chỉ còn thiếu vo tròn cục giấy chùi đít cho binh Trớt là đủ. Anh phì cười, kêu lên: nhảm nhí.

Nhảm nhí thật. Cuối cùng đời lính của anh là ra đứng gát cầu. Cây cầu dài chừng sáu chục thước, bắc qua con rạch ken dày lục bình. Mới nhìn, nó như bao chiếc cầu khác, không có gì đặc biệt. Nhưng cấp trên thì bảo: Cậu mà gà gật để tụi Việt cộng đội lục bình đặt mìn phá sập cầu thì cậu bị xử bắn ngay tấp lự. Mẹ cức, sập một cầu chứ sập cả trăm cầu ông đây chẳng màng. Anh nói thầm cho riêng mình nghe và ôm súng bước tới, dựa vai cầu nhìn xuống: đến cá còn dính râu, vướng kỳ thì tía anh Việt cộng dám mò về? Anh lấy mũi súng gõ leng keng trên thành cầu. Tiếng leng keng nghe vang, dòn như tiếng lục lạc đeo cổ bò. Ừ nổ thì cứ nổ, ông cóc cần. Nó mà nổ tung thì ông về cày đồng, về mà ôm cái mông nung núc tròn lẳng của vợ. Sướng đời. Cưới nhau hơn tuần là đi. Chưa

mùi mẽ gì nhiều nhưng lúc nào anh cũng nhớ cái mông tròn. Nhiều đêm anh gối đầu lên ba lô mà cứ ngỡ như đang gối trên mông vợ, choàng tay xoa xoa đụng nhằm phải chiếc ca nhôm lạnh ngắt. Mở choàng mắt thấy mình đang nằm trong giao thông hào tối thui, dưới đũng quần hình như bầy cóc cọt vừa mới khạc nhổ bãi bọt nước lên đó…

Một ngày anh đứng gát ba tiếng, có khi hơn. Đó là lúc lũ bạn lính đổi phiên nhưng cố tình ngồi nán lại, lê la quán nước bên kia cầu, kêu thêm xị rượu, cà phê có cớ tán tỉnh cô chủ. Mấy bận anh cũng ra ngồi đó. Ngồi và nhìn hàm răng trắng, miệng cười tươi như bông mắc cỡ quấn quít bên bờ ruộng… để nhớ vợ, nhớ cái mùi chua chua nồng nồng từ nách vợ xông lên rồi lại xách súng quay về trại. Anh cuống cuồng trong nỗi nhớ thoi thóp ngăn cách giữa cây cầu sắt và những con rạch đan chéo nhau, những cánh đồng ngút mắt. Ước chi mà bỏ được cây súng, dẫm chân lên cánh đồng, cầm chui cày, hả họng ví thá đôi trâu. Nhưng con sông và những con rạch thì đang chắn ngang trước mặt, còn quê nhà thì xa tít mù xa.

Khói trên mặt sông la đà. Đám lục bình dập dềnh đang thở khói. Một vùng khói trắng buổi tinh mơ. Đàn cò đang chao lượn thành hình vòng cung phía cánh đồng lung trước mặt. Những đọt dừa nước màu xanh sậm dính vào mảng da trời lờ mờ buổi sáng sớm, vẽ thành đường viền mỏng dẹt tít tắp. Anh xách súng đứng lên, chưa kịp đặt chân lên mố cầu, chưa kịp chúc mũi súng gõ leng keng trên thành sắt để tưởng tượng đó là tiếng lục lạc trên cổ bầy bò, thì chiếc cầu bùng lên, hả họng khạc ra cột nước cao như cục đờm từ cổ họng phọt ra, xô anh ngã sấp trên đường sỏi ướt sương đêm. Đũng quần ướt nhẹp và mùi thúi trộn lẫn với khói đạn đè vít cả người anh dán sát mặt đất. Chừng mở được mắt, chỉ thấy hai bờ mênh mông những dề lục bình ngã nghiêng, rũ rợi. Hàm răng trắng, nụ cười tươi tắt phụt bờ bên kia, đàn cò hốt hoảng bay lên la

điếng, đường vòng cung gãy khúc, trời như sắp sập… Sau đó, cả mười một người trong tiểu đội gát cầu đụng lưng nhau trên nền đất lạnh, bốn bề là tường đá và hình như cả những vòng trong vòng ngoài kẽm gai quây tròn bên ngoài…

Đôi giày chết tiệt siết chặt đôi ống chân. Đếm ngày và đêm trong bóng tối, trong thứ mùi hôi thúi ám vào thịt da và nghĩ tới ngày bị mang ra khu đất trống. Đoành một phát, tim gan óc phổi khạc ra cục đờm trắng đỏ trộn lẫn. Anh rùng mình nghĩ tới ngày đó đến độ đầu óc đông cứng.

Những ngày bị giam giữ khiến anh như người mụ mị, nhưng hai bàn tay với mười ngón thô ráp của anh dân cày thuở trước bỗng dưng biến thành thứ chân của loài rít rừng như có phép lạ. Chúng đụng tới đâu da thịt dãn ra, các khớp xương dãn ra. Cả tiểu đội tù chìa lưng, chìa chân cho những chân rít kia bò bám. Họ rên lên với những cơn khoái cảm co giật liên hồi… Đám chân rít kia đã cứu anh và lần nữa lại đẩy anh xuống vực sâu. Đầu tiên là người lính đưa cơm, đến trung đội trưởng đến các sĩ quan chỉ huy. Anh như Thái thượng lão quân từ trời rơi xuống. Mười ngón tay của Thái thượng đã làm cho các bà cong rút người lại, đổ ập lên người anh và lần nữa đẩy anh xuống vực đen ngòm. Lại bóng tối, lại đá nhám và hơi đồng sắt. Phép lạ của những chân rít kia không đủ sức để hơi sắt bớt lạnh, để bóng tối bay đi…

Tiếng gõ cửa. Giấc mơ hồi tưởng khép lại giống như nút chai bị nhét chặt. Anh xỏ giày, mở cửa. Lọ hoa lung lay trên đôi tay thon muốt. Miệng cười với về phía anh. Đôi mắt cũng nở nụ cười rớt nghiêng lên mặt anh. Cô ta bước khẽ khàng, đặt lọ hoa lên bàn, gật đầu chào. Nụ cười khép lại sau cánh cửa khép rất nhẹ. Anh ngẩn ngơ nhìn tấm rèm màu mỡ gà, ngẩn ngơ nhìn cánh cửa liền khít với gờ tường. Bóng người thiếu phụ thướt tha vừa mới đó đã biến mất như thuở nhỏ nghe kể chuyện liêu trai.

Đúng là anh đang sống trong mơ. Vẫn nụ cười bên kia cầu. Vẫn cái dáng thon thả. Và hơn hết là cánh cửa khạc ra cục đờm trắng khi người thiếu phụ đã khuất phía sau, giống như mấy mươi năm trước chiếc cầu sắt đã khạc ra. Căn phòng kín bưng, chỉ có anh đang nằm trên giường và đôi giày dưới sàn.

oOo

Ông trưởng đoàn đẩy cửa bước vào trong khi anh vẫn nằm thõng chân xuống sàn nhà.

-Nhớ rừng và mông bò cái rồi hả

Câu hỏi giống chiếc cầu gãy. Khuôn mặt non choẹt ngó quanh. Bất giác những cọng râu kéo xệch nụ cười ngược lên khiến anh bật dậy.

-Ông đọc thuộc bản báo cáo chưa. Nhớ đừng có vấp váp, lộn tùng phèo nhá?- Nói và ông ta khép cửa.

Mẹ cha cái lão Khang, anh phì phì trong cổ họng không thành tiếng. Việc anh làm có nước mẹ gì đâu mà rùm beng lên thế này? Những dòng chữ nhảy múa trên tờ giấy trắng. Mở miệng đọc nó cứ sậm sựt như có chiếc lò xo móc hai môi lại với nhau. Anh quay ra oán trách ông chủ tịch nông dân xã, oán trách đám quay phim. Chớ chi không có lũ người đáng nguyền rủa kia thì giờ này anh đã gối đầu lên rễ cây trong bóng râm mát vườn rừng nhà, thở khói phì phèo, ngó những tia nắng xiên qua cành lá rung lợn cợn chói mắt, những tia nắng gãi lên người, vuốt ve lên má mũi anh. Rồi tối đến, chờ cho đứa con say giấc, anh lại đưa tay ra xoa xoa vào mông vợ, bồng vợ trên đôi tay khoẻ, bước nhẹ ra sạp tre dưới gốc cây đỏ…Ba Đọt thở dài, hất cuộn giấy nằm lăn bên hông như người bạn bỏ quên lâu ngày, anh lim lim mắt, lơ mơ với bức tường trắng toát trước mặt.

Từ ngày cây cầu bay lên. Mười ngón tay thành chân rít rừng thì cuộc đời anh cũng thay đổi. Hai năm làm binh nhất không mất đi chất cày đồng. Tám tháng cải tạo càng thôi thúc anh quay về với chuôi cày. Chuôi cày

không rên lên như các bà phu nhân, nhưng mặt đất thì rên lên bởi anh nhào xới liên tục, không kịp thở. Thẻo ruộng nhỏ vừa gặt xong lại thấy đậu lún phún. Hết đậu đến bắp, đến lúa quay mòng mòng. Đất mỏi mệt mà sức trai như anh thì không thể dừng. Thẻo đất nhỏ gục đầu lạy anh. Còn anh thì chắp tay vái mấy vái và vĩnh biệt những hòn đất trắng hếu, vĩnh biệt ông trưởng thôn tháng nào cũng gọi anh lên trình diện hỏi anh cộng tác với CIA bao nhiêu lần, đốt nhà dân bao nhiêu bận, hãm hiếp bao nhiêu phụ nữ, trẻ em. Lần đầu anh són đái cả quần. Những bận sau cũng bao nhiêu câu hỏi đó anh chợt hiểu ông ta chỉ kiếm cớ nhờ anh đốn bụi tre, cuốc rõng đất, kéo nước tưới vườn cây không mất tiền công. Anh vái và nhổ nước bọt, xách rựa đi qua hết ngọn núi này đến quả đồi khác. Com Mực lốc thốc chạy theo, lưỡi thè dài như cái nhún vai lắc đầu của người thân trước một thằng người điên. Chiếc rựa rên lên dưới mười ngón tay thằng điên. Ngọn đồi cũng rên lên. Anh lại nhào xới, lật tung từng tảng đất nâu. Mặt đất nâu rung rung như cái giật nẩy thịt da cô gái, sau này là vợ kế bị những chân rít chạm phải. Ba Đọt cuồng lên. Đất sôi ùng ục… Cánh rừng lúp xúp bị anh vạt trắng đến cả thú ăn đêm, cóc nhái sâu bọ cũng đâm oán. Sau đó quả đồi mênh mông phủ kín cơn cuồng bằng những cây đậu cây bắp nằm khép bên tán keo, xoài mít…Cơn khát đất và khát cây chẳng mấy chốc hóc xó mịt mù xa cũng có những cặp mắt ngó tới. Con Mực thôi thè chiếc lưỡi dài có đốm đen mà sủa vang động cả cánh rừng khiến đàn chim hoảng sợ bay lên, la quang quác. Những bàn chân vạch lá tìm lối đi. Lối đi bằng sợi chỉ nhỏ lâu thét thành lối mòn rộng. Đám nậu nguồn xuất hiện. Có già có trẻ. Có nam có nữ. Họ đổ xuống nền đất những gạo mắm muối. Họ cõng đi những trái mít trái xoài và đàn gà sinh sôi nhanh như đám mối bìa rừng. Lối mòn lớn dần khiến lòng anh trống hoang hoác, khiến anh nhớ không nguôi chiếc mông tròn ngún nguẩy và mùi chua nồng từ nách vợ đã vĩnh viễn bay lên

trời cao. Đó là ngày mà tất cả mọi người đều hoảng loạn, kéo nhau chạy, bỏ cả nhà cửa ruộng vườn mà chạy. Những dây người đu bám trên xe. Đoàn người gồng gánh trèo đèo lội suối mà chạy. Phản xạ dây chuyền kéo vợ anh lao theo bầy người lúc nhúc đó. Mấy chục người bấu trên chiếc sõng nan vượt ra cửa biển. Vợ anh lao lên. Cửa biển như miệng con mãng xà há rộng mồm và nuốt chửng mọi người. Vợ anh trôi đâu đó trên chiếc lưỡi dài đỏ hoét màu máu, chìm lút trong bụng con mãng xà. Ngày ra trại, anh chèo chiếc sõng nhỏ căng mắt tìm kiếm dưới đáy sông, nhưng dân phường chài nói: họ chìm nghỉm và bay đi rồi. Chắc vợ anh cũng đưa tay ra bấu vào chiếc cầu sắt để bay lên, anh nghĩ vậy và thôi không bơi sõng tìm kiếm nữa. Nhưng sau đó thì đụn lên thành nỗi hoài nhớ khắc khoải đêm ngày trong anh. Cơn cuồng khát đất, khát cây giờ thành thứ cuồng khát hơi hám phụ nữ. Nhưng trong đám người vạch lối thành lối mòn không có ai có chiếc mông tròn như vợ anh, không ai có hàm răng trắng và nụ cười tươi như cô hàng nước bên kia con rạch nhỏ! Con Mực bây giờ đã già lắm rồi, tiếng sủa không còn trong như tiếng lục lạc đeo cổ bò khua rổn rảng. Những âm thanh xa gần, lúc đầy vun cao thành ngọn, lúc lưng như khạp gạo nhô đáy vồng lên trống trơn khiến anh vừa hân hoan chờ đón vừa cảm thấy đau xé bóp thắt ruột gan. Bốn bề núi non với con sông nhỏ vắt qua, với tiếng côn trùng muôn thú về đêm, tiếng chim muông ban ngày như những chiếc chĩa ba nhọn hoắc xuyên qua ngực. Anh chới với. Ba Đọt đã quên mất cả họ chới với. Con chó già ngước mắt nhìn anh, nhìn lối mòn toang hoác kia lõm những vết lăn!

Đôi mắt đục mờ của con Mực không lâu sau đó khép lại. Vĩnh viễn khép lại. Ba Đọt hoá thành người cô độc giữa cánh rừng mênh mông. Còn vết lăn thì sâu thêm, rộng thêm ra như một thứ định mệnh được báo trước.

Đó là một buổi sáng tháng Mười. Đang ngồi trên

ngạch cửa vót những sợi mây mảnh, anh bổng nghe tiếng bước chân khẽ khàng đặt trên nền đất trước căn chòi lệch về một phía. Chiếc rựa trên tay anh rụng xuống. Nền đất ngay chỗ anh ngồi bổng rung oằn khiến tay chân anh cũng rung theo. Người phụ nữ đứng trước mặt anh, chiếc gùi đè nặng trên lưng khiến ngực cô ta nhô cao, nhọn hơn, mông vồng lên như sắp thành vò đất nung. Cô gái cúi xuống đặt chiếc gùi lên hiên thềm. Một chút da trắng trên ngực lộ ra. Đôi vú phập phồng. Anh như sắp nổ tung lên trời cao như ngày nào chiếc cầu sắt bay lên.

Cô gái mở nụ cười chào anh, hỏi mua những thứ anh có và bán lại những thứ anh cần. Những gói bột ngọt, can rượu, nước mắm… nhập nhoàng trước mắt lộ vùng ngực màu trắng, đôi vú nhô cao trong cái nhìn cuống cuồng của anh. Mặt trời tháng Mười chìm lấp trong đám mây dày mà sao anh cảm thấy như có những tia nắng xiên qua người, nắmg lướt qua đỉnh đầu. Người anh nóng rực.

Cô gái lại nở nụ cười đúng thời khắc lùm mây đen tuôn tràn những giọt nước từ trời cao, ầm ầm như thác đổ. Mưa dầm dề. Mưa từ sáng tới trưa không tạnh. Nước trắng xoá trên lối mòn dẫn lên đồi. Nước gầm réo ở đoạn cong vắt qua trước mặt nhà. Mái tranh oằn cong đưa mặt hứng từng mảng nước dày đổ ập xuống. Nước bắn tung toé trên sân đất. Nước níu những cành cây cong sát gốc, chôn chân hai người trong căn lều trống hoác.

Mưa tiếp tục giam hai người bên bếp lửa. Nồi cơm sôi ùng ục. Cô lật vung, cầm đũa sơ. Anh thẫn thờ cời mớ than đỏ. Cô nhắc nồi cơm vần lên đống than. Anh lóng ngóng bưng xoong cá suối kho cả tuần đặt lên ba ông táo ám đen. Cô vói tay cho thêm củi. Tiếng nổ lách tách. Lửa đỏ đít nồi. Trái tim anh dường như cũng bắt đầu đỏ lên. Anh cảm thấy mùi da thịt đàn bà đang bay tới, từ từ, rất gần.

Mưa không dứt. Trời tối dần. Lại vào bếp. Trái tim anh sắp nổ ra, còn cô thì điềm nhiên đứng dựa phên

cáo nhìn mưa, nhìn con sông nhỏ dưới chân đồi nước ngập mênh mông, thì thào:

"Không xong rồi.

"Không xong rồi – Anh thẫn thờ lặp lại, vô thức.

Nước đụn lên, cao vồng, lấp lửng chân dốc. Ngọn đèn chao qua lại mấy bận rồi tắt ngấm. Ba Đọt trở vô mò tìm hộp quẹt. Bàn tay mát rợi níu lại: không cần. Tiếng nói thoát ra như hơi thở nhẹ khiến anh sững sờ, bối rối. Bàn tay anh ấp lên. Giờ đến lượt anh run bắn, chứ không phải thẻo ruộng nhỏ, quả đồi đã từng run bần bật dưới bàn tay anh. Căn chòi nhỏ rên từng cơn trong đêm mưa. Những vạt tre mò o cũng rên lên. Tiếng rên của đất trời, của căn chòi và vạt tre móc hai người lại với nhau thành vợ thành chồng. Thật bất ngờ và đơn giản.

Ba Đọt vừa mới đọc hết hai chữ "kính thưa", lưỡi bắt đầu líu lại, mắt hoa lên, mồ hôi nhỏ giọt như khởi đầu của những hột mưa dông đầu hè. Anh nhắm mắt, lắc lắc đầu, định thần lại: mẹ cha, mình không ngán chiếc cầu bay lên, không ngán óc phọt ra, không ngán tiếng "đoành" chờ đợi suốt mấy tháng trời… sao lại sợ những dòng chữ cứ nhảy múa như lũ người điên nhảy choi choi trên sân khấu, miệng gào rống thế kia? Anh nhắm mắt, lắc đầu lần nữa, như thể cái lắc đầu của con cọp sau giấc ngủ và ném phạch cuộn giấy trên mặt bục gỗ, bụng bảo dạ "không xong rồi". Chợt anh nhớ đến vợ, nhớ bộ ngực trắng, hai núm vú đỏ và nhỏ như quả cau chín; nhớ chiếc mông tròn. Ba Đọt e hèm:

-Kính thưa… tôi là ba Đọt, Trần Đọt, quê quán… giờ ở xứ mà dân trong vùng kêu hóc Bà Tó…- Ba Đọt miên man kể lể tông tích, kể lể công việc làm từ tấm bé cho đến tận bây giờ - "…những rừng cây, đàn bò dê, gà vịt, ao cá… hàng năm kiếm khá bộn tiền. Được vậy là nhờ vợ tôi. Má thằng cu Lít có cái đầu, nghĩ ra nhiều chuyện lạ. Còn tôi có tay chân mạnh như ông Ầm(1), không chịu

nghỉ yên. Nghỉ một chút lại thấy ngứa ngáy, cái đầu vợ sai cái tay, cái tay bắt cái chân chồng phải bước tới. Ngồi yên một chỗ không chịu thấu, giờ thành ra vậy. Với lại hồi đó mà ông trưởng thôn không hành khổ thì giờ này chưa chắc tôi ở cái hóc xó kia. Có tiền rồi, đỡ cực. Định bụng xây cái nhà, mua ti vi, kéo điện lên. Nhưng dòm lại thấy nhà hàng xóm túng thiếu kêu vợ cho bà con mượn, bày cho cách làm như tôi đã làm. Nhiều người làm được, nhưng cũng có vài người thất bại, tôi kêu vợ đưa tiếp, vì có làm ra tiền mới trả được nợ cho mình chớ… Mọi người kêu vợ chồng tôi nhân từ. Tôi có biết mẹ gì nhân từ. Thấy họ khổ như hồi xưa tôi khổ thì giúp, chớ nhìn họ lội trong bùn sình coi sao đặng… Kính thưa, dạ tôi có sao nói vậy. Tôi không muốn đi, nhưng ông Khang cứ bắt tôi phải đi, không đi thì ổng doạ đuổi tôi ra khỏi hội nông dân… Thưa, tôi kể tới đây là hết. Ba Đọt xin chào…"

Tiếng vỗ tay rào rào không dứt, mỗi lúc một to, dài như đoạn đường từ nơi hội trường này về tới ngọn đồi đang ở. Anh thấy loáng thoáng những bó hoa bước lên, ấn vào tay anh. Anh choàng tay ôm hết những bó hoa trước ngực. Màu sắc sặc sỡ làm anh hoa mắt, bối rối. Lần thứ hai anh bối rối sau cái ngày mưa dầm xối xả. Ba Đọt bước xuống chỗ ngồi với những tràng vỗ tay với kéo anh về phía họ.

Suốt cả đêm, tai anh chỉ nghe tràn tiếng vỗ tay, mắt anh toàn thấy những cánh hoa rực rỡ. Những ly rượu chúc tụng nhau buổi chiều, khiến đầu óc anh quay cuồng, cả thân người như cánh hoa sao xoay tròn xuống thấp rồi lại bay ngược trở lên, chao lượn chập chờn quanh ngọn đồi cây có con sông nhỏ vắt ngang qua.

Nửa khuya, cổ họng khô rát, anh bật dậy kéo bình trà pha sẵn từ trưa hôm qua, kê vòi tu một hơi dài. Cơn khát hạ xuống, nhưng người thì nóng ran. Anh cởi áo quần vào phòng tắm, nước nóng phun xuống làm anh giật thót người, né qua một bên đứng nhìn vòi nước chảy rào rào.

Anh lại lầm bầm trách cái lão Khang chết tiệc. Mấy trăm cọc tiêu và mẫu cà phê đang kỳ tưới. Chúng cũng đang nóng, khát khô cành lá. Ba Đọt không tài nào ngủ lại được. Anh thao thức và nhớ vườn đồi, nhớ đàn bò, nhớ con Bĩnh, con Quạp sắp đẻ nay mai, nhớ cả chiếc mông của vợ, trái cau chín đỏ, sạp tre mò o bên gốc cây đỏ và những ánh sao lấp loá trong tàn cây dòm xuống chỗ hai người… Anh miên man nhớ về chốn xa, như thể căn phòng này là nơi giam hãm anh suốt đời.

Dòng sông vắt qua như một vòng trắng loá trong tâm trí. Cả cơn mưa và dòng sông đùn lên cao, thật cao.

---

(1) Ông Ẩm: một trong những lá của bộ bài chòi nam Trung bộ. Dân quê hay gọi ông Ẩm để chỉ cho người đàn ông thô kệch, có sức mạnh nhưng kém thông minh.

(Gửi Nhuận Lê, Huế, tháng 5.2008)

ĐVH

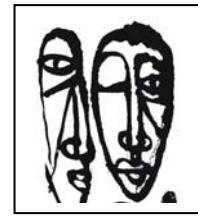

THƠ

Cái Trọng Ty
Dương Quân
Phan Ni Tấn (ND)
Đạm Thạch

Cái Trọng Ty

Em, một bóng bên trời

bởi tình tụ tán từ muôn kiếp
trăng nửa phần trôi phương lênh đênh
chiều quanh bếp muộn thềm thôn vắng
cuộc rượu đêm tàn vỡ chén xưa
Lương Sơn xa lắc đồi rỉ máu
ta ngựa cuồng quay quắt chiến trường xưa
đồng đội cũ đâu lưng từ nỗi chết
suy gẫm đời chung thân thế phiêu du

biển gầm
núi hú
quân tàn rã
lịch sử sang sông
bão tố tràn
ráng chiều đỏ quạch
trăng tận tuyệt
thời biển dâu
cung kiếm bóng chiều sương

về đây ngồi ngóng triền sông cũ
chợt thấm vô cùng thương tích xưa

tháng tư bẻ súng
chàng tự sát
buổi oan khiên tận khốc bạt ngàn lau
bờ bãi vắng chút tình chôn đáy nguyệt
thôn chơ vơ lầm lũi bến đời xa
chiều trở rét môi hôn nào sưởi ấm
môi hôn say thoáng động bóng chiều mưa
xưa gặp anh bên cầu Phan Rí cửa
áo trận mệt nhoài
giạt từ Tuy Phong đến
tâm u sầu vô vọng đêm về đâu
vạt nắng đường sâu
chiều liêu xiêu đổ
hồn đi hoang đồng thiếp
trượt bến sông
đạn pháo cuộc cờ
bên bờ tuyệt lộ
cõi điêu linh
vũng xoáy tận cùng suy
thế rồi lực tàn
cuối trời gãy kiếm
thân xác xơ

trận chết
cùng đường
quân về xuôi
mù mịt chốn phương nam
mịt mùng chiến trận
mây lửa mông mênh
sống chênh vênh
biển dựng sóng phù hư
một mùa trăng vỡ
cuộc tình long đong
một thời tan tác rũ
anh xa mồ vô chủ xương tàn dần
em hiu quạnh
bãi đời xuôi hóa động
tình rêu rong
lạnh cháy tuổi tràn xuân

tháng tư bẻ súng
chàng phiêu giạt
rời Sông Pha cùng đơn vị bơ vơ
chinh chiến tràn qua
bạc tóc tuổi chưa già
nước mất rừng mưa
ngậm ngùi quê quán cũ
giòng sông Lâu đá tạc vết chàm sâu
tuyến trận điêu ngoa
thân xưa làm lính
rừng âm u vần vũ tiếng quân xa
khuya Mương Mán
đường qua ga hiu hắt
đơn vị tàn sông núi cũng xác xơ
đêm xa phòng tuyến đêm khuất lấp
chiều xuống rừng mây chiều lất lây
kiếp lận đận thân sâu đành nuốt hận
nghe giông xa

não nuột ngóng chân trời
tháng tư đêm đen
đồi chiêm rực lửa
trời sông Lâu trôi cuối mùa xuân
khổ nạn chập chùng
bèo trôi vạn hướng
ngày lê thê đòi đoạn liếp từng mây
về qua bên sông
gió trầm luân se sắt
gió chiều xoay
đời lính trận rách bươm

em trồng một đoá hoa trên đá
vỡ nát tàn phai một cuộc tình
ngày ấy bên sông tàn nắng mật
chiều vàng rớt lại giọt thiên thu

em nay nghìn dặm
thân lữ thứ
chợt tháng tư đen
nhớ đến người
hồn anh lính cũ
nghe qua gió
bàng bạc bên trời
Phan Rí xưa

Cái Trọng Ty (Texas)

Dương Quân

GÁNH TRẦU MỸ-HỘI

Thương nhớ gởi về quê Mỹ-Hội
Dòng đời thắm thoát bấy nhiêu năm
Bao mùa mưa nắng bao thay đổi
Mà bóng người xưa vẫn bặt tăm.

***

Thuở xưa Mỹ-Hội êm đềm quá
Cây trái sum suê đủ bốn mùa
Phước Lý về ngang Thành Tuy Hạ
Nhà em ở dưới rặng cau thưa.

Nhà em có Mẹ già gầy yếu
Ba mất từ khi em biết đi
Mẹ bán thúng trầu lưng buổi chợ
Nuôi em khôn lớn tuổi xuân thì.

Ngày ấy anh về thăm Mỹ-Hội
Qua phà Cát Lái ghé Long Tân
Tìm em trưa nắng tan phiên chợ
Thăm Mẹ thăm em đã mấy lần.

Con gái miệt vườn, không trang điểm
Nhưng em rất đẹp, tánh ngoan hiền
Má hồng, mắt biếc, làn môi đỏ
Giúp Mẹ gánh trầu buổi chợ phiên.

Anh trai tỉnh lỵ ra trường lớn
Ăn học, làm quen nếp thị thành
Hai đứa cùng nhau chung ước hẹn
Chờ anh đi kiếm chút công danh.

Mỗi bận trở về thăm xóm cũ
Ra vườn gom hái lá trầu vàng
Trầu cau chung gánh - chung duyên nợ
Đủ nghĩa cho tình ta chứa chan.

Gặp nhau rồi lại xa nhau nữa
Căn dặn đừng quên sớm trở về
Em đứng bên bờ sông Cát Lái
Nhìn theo như níu bóng người đi.

Chiếc phà tách bến, dòng sông rộng
Nước xoáy lao chao đám lục bình
Run rẩy những chồi hoa tím tím
Thương em bịn rịn bước không đành.

Công danh đeo đuổi chi mà khổ
Đã lỡ bon chen chốn lụy phiền
Chưa kịp đến ngày tin Mẹ mất
Gánh trầu giờ trĩu nặng vai em.

Anh về lần ấy, hay lần cuối
Ngồi kế bên em xếp liễn trầu
Chợt thấy bàn tay gầy guộc quá
Lần đầu xao xuyến nụ hôn nhau.

Anh đốt trầm hương xin khấn Mẹ
Sau này được kết nghĩa trăm năm
Em làm nội trợ, nuôi con nhỏ
Thôi gánh trầu, thôi những nhọc nhằn.

Rồi buổi quê hương tàn cuộc chiến
Anh xa thành phố, sống trên rừng
Mười năm dày dạn cùng sương gió
Ai hẹn ngày về giữa gió sương?

Mỹ-Hội cũng thay từng cảnh sống
Chợ phiên cần gạo, chẳng mua trầu
Cau khô, trầu héo, buồn trong thúng
Vườn cũ thưa dần những bóng cau.

Em có khi nào qua Cát Lái
Bến phà đứng đợi một bên bờ
Nước sông cuồn cuộn xuôi dòng nhớ
Những mảng lục bình theo sóng đưa?

Như mảng lục bình trong nước xoáy
Không về trở lại bến sông xưa
Dòng đời xô dạt anh xa mãi
Mà bóng người thương chẳng nhạt mờ.

***

Biết có ai về quê Mỹ-Hội
Nhắn dùm người cũ mấy lời thăm
Giờ thân viễn xứ còn trôi nổi
Xin hiểu lòng nhau - tạ lỗi lầm.

PHAN NI TẤN (N.D)

Quê núi

tặng người cùng quê

trèo lên đỉnh dốc, đời sẽ thấy
một rừng. một núi. một quê hương
thảng thốt kêu bầy, chim ông lão
than già như cây cội tà dương

quê ngồi dưới gốc buồn thiu thít
cây tre còn trẻ đã phong trần
lá bay theo gió mười phương thổi
tản mạn như người buổi chiến tranh

bùi ngùi quê khóc không thành tiếng
đất đỏ tràn đi khắp nẻo đường
nắng bụi mờ trời, mưa lầy đất
con chó còi nhai miếng thảm thương

gió chướng thổi qua cầu Mười Bốn
cầu già như một bộ xương khô
trăng soi lạnh cả vùng sông nước
mạn ngược xuồng ai cố chống vô

hoa cà phê đắng, hương nồng, ngất
rỉa rúc vào tim thấm lịm hồn
ruộng rẫy khuya về rêm tiếng suối
mõ ốc cầm canh rợn cô thôn

thấp thoáng gì trong màu quê cũ
mà câu đồng thiếp quá ghê người
bão đời kéo lê qua bão mắt
ngằn ngặt lệ sâu cơn khóc ai

quê khóc giùm anh hùng mạc vận
mùa mưa gục ngã ngoài chiến trường
mảnh hồn tan tác bay về núi
sống lẩn vào trong nỗi tiếc thương

quê xót giùm thân người con gái
tháng Ba chết duối ở bên đàng
chiều rơi một trái hoàng hôn tím
tím mộ em vùi nông – Phước An

quê tiếc giùm trăm con tình lỡ
bàn tay cách trở mối tơ hồng
này năm ba tấm u hờn mỏng
vất vưởng trôi về đâu trống không

hường rơi một nhánh trong câu hát
nở trên môi nhỏ đỏ trái tim
lấp lánh trôi dài theo nhịp phách
rồi lạc về đâu mù bóng chim

trầm hương một đóa xanh hồn nhớ
tóc thả huyền thơm sang nhà ai
rồi cũng úa em trong hoài niệm
trầm bay, hương đành chịu phôi phai

mòn tay cố níu ân tình cũ
mù bay con yến tới xa xăm
thủy xa, phượng cũng thay màu áo
hiu hắt lòng tôi bóng nguyệt nằm

đi qua đường cũ, thăm nhà cũ
rêu phong lỡ lói liếm hoen tường
hoang phế nổi lên mùi ẩm mốc
lòng ngăn giọt lệ nuốt vào trong

đi qua đường cũ, thăm trường cũ
cây đa trời đánh chết, không còn
lối nào dẫn xuống khu Thiết Giáp
ai dắt giùm lên núi Châu Sơn

đi vô rừng rú, thăm mùa cũ
đào hư một gốc kỷ niệm xanh
tập thơ mối đùn cao nấm đất
đau hoài trang giấy khóc thất thanh

trèo lên cây sấu, cây cơm nguội
hái xuống ăn cùng trái gió sương
nhìn lung trên nẻo đời bay bụi
kẻ còn, người mất, đứa tha hương

khóc mùi một trận đi, quê núi
vuốt ngực trôi xuôi những nỗi niềm
trả hết về xưa cho gió xóa
để hồn ươm vạt nắng vàng im

trèo lên đỉnh dốc
đời sẽ thấy
một rừng
một núi
một quê hương...

Đạm Thạch

BÃI VÔ ĐỊNH

đất xa, bờ cỏ lạ
người về tràn hư vô
lớp sóng phế hưng soi nhật nguyệt
thôi đành vậy, về cứ về

đã bao năm lũi đũi
gió bạt rừng ngàn
chiếc cuốc gio nặng trĩu kiếp người

lời nói xốc nghe mà im ỉm

kìa những ai số phận
áo bao cát giờ đựng mớ thịt bầy nhầy
còn những gì để nhớ
nuôi âm thầm chịu đựng

bụng cồn cào con mắt nhìn gần gũi
thả hồn mộng không thấy tới trăm năm
mệt lã muốn buông hết
buông mà hồn vẫn vịn.

căn cứ gì mà suy với tư
nằm trong rổ đựng đủ thứ
xốc lên giãy giụa nằm im
phận bèo chao sóng rồi im sửng.

còn ai ngoài cỏi động
hút lên theo con trốt
xoay một vòng nhân sinh
tả tơi rơi xuống dật dờ.

ngoài cũng như trong
im ỉm
nuốt ực oan khiên
hớp của trời đày đọa
rách nát ý nghĩ
cũng chỉ nuốt ngày về
về đâu?

thì cứ về
bãi vô định.

TRUYỆN DÀI

LTS: **Những tháng năm cuồng nộ** *của Khuất Đẩu là một truyện dài, cũng có thể là hồi ức chỉ được phổ biến rất giới hạn dưới dạng bản thảo. Dù chỉ khoảng 200 trang, nhưng nó chứa cả một sức nặng khủng khiếp. Khủng khiếp về lịch sử và khủng khiếp về thân phận con người VN trong thời chiến và sau khi có hòa bình!*

Với một lối hành văn trầm tĩnh và già dặn, tác giả đã dẫn chúng ta theo cuộc hành trình một nhân vật, qua những lò nướng của lịch sử.

Nói như NG~: Nhân vật tôi ấy bú chó mà lớn lên. Lớn lên và làm người. Làm người và chứng kiến trọn vẹn cảnh đời cách mệnh: những mưu mô toan tính, những trận đấu tố đến tan cửa nát nhà, những cuộc tình bi thảm. Các nhân vật cứ tuần tự lăn lộn, trôi trong dòng thác cách mệnh, xô đẩy tới chỗ tận cùng của kiếp người bèo bọt!

Dưới đây là 3 chương đầu trong số 18 chương sách chúng tôi xin trích đăng để giới thiệu cùng bạn đọc về tác phẩm ***rất khó tìm này.***

Khuất Đẩu

NHỮNG THÁNG NĂM CUỒNG NỘ

1.

Người đã sinh ra tôi nhưng không dám nhận tôi là con chắc vẫn muốn cho tôi được sống. Bởi vì, mặc dù thả tôi xuống sông, nhưng bà vẫn cẩn thận đặt tôi vào lòng một chiếc nắp bầu có trét dầu rái và đắp lên ngực tôi một chiếc yếm mà mãi sau này tôi vẫn còn nghe phảng phất mùi mồ hôi.

Dòng sông đưa tôi đi vô tình như bao lần đưa những xác súc vật mà người ta vẫn thường ném xuống đó. Nếu hôm đó không có người đàn bà đang đãi cát tìm hến và không có một cơn gió nhẹ bất chợt thổi qua mặt sông, đưa cái nắp bầu tấp vào chân bà, thì không biết số phận của tôi trôi nổi đến bờ bãi nào và liệu tôi còn có đủ cơ may để sống sót ở đời hay không!

Cô Sáu nói, lúc đầu tao hoảng hồn tưởng là ma da, định bỏ chạy lên bờ, nhưng nhìn kỹ thấy mặt mày tím ngắt, tao vội vàng mang cái nắp bầu chạy thẳng vào lều. Tao giựt đại một tấm tranh đốt lửa để sưởi ấm cho mày. May quá, nhà có con chó mới đẻ, tao nhét thử cái vú nó vào miệng mày, trời ơi, mày bú ngon lành!

Để đủ sữa cho tôi bú, bà phải đem sáu con chó chưa kịp mở mắt bán cho một ông lão bị bệnh lao. Người ta liền tộng chúng vào ruột nghé thả vào nồi, ninh mãi cho đến khi xương thịt biến thành một thứ nước sền sệt, giúp ông lão ngặt nghẹo sống thêm được vài tháng.

Như vậy, cô Sáu nói, con chó đó cũng như mẹ của mày. Ừ thì là mẹ của tôi, hay đúng hơn nó coi tôi như con của nó. Ngoài việc phải nằm phơi bụng ra cho tôi bú, nó còn dọn sạch cả cứt đái do tôi thải ra. Nó thường đưa cái lưỡi dài liếm láp khắp mặt mũi mình mẩy tôi. Nhờ vậy tôi trùi trũi lớn lên không bị ghẻ chóc đầy mình như những đứa con nhà nghèo khác.

Cái ngã ba sông vắng lặng và buồn hiu bỗng trở nên ồn ào khi tôi được đồn thổi là chó đẻ ra người, hay tệ hơn là người lấy chó đẻ ra tôi! Không ngày nào là không có người đến xem, và mặc dù chẳng ai dám tới gần vì con chó cái canh giữ tôi quá cẩn thận, nhưng khi ra về ai cũng bảo đích thị con chó ấy đã đẻ ra tôi.

Khi cô Sáu đem tôi xuống chùa Thiên An xin bán cho Phật để lũ ma da ở ngã ba sông không dìm chết tôi, người khắp nơi kéo đến xem còn đông hơn cả đi lễ rằm tháng bảy. Mặc cho con chó nhe hàm răng trắng nhỡn ra gầm gừ hăm doạ, người ta vẫn cứ vạch đít tôi ra xem có cái đuôi như đuôi chó hay không. Người ta còn kéo cả chim vừa cười vừa bảo là giống hệt c… chó!

Cho dù tôi có do người hay chó đẻ ra, ngài hoà thượng vẫn xem tôi là một sinh linh bé bỏng cần được Đức Phật chở che, nên ngài đã nhẹ nhàng bọc quanh tôi một tấm vải vàng, vừa niệm Phật vừa luồn tôi vào giữa bụng đại hồng chung, bảo đệ tử nện đúng mười hai chày đến nỗi lúc nào tôi cũng nghe như có tiếng chuông ngân nga trong đầu!

Vì đã vắt hết sữa cho tôi bú nên con chó teo tóp không còn đủ sức đẻ đái gì nữa. Nó thành bạn suốt ngày chơi đùa với tôi. Nó thường rít lên những tiếng ư ử, sủa hắc hắc rồi vụt chạy cho tôi đuổi theo. Khi tôi đuổi kịp, nó liền nằm lăn ra đất cho tôi nằm đè lên. Nó rối rít đưa cái lưỡi liếm khắp mặt tôi như thể tôi vừa đi đâu xa mới về. Mệt lả, tôi và nó cùng nằm lăn ra ngủ cho đến khi cô Sáu đem tôi xuống sông tắm rửa. Khi ấy nó vẫn chưa thôi cơn

đùa giỡn. Nó bơi tít sang bờ bên kia đứng chóc mỏ lên mà sủa. Rồi nó lại lộn qua đuổi theo cô Sáu, chạy quắn quít khắp nhà. Cô Sáu phải nện một cán chổi vào lưng, nó mới chịu nằm yên.

Một hôm, tôi và nó cùng chơi và cùng ngủ cạnh nhau như thế, thằng thủ ngữ Đực bên kia sông đã lén quẳng dây thòng lọng vào cổ nó lôi đi. Khi cô Sáu tôi tìm được thằng khốn nạn thì con chó tội nghiệp của tôi chỉ còn lại cái đầu đang bị nó gặm nham nhở!

Cô Sáu, người đã cứu vớt tôi khỏi cái chết của một đứa bé vừa mới sinh đã bị đem thả trôi sông, người đã nuôi nấng dạy bảo nhiều khi đánh mắng tôi, người mà tôi thiết tha muốn gọi mẹ nhưng cô vẫn không cho. Cô nói, tao chưa có chồng sao lại có con được. Mày cứ gọi tao bằng cô, khi nào tìm được người đã đẻ ra mày thì hãy gọi mẹ. Đâu phải bạ ai cũng gọi là mẹ được. Nhưng biết đến bao giờ! Cứ như lời cô phỏng đoán thì mẹ tôi phải là người ở thôn An Đông chứ không đâu xa lạ. Nếu ở xa thì khi vớt được nắp bầu là tôi đã chết cóng từ lâu rồi. Và cũng chỉ có ở An Đông chuyên nghề làm cốm mới có những chiếc nắp bầu trét dầu rái để tránh nước mưa và giữ cốm cho dòn. Tôi đã đi khắp An Đông, chui vào các lò cốm, để mặc cho người ta đùa cợt sờ nắn, nhưng vẫn không biết ai là người đã đẻ ra mình. Mà dẫu cho có ai đó thì cũng không chắc đã đủ can đảm để nói với tôi rằng, ta chính là mẹ của con để cho tôi được sung sướng gục đầu vào lòng mà khóc gọi Mẹ!

Tuy cô Sáu không cho tôi gọi mẹ, nhưng lòng tôi lúc nào cũng thầm gọi cô là Mẹ. Mẹ Sáu, Mẹ Sáu ơi! Tôi gọi thế khi tôi ốm đau, khi tôi tuyệt vọng. Người cô thấp nhỏ, đen, một con mắt gần như bị chột vì một cành tre đâm phải. Tôi không biết cô bao nhiêu tuổi, nhưng trông cái dáng người khô đét như trái mướp khô, cái miệng lúc nào cũng nhai trầu bỏm bẻm, cô đúng là bà ngoại và tôi là đứa

cháu nhỏ.

Nhà cô, thực ra là cái chòi ráchcủa cô, nằm ở địa đầu thôn Trung Lương. Đó là một doi đất mà những cơn lụt mỗi năm tràn qua đã cuốn hết đất màu, chỉ còn trơ lại cát gọi là đồng cây Sanh. Gọi là đồng nhưng chẳng có một cọng lúa hay cây bắp nào, chỉ lơ thơ một vài cây sậy lúc nào cũng nghiêng ngả trong gió như những người say rượu. Vào mùa nắng, những cơn gió nam đuổi bắt nhau trên bãi tung cát lên cao, uốn lượn một hồi rồi trút cả xuống thôn Trung Lương. Cát trên mái nhà, trong buồng ngủ, trong mâm cơm, cát nhiều đến nỗi cả một xóm đầu thôn phải bỏ đi nơi khác, chỉ còn lại mỗi một chùa Thiên An phơi mình ra chịu trận.

Đồng Cây Sanh mỗi năm một phình to ra và cái ngã ba sông càng ngày càng hoang vắng hơn. Nhưng mùa mưa tới, chỉ trong một vài ngày mưa mù trời là cả cánh đồng mênh mông như biển. Cô cháu tôi phải đem nhau vào trú trong mả Thập Miên. Đây là những ngôi mộ cổ nằm san sát bên nhau như những con trâu được ai đó lùa lên gò để tránh lụt. Cô cháu tôi mỗi người chui vào một nhà mồ thấp lè tè, che gió bằng một tấm tranh rồi nằm cuộn tròn trong đó suốt đêm như một con cuốn chiếu. Bên ngoài, gió rít lên the thé, sục sạo từng ngôi mộ như đang lùng kiếm lũ quỷ không đầu cũng đang lẫn trốn đâu đó.

Cô Sáu nói, mấy mươi năm trước dân các làng nổi lên làm giặc. Họ là những người đàn ông trong tay chỉ có mỗi một cây rựa nên gọi là giặc Rựa. Họ cắt phăng búi tó, rùng rùng kéo nhau lên phủ xin giảm xâu giảm thuế. Quan phủ hoảng sợ phải đóng cửa thành. Họ liền tràn vào các vùng phụ cận, gặp ai để búi tó là đè ra cắt phập. Họ tung hoành đến cả tháng. Mãi đến khi quan công sứ cho lính Pháp hợp cùng với lính tập vây bắt suốt mấy ngày mới dẹp được yên. Bọn họ bị triều đình khép tội làm giặc và những ai ở ba làng An Định, An Đông và Trung Lương đều bị đem chém ở đồng Cây Sanh. Đầu của họ bị đem bêu trên

những cái cọc cắm ven đường, còn xác thì đem chôn ở bãi cát. Chỉ một mùa lụt là bao nhiêu cái xác không đầu đều bị nước cuốn trôi, xương trắng lăn lóc khắp cả cánh đồng, vung vãi tận các khu vườn ở thôn Trung Lương. Hoà thượng chùa Thiên An cho các sư sãi đi thu nhặt, gom thành một đống lớn hoả thiêu rồi lập đàn giải oan. Mặc dù nhà chùa đã tụng kinh siêu độ đến bảy ngày, nhưng nỗi oan to lớn quá nên những con ma không đầu không thể nào siêu thoát được. Chúng biến thành quỷ cứ rền rĩ khóc than mãi. Trời nắng chúng quay cuồng thành cơn trốt, trời mưa chúng biến thành những đám ma trơi lập loè. Một đôi khi chúng biến thành người cùng đi với khách bộ hành, cũng hỏi han chuyện trò đến khi nhìn mặt mới biết là không có đầu!

Nhưng, vẫn theo lời cô Sáu, những con ma đã biến thành quỷ ấy tuy đáng sợ thật, nhưng những con quỷ sống mới đáng sợ hơn. Đó là những bọn ăn mày chúa. Chúng tụ tập thành bầy đến vài mươi đứa, tôn một thằng lên làm chúa. Ngoài việc ăn mặc lôi thôi rách rưới đã đành, chúng còn bó vào chân nào đầu tôm ruột cá để ruồi nhặng bám theo vo ve như đàn sáo. Thằng chúa nằm nghễu nghệnh trên một cái võng rách để cho hai thằng mù khiêng đi xiên xẹo, hai bên lại có hai cái lọng bằng nón cời do hai thằng thọt cầm. Việc đầu tiên khi vào được nhà ai là chúng tìm cách chọc cho chó cắn. Chỉ cần một con chó hung hăng ngu dại nào đó đớp một phát vào một đứa trong bọn là y như rằng bọn chúng trúng lớn. Cả lũ tức thì nằm lăn ra đất, vật vã kêu gào như đang bị ai thiến. Chúng nằm đó suốt ngày, hết khạc nhổ đến ỉa đái, cho đến khi chủ nhà chịu hết xiết, phải đem gạo thịt tiền bạc ra van xin hết lời chúng mới chịu đi cho!

Vì vậy, khi nghe tụi ăn mày chúa kéo tới đầu làng, nhà nào cũng vội vàng nhốt chó, đóng chặt cửa, thập thò nhìn ra như trốn giặc. Những nhà giàu phải đem gạo tiền ra tống tiễn để chúng đi qua làng khác. Cả đám hương

lý cũng phải xén bớt quỹ làng, ngọt ngào năn nỉ nếu không chúng tới nằm vạ trước đình làm ô uế đến cả thánh thần. Ngã ba sông là nơi chúng ưa thích dừng chân. Từ đây, chúng đi tới các làng ven sông mà không bỏ sót một làng nào. Chiều tối chúng kéo nhau về bãi cát tháo bỏ những thứ dơ dáy hôi hám, tắm táp kỳ cọ rồi tươi tỉnh ăn uống no say. Chẳng đứa nào câm. Cũng chẳng thằng nào chột, thằng nào què. Đứa nào cũng mạnh khoẻ béo tốt. Thằng ăn mày chúa lại có cả vợ hầu, cơm rượu xong lại rửng mỡ rúc rích suốt đêm. Có lần chúng đem gạo thịt tới cho cô Sáu nhưng cô không thèm nhận. Cô bảo thà chết đói chứ không bao giờ đụng vào của bất nhân.

Cô Sáu kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện như thế, nhưng không hề nói cho tôi biết một chút gì về gốc gác của cô. Cô bảo, tao cũng là đồ trôi sông lạc chợ như mày, có hơn gì đâu mà nói. Ngay cả tên cô nghe cũng rất lạ đời, đàn bà ai lại đặt tên Chơi. Nhưng cô cười bảo tao ham chơi quá, người ta chửi mãi lâu ngày thành tên. Nói vậy chứ cô là người rất chăm làm. Sống bằng nghề đi mót, đánh tranh giũ rạ thì chơi thế nào được. Có điều cô làm những việc tẳn mẳn buồn bã ấy một cách rất nhẹ nhàng vui vẻ, làm mà cứ như chơi vậy.

Thường thì bọn đi mót vừa đông vừa gian không thua gì bọn ăn mày chúa. Họ lấy cớ đi mót để rút trộm lúa, bẻ trộm bắp, nên chủ ruộng nào cũng đem theo một cây roi dài để thả sức mà quất lên lưng lên nón. Cô Sáu tôi không muốn bị đánh như đánh chó. Đợi cho lúa được bó xong gánh hết về nhà và cả bọn cướp cạn kia bỏ đi, cô cháu tôi mới xuống ruộng gom hết những hạt thóc rơi trước khi lũ vịt chạy đồng kéo tới. Chúng tôi cũng quét cả lúa rụng trên đường đi mặc dù có lẫn cả đất và phân trâu bò. Nhưng có hề gì, sau đó cô tôi đem hết ra sông đãi, chỉ trong chốc lát là có cả một mớ lúa vàng. Mót như thế thì chẳng ai thèm tranh với cô cháu tôi ngoài một vài con chim sẻ, chim cu thỉnh thoảng sà xuống đớp vài hạt. Mùa mưa nước ngập

đồng thì chúng tôi lại kiếm khá hơn vì bọn đi mót giả bộ kia không chịu được ướt át lạnh lẽo. Chúng tôi nhiều khi được thợ gặt chừa lại cho cả một vạt lúa ngập trong bùn.

Những lúc không có gì để mót, cô tôi đi giũ rạ đánh tranh để người ta lợp nhà. Cô tỉ mẩn dùng liềm gạt những hạt thóc còn sót lại trong rạ trước khi giũ cho rơm bung ra, chỉ để lại những cọng rạ thẳng và cứng. Sau đó cô dùng những chiếc hom tre và với cách thức trong nghề, cô đan thành những tấm tranh rất đẹp. Tiền công cho mỗi tấm tranh chẳng được bao nhiêu, nhưng cô được rất nhiều lúa. Tuy gạo có mùi dầu hơi nhưng vẫn đủ ăn quanh năm.

Sau mỗi mùa lụt, bãi cát ở ngã ba sông rất nhiều hến. Cô đem rổ thưa cứ việc xúc đầy cát rồi để nước cuốn đi, chỉ chừa lại những con hến vừa ngọt vừa béo mà ai cũng thích. Chính trong một lần như thế cô đã cứu sống tôi.

Cô Sáu tôi như thế đó, rất bần hàn cơ cực, nhưng ngoài con chó cái một thời vừa là mẹ vừa là bạn của tôi, thì chính cô là người đàn bà từ tâm mà phước đức lắm tôi mới gặp được trong đời.

2.

Chúng tôi cứ sống nghèo khó nhưng yên lành như thế cho đến một hôm chết khiếp vì sợ.

Hôm ấy là một buổi xế trưa, trời không có gió nên rất nóng. Cô tôi vừa tắm từ dưới sông lên đang phơi áo trên mấy cây sậy. Bỗng nghe đất cát kêu rào rào, chỉ trong chớp mắt đã thấy hai sĩ quan Nhật, kiếm dài sát đất đang đứng lù lù trước mặt. Một người nữa mặc áo Tàu, hai tay bị trói quặt ra sau lưng. Cô tôi vội núp sau mấy cây sậy, còn tôi thì túm lấy ống quần của cô che mặt.

Một sĩ quan liền rút kiếm nghe đánh soạt chỉ thẳng vào cô tôi, ậm oẹ một tràng tiếng gì đó như quát tháo. Cô tôi chắp hai tay sụp xuống đất: "Lạy các quan tha cho chúng con!". Tôi cũng bị cô kéo ngã chưa kịp khóc theo, đã nghe lơ lớ:" Nó piếu nị lôi thỉ cho nó coi lớ!". Cô tôi liền giật phăng tôi ra khỏi quần, lội ào xuống sông mặc cho tôi khóc thét lên vì sợ. Hai sĩ quan Nhật liền đẩy người Tàu ngã chúi về phía trước. Qua tới bờ bên kia họ tra gươm vào vỏ, nghe cũng ớn lạnh như lúc họ rút ra. Ơn trời, cô tôi không bị chém lại còn được cho một đồng bạc. Đó là lần duy nhất chúng tôi thấy quân Nhật và cũng là lần đầu chúng tôi có một đồng *bạc gánh dưa*.

Sau khi hoàn hồn, cô tôi lấy chiếc yếm của người mẹ đã từng đắp lên ngực tôi, cẩn thận gói đồng bạc rồi đem lót dưới cái gối rơm của tôi. Cô dứ dứ ngón tay vào trán để đe tôi không được lấy cắp. Cô cười bảo, để mai mốt cưới vợ cho mày!

Liền sau đó cái tin ông Bang Tèng bị Nhật bắt được bàn tán ồn ào ở cái xóm Miễu bên kia sông. Người ta bảo Nhật nó sẽ tẩm dầu lên người ông ta rồi đốt để ông ta chạy coi chơi vì cái tội quyên tiền giúp Tàu đánh Nhật. Nó đã từng mổ bụng con ngựa bị chết ra, nhét người đàn bà dám lấy mạt cưa trộn cám bán cho ngựa nó ăn. Thì bây giờ cái chuyện thiêu sống hay mổ bụng đâu có khó khăn gì. Người ta nói tới Nhật như nói tới một hung thần dữ dội chưa hề tha chết cho ai bao giờ. Vậy mà cô tôi đã khỏi chết lại còn được cho tiền. Quả thật là may! Cô tôi đâu biết được rằng chỉ ít năm sau, cái việc "lội thỉ cho nó coi" lại là một cái tội đáng bị đem ra xử bắn. Đó là tội làm tay sai cho Nhật!

Ít lâu sau ngày ông Bang Tèng bị bắt thì nghe tin Nhật đầu hàng Đồng Minh. Mà nghe đâu mình cũng là Đồng Minh nên coi như mình cũng thắng. Có điều thắng nhưng chẳng vui chút nào vì có cả triệu người chết đói!

Cậu Khánh, con trai ông tổng Bá đang học tú tài ở

Hà Nội phải bỏ học mà về. Cậu nói, không có chỗ nào chịu nấu cơm cho học trò. Ngay cả chủ nhà cậu trọ học cũng chỉ ăn mỗi ngày một bữa, mà phải đợi đêm khuya mới dám ăn. Mỗi người chỉ có mỗi chén cơm ăn với muối. Ăn thầm trong bóng tối kín kẽ đến nỗi không dám nhai, chỉ trợn trạo rồi nuốt. Phố xá đóng chặt cửa cả ngày lẫn đêm. Người chết vì đói và lạnh nằm chất đống dưới mái hiên, chân tay co quắp bấu vào nhau gỡ không ra. Phải đến trưa xe chở xác mới đem đi hết. Rồi hôm sau lại có cả hàng chục bộ xương nằm ôm nhau chặt cứng. Càng lúc càng nhiều hơn, những người không ra người…sau khi đã ăn hết cả cóc nhái, chuột bọ lếch thếch kéo lên thành phố để chực chờ chút cháo lá đa. Có lần cậu vô ý ném một cái vỏ chuối xuống đường, lập tức có hàng chục người tranh nhau, kẻ được liền trợn mắt nuốt chửng! Người ta đói đến nỗi ăn cả lá cây, ăn cỏ như trâu bò. Nghe nói có chỗ ăn cả thịt người, cha ăn luôn cả thịt con vì không ăn nó cũng chết!

Nghe những chuyện như thế cô Sáu tôi thở dài. Cô nói, tao có chết thì cũng được đi, chỉ tội cho mày đã bị thả trôi sông giờ lại còn phải chết đói nữa. Làm ma đói khổ lắm, lúc nào cũng vất vưởng trên bờ cây ngọn cỏ, đói khát thì làm sao đầu thai cho được! Nhưng ông phó Ba lại nói, ở xứ mình chẳng ai chết đói đâu mà lo. Nhật nó đâu có bắt cắt lúa để trồng đay cho nó. Lúa trong Nam nhiều như cát, Tây nó phải đốt bớt để xe lửa chạy kia.

Từ khi thấy hàng ngàn người chết vì đói, cậu Khánh cho rằng sự giàu có no đủ của mình là một cái tội. Cậu đòi đem phần ruộng của mình cho hết những người nghèo. Cả nhà ông tổng Bá đều cho rằng cậu học quá hoá điên. Lúc này, hai tiếng cộng sản được người ta nói tới mà không cần phải ngó trước nhìn sau. Có người hỏi cộng sản là cộng làm sao? Ông phó Ba liền nói là cọng các bà vợ lại. Đàn ông cười khoái trá còn đàn bà thì nguýt háy. Ông Khứ bảo đồ phù thủy biết gì mà nói, coi chừng bị cắt mất

lưỡi bây giờ. Ông Khứ một thời mơ làm kép hát nên đã đi theo gánh bài chòi của ông bầu Kiên. Nhưng ông phó Ba nói, chỉ có tiếng *"dạ"* là nghe được nên chỉ có mỗi một việc nai lưng ra gánh đồ và làm quân sĩ chạy hiệu mà thôi.

Cô cháu tôi là hai kẻ cùng đinh, như người ta thường nói là không có nổi một cục đất ném chó ỉa. Cái chòi của chúng tôi chỉ che tạm trên đất Trung Lương chứ chẳng phải dân làng ấy. Mà cả hai làng An Định, An Đông cũng chẳng làng nào chịu nhận chúng tôi làm dân. Nếu chỉ một thân một mình, cô Sáu chẳng cần gì phải làm dân làng nào cả. Cô cứ việc đi mót, đánh tranh giũ rạ và đi đãi hến cho đến già. Chẳng ai bắt cô phải đóng một đồng thuế đinh nào. Nhưng từ khi có tôi, cô không muốn tôi lang thang trôi dạt như bọn ăn mày. Cô nói, mày phải có sổ đinh thôi, nếu không lớn lên quan sẽ bắt tội đi đày. Rồi cô lật cái gối của tôi ra lấy đồng *bạc gánh dưa*, đặt lên cái đĩa xin ông lý trưởng cho tôi được làm dân làng An Định. Thấy đồng bạc, ông lý trưởng cười bảo của thằng Nhựt cho phải không? Cô tôi dạ. Ông lý trưởng lại hỏi nó tên gì? Cô nói, ai cũng biết là tôi lượm được nó trên sông nên đặt tên là Xí Được. Ông lý trưởng lại cười, nói: Được thì nghe được rồi, thêm xí làm gì cho nó xấu. Họ Lê hả? vậy thì để trong sổ nó là Lê Văn Được. Cô tôi mừng quá rối rít dạ dạ.

Vậy là tôi có tên tuổi đàng hoàng và một trong ba cái làng ở ngã ba sông là làng An Định đã thành quê quán của tôi.

Đó là một làng nhỏ như bao nhiêu làng khác nằm ven sông với một hương lộ chạy qua những vạt đất thổ, vừa là con đường nối các làng vừa là con đê ngăn nước trong mùa lụt. Làng có ba xóm: thượng, trung, hạ, ngăn cách bởi các gò đầy mồ mả và những đường luồng quanh năm nồng nặc mùi phân trâu bò. Mọi nhà trong làng đều lợp tranh chỉ mỗi nhà ông chánh nhạc lợp ngói mới đỏ tươi. Vì làng quay mặt về hướng nam nên lúc nào cũng thấy tháp Bánh Ít nổi bật lên nền trời như hai búp măng

khổng lồ nhô lên khỏi mặt đất.

Ông phó Ba nói, đây là đất của Hời, tháp của nó còn nhiều hơn chùa của mình. Ai cũng tưởng nó giấu vàng trong đó nên đục đẽo đập phá gần hết. Đâu biết rằng vàng của nó là vàng sống, hễ thấy người mình là trốn biệt. Trong vườn nhà bà phó Lý đêm nào vàng chẳng đi ăn sáng rực cả vườn nhưng dễ gì mà tìm được. Ông phó Lý lấy cớ trồng chuối đào nát cả vườn, đào tới đào lui cả năm cũng chỉ được có mấy trái cau, nhưng khi đem vào nhà coi lại chỉ là đất nung đen cháy như sành. Đó là chưa kể ông ta bị ma Hời làm cho cái bụng trương lên như trống cái, thiếu chút nữa là toi mạng.

Thầy giáo Hiên thì nói đây là đất anh hùng. Anh em nhà Tây Sơn tuy phát tích ở An Khê nhưng lập nên nghiệp đế ở Qui Nhơn tức là thành Đồ Bàn. Quân của anh em Nguyễn Nhạc đóng ở phía bên kia sông ngày nào chẳng lội sang làng mình. Cái gò Na trên kia là nơi ngày đêm họ diễn tập, voi ngựa của họ đứng chật cả đường.

Ông đồ Ngân lại bảo đây là đất học. Làng nào chẳng có tú tài, cử nhân. Làng mình có ông cử Vân, làng Yên Thới có ông nghè Nhã. Không phải đất học như An Đông thì dù có đi thi hàng chục lần cũng chẳng có ai đậu nổi cái tú tài.

Như thế số phận đã đưa đẩy tôi được làm dân của một làng cũng khá tiếng tăm nhưng nghèo. Dân làng quanh năm chỉ sống với hai mùa lúa nên cất được một cái nhà là phải hết cả một đời người. Chỉ có ông chánh nhạc chưa đến một năm đã xây được nhà ngói, nào cửa kiếng nào gạch bông cứ như nhà Tây. Trước kia ông nhàng nhàng, không nghèo mà cũng chẳng giàu. Nghe đâu một lần đi xe lửa ngồi cạnh một thằng Tây đi phát lương, không hiểu sao nó lấy nhầm cặp của ông để lại một cái cặp đầy tiền. Ông vội vàng xuống một ga nào đó đi ngược vào tận Nha Trang, Sài Gòn. Đợi mãi cả năm không thấy đông tĩnh gì mới dám về làng. Rồi cũng đợi tới lúc Nhật đảo

chánh mới dám tậu ruộng xây nhà. Vì đã từng giữ chức trông coi lễ nhạc của làng, nên ông bỏ tiền ra mua đào kép lập nên gánh hát bài chòi Thanh Bình Ban. Ông là bầu Kiên nhưng người làng vẫn quen gọi ông là Chánh nhạc. Nhờ cái vận may đó ông trở thành nhà giàu, nhưng cũng chỉ là giàu mới nổi. Nhà ông tổng Bá mới thực là giàu từ trong bụng mẹ giàu ra. Nhà tuy lợp tranh nhưng là nhà lá mái to rộng và kiên cố hơn cả đình làng. Những hàng cột gỗ lim bóng lộn, những vỉ kèo chạm trổ công phu, phải cả vạn tấm tranh mới lợp đủ. Người ta nói vào trong nhà ấy mùa hè thì mát lịm, mùa đông ấm cứ như nằm trong chăn. Kể về vai vế chức tước thì ông tổng Bá ăn đứt. Một đằng thì dưới tay có đến cả chục lý trưởng, một đằng thì chỉ có mấy cái cò nhị ỉ eo. Nhưng nhờ có cái nhà ngói sang như Tây, có gánh hát bài chòi bề thế nên ông bầu Kiên được mọi người nể trọng và ưa thích hơn.

Cô Sáu tôi một đôi lần gặp họ đều lễ phép thưa thầy Chánh, thầy Tổng nhưng vẫn coi khinh là trọc phú. Chỉ có ông cử Vân dù chưa được gặp lần nào vẫn được cô nói tới với tất cả ngưỡng mộ và lòng kính trọng.

Ông cử Vân trước đây nhà rất nghèo. Mấy lần vào trường thi Bình Định chỉ lo làm bài thuê. Nhiều tay thơ phú chẳng ra gì nhưng nhờ ông mà thi đậu ra làm quan. Còn ông thì cứ rớt mãi. Sau ông cụ biết được đòi chết ông mới chịu làm bài cho mình và đậu thứ mười hai là thứ áp chót. Và cũng vì nghèo, trầy trật mãi ông mới được một chức quan nhỏ ở một huyện nghèo nhất của tỉnh Quảng Ngãi. Nhiều người vừa cười vừa kể lại rằng, dân ở đó mỗi người đi tết cho ông đến cả một cặp gà hay cặp vịt. Ông bảo nhiều quá không nhận. Nhưng khi mở ra xem thấy đó chỉ là hai cái trứng vịt hay trứng gà lộn, ông cũng đành phải cười mà nhận. Ông làm quan được vài năm, bổng lộc chẳng được bao nhiêu lại phải ra vào luồn cúi nên ông từ quan về nhà. Nghèo vẫn hoàn nghèo. May mà phía vợ nhà ông vì mê cái chữ của ông nên chia cho vài mẫu ruộng. Từ

đó mọi việc trong nhà đều do một tay bà vợ đảm đang quán xuyến. Ông chỉ có mỗi một việc đọc sách, ngâm thơ.

Có lẽ câu chuyện một thằng bé bị thả trôi sông nhờ sữa chó lớn lên đã đến tai ông. Một hôm ông bước vào căn lều của cô tôi, kêu tôi lại săm soi mặt mũi rồi bảo cô ráng cho tôi đi học sau khi đã cho tôi một đồng bạc. Tôi vẫn còn nhớ mãi cái hình dáng mỏng manh của ông bước đi liêu xiêu với chòm râu dài tới ngực. Nhờ có ông, nên mấy ngày sau đó, tôi cũng được đi học như những đứa con nhà khá giả.

Ngày đầu tiên, cô Sáu xin bà phó Lý mấy tàu lá chuối hơ lửa rọc thành xấp như giấy, lại cắt một nửa cây đũa mun vót nhọn để làm bút. Cô cõng tôi qua sông mặc dù nước cạn tôi có thể lội qua được. Cả lớp nhao nhao đón tôi bằng tiếng gọi mà thường ngày chúng vẫn réo khi gặp tôi: A, thằng *Chó Đẻ*! Thầy giáo phải gõ thước lên bàn bốp bốp như giày đinh của Nhật tụi nó mới chịu im cho. Thầy kêu anh trưởng tràng đưa tôi vào lớp cho ngồi bên cạnh. Cô tôi đứng ngoài cửa chắp tay vái thầy mấy lần để cảm ơn.

Thầy là con trai một của ông đồ Ngân dạy một lúc đến những ba lớp. Lớp Tư, lớp Năm và nhỏ nhất là lớp Đồng Ấu. Lớp học là nhà đông của đình làng An Định. Học trò có đứa phải cõng đến trường như tôi, có đứa lớn sồ mặt đầy mụn và lang ben. Thực ra thầy chỉ phải dạy những anh lớp Tư, các anh lại dạy lớp Năm và lớp Năm thì dạy bọn Đồng Ấu mới vào.

Anh Cọng được lệnh thầy kẻ hàng rào trên lá chuối cho tôi kẻ theo. Chỉ một việc đơn giản như thế nhưng hôm ấy tôi run đến nỗi làm rách đến mấy miếng lá. Mồ hôi tứa ra trên tay tôi trơn như thoa mỡ, ngực tôi đánh trống liên hồi tưởng chừng anh Cọng cũng có thể nghe được. Vất vả một lúc tôi cũng kẻ được nhưng xiên xẹo chẳng ra làm sao. Khi tiếng trống tan trường vừa dứt, cả lớp đã vây lấy tôi. Có đứa giật phăng cuốn lá trên tay, có

đứa kéo tuột quần tôi xuống, chúng làm đủ mọi trò như thể tôi là một con vật lạ hay là một món đồ chơi ngộ nghĩnh.

Mặc dù vậy, tôi vẫn thích được đi học. Chỉ vài ba hôm là tôi đã kể được ngay ngắn, nhưng tập đọc là cả một cực hình. Dường như có một cục đá cứ chẹn lấy cổ họng tôi không cho giọng đọc thoát ra. Gay go nhất là đọc chữ U. Môi miệng tôi cứ chúm cả lại. Đỏ cả mặt, chảy cả nước mũi, khó khăn lắm tôi mới khạc ra được một tiếng như tiếng ho. Cả lớp lăn ra cười. Thầy bảo về nhà phải tập ngậm sạn mà hét cho cái lưỡi nó mềm ra mới hết được cái tật cà lăm ngọng nghịu.

Nhiều đứa khác học hành dễ dàng hơn nhưng lại thích ở nhà đi bắt ốc mò cua, thích đi chăn trâu chăn bò, thích lang thang bờ kia bụi nọ chứ không chịu ngồi tù túng chỉ để kẻ những cái hàng rào chẳng biết để làm gì. Cha mẹ cố sức cho đi học nhưng chúng vẫn cứ trốn. Cứ cách một vài hôm lại có đứa không chịu tới trường, thầy phải cho cả lớp đi bắt về.

Các anh lớn vênh váo đi trước với cái bội đựng mạ và đòn gánh thật dài. Lũ bé con chúng tôi hò reo chạy theo. Chó trong làng được dịp thi nhau sủa. Những đứa trốn học thường là lớn tuổi không đời nào chịu để cho bị bắt. Chỉ nghe chó sủa là đã nhảy xuống sông hay leo tuốt lên cây cau. Cả bọn đứng dưới gốc chửi nhoi nhói như chó sủa mèo. Chửi chán thì mang giỏ về.

Nhưng cũng có lần bắt được. Hôm đó có cha thằng Phùng giúp sức. Bảo mãi không chịu xuống, ông liền vào nhà lấy rựa chặt cây cau. Thế là hắn ta rối rít dạ dạ tuột xuống. Hắn bị nhốt vào giỏ khiêng về trường. Bọn trẻ chúng tôi được một bữa hò hét đến khản cả giọng, vừa đi vừa đánh trống miệng thùng thùng làm như quân cờ lau của Đinh Bộ Lĩnh thắng trận trở về. Thầy bắt kẻ trốn học nằm lên bàn, thẳng cánh đét vào mông năm roi, nhưng cũng chỉ được ít hôm rồi lại trốn!

Dạy và học như thế, nhưng chẳng hiểu tự bao giờ,

đứa nào dù lười hay dốt đến mấy cũng viết được chữ đọc được sách. Cứ y như ngày hai buổi đến ngồi đầu mặt vào nhau trên hai cái bàn chạy dài từ đầu lớp đến cuối lớp là tự nhiên chữ nghĩa nó chạy vào đâu. Tôi dù ngậm sạn hét mãi mỗi khi xuống sông tắm mà đọc vẫn cứ như nhai chữ. Nhưng thầy bảo chữ viết khá đẹp và chưa trốn học lần nào nên vẫn thường đem tôi ra làm gương cho cả lớp.

Chưa đến hết năm học, anh Cọng trưởng tràng ở nhà cưới vợ. Hôm đám cưới thầy Hiên được mời ngồi trang trọng ở phản giữa cùng với ông lý trưởng. Anh mặc áo the đen, quần dài trắng, đội một chiếc khăn đóng, lúng túng trên đôi guốc gỗ vái chào thầy. Khi thấy chúng tôi lấp ló thè lưỡi nheo mắt sau hàng rào, anh mắc cỡ đỏ mặt nhưng vẫn không quên đưa nắm tay lên doạ dù biết rằng chẳng còn đứa nào sợ anh nữa. Cô dâu thập thò sau màn cửa chẳng biết đẹp hay xấu.

Cuối năm ấy, gần như các anh lớp Tư đều đi cưới vợ. Lớp học nhỏ tuổi dần và cái cảnh kéo nhau đi bắt những đứa trốn học cũng không còn nữa. Đến khi tôi lên lớp Tư, tức là đã làm thầy được những đứa lớp Năm thì Việt Minh cướp chính quyền.

3.

Đó là một buổi sáng mùa thu. Cái trống làng không phải vang lên một cách rộn rã để báo tin ngày khai trường mà thùng thùng từng hồi giục giã như đê vỡ. Mọi người ngơ ngác kéo nhau ra đình.

Một tấm vải màu đỏ ở giữa có ngôi sao vàng được treo trước chánh điện. Không phải ông tổng Bá hay ông lý trưởng khăn áo trịnh trọng như trong các lễ sắc thần mà là ông bầu Kiên mặc đồ tây đứng trước điện dõng dạc tuyên bố: Chính quyền đã về tay Cách mạng! Mọi người

lại ngơ ngác không hiểu chính quyền nó là cái ra làm sao thì ông bầu Kiên, ngoắc ông lý trưởng đang đứng sợ hãi dưới thềm bảo phải đem nộp gấp con dấu cùng sổ đinh và sổ điền. Khi ông lý vội vàng về nhà thì ông kêu lại dặn thêm phải nộp hết số tiền quỹ.

Vậy là xong! Cái chính quyền vừa bị cướp chỉ là con dấu và mấy cuốn sổ. Không hào hiệp như chú Lía lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo. Cũng không tàn bạo như thằng Năm Quẳng nung chì đòi đổ vào miệng lão Phẩm thợ bạc để khảo vàng. Nhiều người bảo cướp chính quyền sao mà dễ như trên tuồng hát. Nhưng ông phó Ba ra vẻ bí mật bảo không dễ đâu! Ông nói, cái lão Chánh nhạc được một cái cặp tiền nhiều thế kia sao không mua cái chức lý trưởng hay cái tước cửu phẩm mà cứ giữ mãi cái chức Chánh nhạc với đám cò nhị ỉ eo, rồi thuê đào mua kép lập gánh hát? Còn thằng Khứ hò hát nghe như cóc nghiến răng mà cũng bày đặt đi theo gánh hát là tại làm sao? Là hoạt động ngầm cho Cách mạng đó! Gánh hát đi tới đâu là cờ xí truyền đơn đi tới đó. Thứ gì mà vận chuyển không dược kể cả súng đạn!

Mọi người bấy giờ mới ngớ ra. Ai cũng khen ông bầu Kiên là mưu trí dám cả gan qua mặt cả tụi Pháp lẫn tụi Nhật!

Tuy ông bầu Kiên không ra lệnh, nhưng để mừng Tổ quốc được độc lập, nhà nào cũng cố may cho bằng được một lá cờ. Vải vàng thì xin ở chùa, nhưng kiếm cho ra vải đỏ thực không dễ. Nhiều nhà đành lấy cái khậu đỏ che trước bàn thờ chia nhau mà may. Cả làng chỉ có mỗi một cái máy may cọc cạch nên phải chạy gần như suốt cả đêm. Khó nhất là cắt ngôi sao! Cánh dài, cánh cụt, cánh mập, cánh ốm! Rối tung cả lên, nhưng cũng phải có mà treo ở bàn thờ Tổ quốc, lúc này còn thiêng hơn cả bàn thờ ông bà ông vải. Đến ảnh cụ Hồ thì đành chịu. Cả làng chỉ có mỗi ông bầu Kiên là có một ảnh khắc gỗ như trong kinh Phật, nên chẳng biết có giống cụ hay không!

Xong việc may cờ, cả làng sôi lên vì những cuộc biểu tình. Đàn ông thì mang theo cuốc rựa, đàn bà thì cầm dao phay, trẻ con thì mõ tre. Mỗi khi hoan hô hay đả đảo đều vung lên loạn xạ như sắp băm vằm ai đó. Bọn trẻ con hùa theo đánh nhịp lốc cốc, lốc cốc. Đoàn người đi diễu quanh làng, chân dẫm lạch bạch tung bụi lên mù mịt. Ông Khứ lúc này không còn là một tên lính chạy hiệu mà oai phong lẫm liệt như một vị tướng. Lúc đi đầu, lúc đoạn hậu, ông khoa chân múa tay như nhà vừa mất trộm. Khi đi ngang qua nhà ông bầu Kiên, ông lại thúc đoàn người gầm to hơn, mõ đánh nhiều hơn, chân giẫm mạnh hơn trong khi ông chỉ huy Cách mạng đứng trên thềm nhìn ra vừa vẫy tay vừa mỉm cười.

Ông tổng Bá thì ngược lại. Mỗi khi đoàn biểu tình đi ngang qua nhà, ông đều lẩn ra sau. Ong sợ cái đám biểu tình do ông Khứ dẫn đầu còn hơn sợ đám ăn mày chúa. Với lũ ăn mày, chỉ cần đem một ít gạo tiền là chúng đi qua làng khác, còn cái đám biểu tình này thì biết tống tiễn bằng cách gì? Ông lo lắm nhất là nghe hô "đả đảo", cứ nghe như chửi thẳng vào mặt ông!

Vì vậy, khi nghe phát động *Tuần Lễ Vàng*, ông liền lột sạch đồ trang sức của vợ con, sung sướng được đem hiến cho Cách mạng. Ông bầu Kiên khi nhận 12 chiếc kiềng, 15 chiếc cong và 20 chiếc nhẫn trước mặt dân làng, đã tung hô ông tổng Bá là nhà *Đại Yêu Nước*. Để chứng tỏ rằng mình xứng đáng với cái tước hiệu mới mẻ đó, ông tổng Bá liền hiến thêm mấy sào đất để xây trụ sở Uỷ ban. Như vẫn chưa vừa, ông liền kêu thợ tới bắc cầu nối An Định với Trung Lương. Cây cầu gỗ đâm thẳng vào căn lều của cô cháu tôi. Nhờ vậy mùa lụt tôi đi học mà không phải qua đò. Khi khánh thành ông hào phóng cho ngã một con bò, hai con heo để khao đãi các bác thợ và cả làng. Ông lại được ông bầu Kiên và ông Khứ phong cho chức Trưởng ban Vệ sinh kiêm Trưởng ban Đời Sống mới.

Liền một lúc được đến mấy chức, ông lại càng

hăng hái hơn nữa, yêu nước hơn nữa! Các cụ già như ông cử Vân, ông đồ Ngân không còn ngồi trầm ngâm bên tách trà bàn sấm Trạng Trình, các bà lão không còn thong dong dắt cháu đi lễ chùa, những đứa bé không còn lêu lổng lang thang. Tất cả được ông huy động vào việc phát quang bờ tre, dọn sạch phân trâu bò, quét khắp đường làng ngõ xóm sạch đến nỗi không còn tìm thấy một chiếc lá tre nào vương vãi. Chẳng mấy chốc làng An Định được khen là làng kiểu mẫu. Ông lại được hoan hô và bây giờ ông rất thích được đoàn biểu tình đi ngang qua nhà hô khẩu hiệu.

Mặc dù Bảo Đại đã không còn ngồi trên ngai vàng và kinh thành Huế đã không còn ai hướng về bái vọng nữa, nhưng người ta cho rằng cái gốc rễ của phong kiến đã ăn sâu vào tận các đình làng. Cho nên muốn tận diệt phong kiến là phải phá đình. Và người nện nhát búa dũng mãnh đầu tiên vào đình làng An Định chẳng ai khác ngoài ông Khứ. Trong khi nhiều người sợ thánh thần vật chết thì ông bảo, thần thánh mẹ gì, chỉ mấy miếng gỗ và mây cục đất sét, vậy mà hết đời này đến đời khác cứ sì sụp cúng bái. Coi này, ông thét lên. Ai chết cho biết! Mấy cái bài vị nẩy tung lên, ba vị thần chẳng biết thần gì rơi xuống đất vỡ toang. Ông hô, tiến lên anh em! Thế là búa và xà beng của đám dân quân thi nhau nện ầm ầm. Gạch vỡ, ngói rơi và cái đình tốn bao công của trong suốt mười năm mới xây xong, chỉ có mấy ngày là đã thành một đống cây gỗ gạch đá ngổn ngang. Hai cái trụ biểu vì quá cao to nên để lại, nhưng hai con sư tử trước đây oai linh là thế, giờ chỉ như hai con chó đứng nhìn nhau mà không tiếng sủa nên chẳng còn làm cho đứa bé nào sợ nữa.

Nhìn các bài vị và sắc thần đang cháy, những câu hoành câu đối vứt bừa bãi ngổn ngang, ông đồ Ngân ứa nước mắt than: Đình là nơi thờ cúng các vị tiền hiền mấy trăm năm trước có công lập làng được vua ban sắc phong chứ có phải thờ con vua cháu chúa gì đâu mà bảo là phong

kiến! Còn chữ của ông cử Vân cho đẹp thế kia có tội tình gì mà vứt bỏ đi, thế này là mạt vận rồi!

Ông Khứ liền quát: Phong kiến chẳng mạt. Cho chừa cái thói ỷ có năm ba chữ, bắt dân khúm núm hầu hạ lúc nào cũng gãi đầu gãi tai như khỉ! Ông đồ Ngân lắc đầu chắp hai tay vái, không rõ là vái ông Khứ đang thét ra lửa hay vái cái oan hồn tội nghiệp của ngôi đình!

Sau trận phá đình, các chức dịch cũ trong làng nào chánh tổng, lý trưởng, hương bộ, hương kiểm…cảm thấy rét run trước sức mạnh ghê gớm của Cách mạng. Ai cũng dẫy nẩy từ chối cái tiếng thầy tổng, thầy lý, thầy hương… mà trước kia họ sẵn sàng bán cả ruộng vườn, bợ đỡ xun xoe để mua cho bằng được.

Ông tổng Bá mặc dù đã được phong đến mấy chức mới rất hợp thời, nhưng xem ra cái chức chánh tổng cũ hãy còn là một cái gốc phong kiến quá to, chẳng biết sẽ bị ông Khứ đốn ngã lúc nào. Để tỏ ra tiến bộ và một lòng đi theo Cách mạng, ông cố sức tận tụy hơn với hai cái chức Trưởng ban nhỏ bé của mình. Ông liền đi từng nhà, xem xét từng chỗ ăn chỗ ngủ chuồng heo chuồng bò và rồi để đi tới chỗ tuyệt đối, không thể nào vệ sinh hơn được nữa, không nơi nào đời sống mới hơn được nữa, ông đã đưa ra một sáng kiến mà ông Khứ dù đã bắt đầu hạnh họe cũng phải nhảy cẫng lên vì khoái chí.

Đó là, từ nay mọi người phải ăn cơm trong mùng và chính ông sẽ mua mùng trắng phát không cho mọi nhà!

Đúng là thôn kiểu mẫu nên mới có một người kiểu mẫu như thế. Cái ngày chăng mùng để ăn cơm là một ngày đáng nhớ của thôn An Định. Mọi người được lệnh phải tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc tươm tất để cho cán bộ các làng kéo tới học tập. Khi mâm cơm dọn ra, già trẻ lớn bé đều ngồi xếp bằng một cách trịnh trọng, người ông hay người cha lấy quạt mo xua lũ ruồi đi xa rồi mới thả mùng. Bữa cơm bắt đầu. Tất cả ngồi ăn chậm rãi, nhỏ nhẹ như không dám nhai, ngay cả nuốt cũng từ từ. Trẻ con dĩ nhiên

là không được khóc. Các cán bộ đứng ở bên ngoài liên tục ghi ghi chép chép. Có người hỏi: ăn có ngon không ? Đáp: có. Lại hỏi: Thích không? Đáp: thích. Trong khi đó lũ ruồi nhặng nổi tiếng lì lợm vẫn cứ bay quanh, chúng kêu to hơn, kéo đến nhiều hơn nhưng đành hậm hực chịu thua cái sáng kiến vệ sinh tuyệt vời của ông Trưởng Ban Vệ sinh kiêm Trưởng ban Đời Sống mới.

Chẳng biết các nơi khác có chịu học tập hay không, chứ dân làng An Định oán ông tổng Bá không để đâu cho hết. Cái tuồng mới ấy ai cũng tưởng chỉ diễn vài hôm để cán bộ trong làng coi chơi, không ngờ hết đoàn này đến đoàn khác kéo tới và mọi người cứ phải bỏ cả công việc để chui vào mùng ăn biểu diễn. Ông phó Ba là kẻ đầu tiên lên tiếng mỉa mai. Ông nói, ăn cơm trong mùng giống như thỏ ăn cỏ trong chuồng. Tiếp đó bà phó lý cũng nói, ngủ mùng thì được chứ ăn cơm trong mùng mà lại để cho người khác đứng coi thì nuốt làm sao trôi! Thì mặc kệ bà, ông Khứ nói, được khen là hợp vệ sinh thì thích hay không thích cũng phải chui vào mùng mà ăn. Mùng phát không mà còn kêu ca nỗi gì. Các nơi khác phải tự mua mùng chứ đâu có quá sướng như cái làng này.

Ông Khứ và ông tổng Bá trong những ngày đầu đi kiểm tra rất gắt. Nhà nào không chịu chui vào mùng ăn cơm là tối đó bị đem ra phê bình kiểm điểm. Nhưng khi các đoàn cán bộ đã nhàm chán và mỏi mệt thì dân làng lại thoải mái ăn cơm trong bếp để cho lũ ruồi nhặng cũng được vui vẻ dự phần. Dù vậy, dân An Định vẫn được tiếng là đã thực hiện đời sống mới. Một cái cổng mới LÀNG KIỂU MẪU AN ĐỊNH được dựng lên đầy kiêu hãnh và thách thức

(Còn tiếp)

lục bát của nhiều tác giả

Huỳnh Hữu Võ
Tô Duy Thạch
Trầm Mặc Hoa Huyền
Đoàn Ngọc Kiều Nga
Cao Mỵ Nhân
Lê văn Trung
Trân văn Nam
Lê Nguyên Tịnh
Lưu Nguyễn
Hoàng Xuân Sơn

Huỳnh Hữu Võ

Phan Rí vào hạ

Đón em về với phố chiều
Tiếng ve mùa hạ như dìu dặt thêm
Tiếng ve cùng với tiếng em
Làm cho đường phố như mềm mại ra

Nỗi nhớ quê

Bao năm cơm áo Sài Gòn
Nghe bầm dập nhớ nghe mòn mỏi trông
Nghe khao khát khói đốt đồng
Nghe rưng rức tiếng chim còng cọc kêu

Tô Duy Thạch

NGHE CHIM HÓT TRONG TẦNG LÁ XANH

Nay ta bỏ biển về rừng
Lắng nghe chim hót trong tầng lá xanh
Nhìn con sóc nhảy lanh chanh
Im nghe mối mọt đùn quanh chỗ nằm

Nay ta bỏ phố xa phường
Về nghe thác đổ suối nguồn vi vu
Đèo cao lũng thấp thâm u
Bước con nai dẫm bờ thu xuống vàng

Nay ta về với non ngàn
Bỏ sau lưng nẻo trần gian lụy phiền
Lòng ta thơ thới an nhiên
Cỡi con ngựa gỗ tếch miền hoang lương

Về thôi ! Đời cũng vô thường
Phỏng tay đi giữa cõi miền uyên nguyên

Trầm Mặc Hoa Huyền

Nhớ mong

Em về bỏ lại vầng trăng
Cho tôi ngồi ngắm mỗi lần thu sang
Bến tình lững chiếc đò ngang
Bến đời tôi ngập lá vàng chờ em!

Đoàn Ngọc Kiều Nga

KHOẢNH KHẮC VÔ THƯỜNG

Hình như chưa phải tình yêu
Chỉ là nắng sớm mưa chiều đó thôi
Mà sao vương vấn một đời
Thơ ai thấp thoáng bóng ai đi về
Hẹn tao phùng để biệt ly
Mộng mơ thuả ấy còn ghi giấc hồng
Cùng chung một kiếp long đong
Ngươi xuôi kẻ ngược trên dòng hỗn mang
Chút ân cần dẫu muộn màng
Cũng xin gửi lại tri âm tấc lòng
Chợt trong khoảnh khắc vô thường
Mắt người u uẩn đoạn trường chia phôi
Giả như đời có luân hồi
Hỏi ai có ước đền bồi lai sinh?

Cao Mỵ Nhân

Chuỗi Ngày Thầm Lặng.

Thân tặng ĐNKN

Em ngây thơ,em hồn nhiên
Hỏi bao giờ biết ưu phiền hở Nga?
Quen em từ thủa mười ba
Tới nay hoa giáp đã là nửa trăm

Mùa đang cũ tháng, xưa năm
Thời gian như chuỗi ngày thầm lặng trôi
Lần đi từng hạt Mân Côi

Hay lần từng hạt giờ phôi pha buồn

Em nghiêng nón lá, mắt tròn
Đen, to, vời vợi, thả hồn mông mênh
Mắt em là thuyền lênh đênh
Tình rơi trên sóng dập dềnh, lang thang

Thuyền ơi, mắt có ngó sang
Nước sông dĩ vãng dâng tràn bờ tây
Khói chiều cũng trắng như mây
Em qua xứ sở lưu đầy cũng vui.

Hawthorne 10-5-2008

Lê văn Trung

ĐÔI MẮT
Tặng HĐT

Hai con mắt ấy ngày xưa
Nhìn xa vắng cõi nắng mưa cuối trời
Bây giờ mắt ấy nhìn tôi
Màu sương đã rụng bên đời lẻ loi

Trăm năm lạnh một chỗ ngồi
Giọt chiều đọng giữa mắt người quạnh hiu
Tôi về bóng đổ tàn xiêu
Suối khe là nghiệp dốc đèo là thân
Đảo điên đôi mắt phù vân
Còn không tôi hỏi nhớ quên ngậm ngùi

(Dầu Giây 12.08.07)

Trần văn Nam

VỌNG MÂY TRỜI

Bãi không, nào đã mất đâu
Lầu chưa dựng, ta còn bầu trời xanh
Rồi đây khu phố hoàn thành
Phút giây rộng thoáng cũng đành xa xôi
Mai sau từ cửa sổ ngồi
Khuất bên cao ốc, mây trời quên ai.

Lê Nguyên Tịnh

Đưa người

Đưa người theo giọt mưa phai
Giọt hư không rớt xuống đời gian nan
Tình xưa về thắp hai hàng
Buồn trăm năm đã nhuộm vàng núi sông

Đưa người theo giọt nắng hồng
Bóng tà dương về hẹn cùng cách chia
Cạn ly chờ phút biệt, lìa
Dốc nghiêng đêm, cạn, sầu kia vẫn còn

Đưa người trời đất sắt son
Thấy hoang vu rụng bên cồn tịch liêu
Biển tôi trùng điệp lượng triều
Bóng ai lẫn với bóng chiều trang thơ

Đưa người theo dấu bụi mờ
Nhạn về trao lại một tờ thu rơi
Đầu non áo cũ xanh, phơi
Bóng tôi chờ mãi tin người đi xa

Lưu Nguyễn

bên bờ đại giác

ta về
gọi gió mười phương
cùng chư Phật
hội
giữa đường chân không
bên bờ
đại giác
mênh mông
ba nghìn phiền não
theo dòng
nước trôi

từ em ngoảnh mặt

ừ ta
là ánh mắt nhìn
từ em
ngoảnh mặt
đã nghìn trùng xa
từ khi
cách trở
giang hà
là quan san
vội

khép tà áo xưa.

Hoàng Xuân Sơn

b l o g s. n ế n v à k h u ấ t t ì n h

Em thổi qua blogs mù sương
nến tôi thắp một chặng đường phôi sinh
điệu lả lơi của bóng hình
điệu buồn của khép vô minh hằng hằng
ngọn lưới nào
sấm chớp giăng
gió sóng vật nổi
câu bàng say
ngâm
nước thơ sắc bén lỡ lầm
án mù tuyên xử
liếp thâm căn
người
sinh ra sinh ra tài bồi
hỡi ơi!
tan một sát hời phiêu linh
đời cho sắc mị xiêu tình
em cho tôi
một chút tinh tươm
bày
thổi em qua blogs heo may
chong tôi nến lụn cuối ngày vân vi.

Những trang sưu tập

Trong nỗ lực tìm tòi sưu tập để cống hiến bạn đọc những di sản văn học tìm lại từ đống tro tàn, kỳ này chúng tôi xin gởi đến quí bạn bài nhận định văn học thời chiến của Cao Huy Khanh được đi trên Thời Tập ngày 15-4-1974..

CAO HUY KHANH

Vấn Đề Khuynh Hướng Trong Tiểu Thuyết Miền Nam 1954 Đến 1973

Thời tiền chiến khi viết bộ Nhà Văn Hiện Đại Vũ Ngọc Phan đã tổng cộng được số nhà văn thời đó làm 78 người (1). Con số này được chia một cách không đồng đều cho khoảng thời gian văn học sử trên 30 năm (từ Trương Vĩnh Ký trở đi cho đến những Nguyễn Tuân, Ngọc Giao, Tô Hoài… nghĩa là từ khoảng 1913 đến 1945). Tuy nhiên cần lưu ý mợt điều quan trọng là Vũ Ngọc Phan đã dùng chữ "nhà văn" theo một nghĩa rộng bao gồm luôn các nhà biên khảo, các thi sĩ, các nhà viết kịch lẫn các nhà viết phóng sự chứ không chỉ giới hạn vào giới tiểu thuyết gia mà thôi (*Nhà văn theo nghĩa tôi dùng đây là những người viết văn xuôi hay văn vần…sđd..,quyển 1, tr.13).* Ngày nay chữ nhà văn thường được hiểu và chỉ định những nhà viết tiểu thuyết mà thôi (trong khi đối với các ngành khác thì đã có những từ chỉ định riêng biệt khác). Do đó xét kỹ lại người ta thấy trong 78 người, Vũ Ngọc Phan chọn thực sự chỉ còn lại khoảng trên 30 tiểu thuyết gia (số nhà văn này hầu

như được tác giả Nhà Văn Hiện Đại tập trung trong hai tập IV và V).

Bây giờ so sánh con số tổng kết đó với công việc đang được theo đuổi ở đây, người ta dễ dàng ghi nhận một sự kiện trái ngược lại: chỉ trong một khoảng thời gian văn học sử ngắn hơn (20 năm so với 30) – từ 1954 tới 1973 – chúng ta có một con số kinh khủng: xấp xỉ 200 nhà văn đang hiện diện trên văn đàn (chưa kể đến vấn đề đánh giá "nhà văn lớn" hay không mà chỉ kể một cách tổng quát tất cả những nhà viết tiểu thuyết cóp sách xuất bản) trong đó có trên dưới 60 nhà văn xứng đáng có giá trị cần phải được đề cập đến kỹ càng hơn cả, dĩ nhiên là vẫn còn theo một thứ tự giá trị nào đó (Đó cũng là con số phỏng định mà chúng tôi dự định chọn lựa để nghiên cứu). Sự kiện nổi bật này dĩ nhiên chứng tỏ sự phong phú của nền tiểu thuyết Miền Nam nhưng đồng thời cũng biểu lộ tính chất cực kỳ phức tạp của nó trong vòng 20 năm qua với trên dưới 200 nhà văn (chưa kể đến số lượng khổng lồ về tác phẩm: con số hàng nghìn!) Tiểu thuyết chúng ta có quá nhiều sắc thái, nhiều tính chất, nhiều đặc điểm khác biệt. Nói rõ hơn tiểu thuyết Miền Nam trong Thời Hiện Đại có quá nhiều khuynh hướng dị biệt chứ không phải chỉ giới hạn trong 10 khuynh hướng chính như sự phân chia của Vũ Ngọc Phan (2). So với ngày nay, trong 10 khuynh hướng do Vũ Ngọc Phan mệnh danh, thì có đến 5 khuynh hướng hầu như không còn dùng được nữa đối với việc nghiên cứu ở đây: đó là những khuynh hướng tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết truyền kỳ, tiểu thuyết phóng sự, tiểu thuyết hoạt kê, tiểu thuyết trinh thám. Đến những nhà văn học sử gần đây hơn như LM. Thanh Lãng hay GS.Phạm Thế Ngũ, cũng trong phạm vi nghiên cứu Tiểu Thuyết Tiền Chiến, các ông vẫn chỉ xử dụng một số khuynh hướng có hạn như trên mà thôi. Đó cũng là điều dễ hiểu bởi lẽ dù phương pháp nghiên cứu tuy có đổi khác nhưng đề tài nghiên cứu vẫn còn bị giới hạn vào Thời Tiền Chiến

vốn là lúc mà tình trạng sinh hoạt văn học vẫn còn tỏ ra nghèo nàn so với bây giờ, hay nói cho đúng hơn thì tình trạng sinh hoạt đặc biệt về bộ môn Tiểu Thuyết lúc đó không thể nào phong phú và phức tạp như đối với Thời Hiện Đại.
Thực vậy, quan niệm về khuynh hướng nhắc ở trên có thể nói là một quan niệm theo nghĩa rộng chỉ áp dụng được đối với những thời kỳ văn học có nếp sinh hoạt tương đối giản dị, còn riêng đối với những thời kỳ văn học phức tạp (đôi khi phức tạp quá đến chỗ hỗn độn) như Thời hiện đại thì không thể dùng được một cách có lợi. Do đó bắt buộc ta phải tìm kiếm một cách giải quyết nào thích ứng và hữu ích hơn. Để cho vấn đề được thong suốt dễ dàng hơn chúng ta đi sâu vào một vài chi tiết sau đây.

<u>Vấn đề phân chia nhóm:</u>

Đây là cách phân chia dễ dãi nhất, nhưng cũng là cách phân chia đứa đến chỗ sai lầm nhất bởi các lý do sau đây:
1/ Trước tiên, áp dụng vào thực tại văn học của Thời Hiện Đại, việc phân chia theo Nhóm (nói rõ hơn là các Nhóm tạp chí chuyên về văn học nghệ thuật) chỉ miễn cưỡng áp dụng được đối với thời kỳ đầu. Trong thời kỳ này nếp sinh hoạt văn học còn đơn giản, số nhà văn còn giới hạn nên thường qui tụ nhất định chung quanh một số ít tạp chí nào đó, tạo nên một số ít Nhóm nhà văn cùng lập trường và đặc biệt là đa số cũng cùng một địa phương tính (yếu tố địa phương tính này phát sinh bởi những điều kiện hiện tại của thời cuộc sẽ có dịp nói rõ sau). Có thể nói đây là một tình trạng sinh hoạt khá lý tưởng về phương diện văn học nói chung và về phương diện báo chí nói riêng vì như vậy các Nhóm tạp chí dễ dàng đạt tới sự thuần nhất, một cách tương đối trong lập trường cũng như trong quan niệm sáng tác với sự cộng tác thường xuyên của một số nhà văn "cơ hữu" độc quyền. Đó là trường hợp các Nhóm *Sáng Tạo,*

*Bách Khoa, Quan Điểm, Nhân Loại, Văn Nghệ..v..v..*trong buổi đầu . Nhưng qua đến thời kỳ sau vấn đề không còn giản dị như thế nữa vì bây giờ, một phần nào ảnh hưởng bởi yếu tố thời cuộc, nếp sinh hoạt văn học trong nước trở nên quá hỗn độn: dù lúc này số tạp chí có nhiều hơn nhưng vẫn không đủ để thâu nhận một số lượng nhà văn đang trên đà tăng gia nên cuối cùng sự thâu nhận đó trở nên dễ dãi để rồi từ đó mọi hình thức kết hợp thành nhóm cũng chỉ còn một giá trị tạm thời. Sự kết hợp giờ đây chỉ có tính chất gượng ép và đôi khi chỉ là sự tình cờ. Có một số nhà văn chỉ cần có báo nhận đăng bài mình, bất kể là báo nào cũng được, họ tỏ ra không quan tâm một cách thái quá đến vấn đề chủ trương và lập trường của tờ báo đó. Chẳng hạn trường hợp những nhà văn nữ như Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng tuy xuất than từ "lò" *Bách Khoa* nhưng thực sự giữa tác phẩm của họ và những nhà văn nòng cốt trong nhóm, về mặt khuynh hướng, có một khoảng cách khá xa.

Những nhà văn như thế rất dễ bị ghép thành một Nhóm mệnh danh là nhà văn độc lập nghĩa là cùng một lúc họ có thể hiện diện trên nhiều tạp chí có chủ trương hay lập trường dị biệt và đôi khi chống đối lại nhau nữa (3). Cho nên nhóm nhà văn gọi là độc lập chẳng những tỏ ra độc lập ngay chính mỗi cá nhân họ với nhau: Như thế khó mà chấp nhận sự gán ghép dễ dãi và vô ích của sự phân chia theo nhóm vì đây hoàn toàn không phải là một thực tại hiểu theo đúng nghĩa của Nhóm. (có một chủ trương và lập trường nhất định đã được tuyên bố công khai, có riêng một tạp chí làm nơi quy tụ và làm diễn đàn dung để trình bày và phát huy lý tưởng). Mặt khác do nhiều lý do còn có một số Nhóm Tạp Chí tuy có chủ trương và lập trường vững nhưng vẫn mau chóng bị tan rã hay biến thái để không còn giữ được bản sắc độc đáo như buổi đầu. Đó là trường hợp các Nhóm *Ngàn Khơi, Tiếng Nói, Văn Học* (trong giai đoạn đầu đều do sự điều khiển của Dương Kiền

), *Thái Độ*. Ngoài ra nên ghi nhận thêm một yếu tố khác đưa đến sự tan rã hoặc làm mất sự thống nhất ban đầu của các nhóm, ấy là thái độ khá (hay rất thực tế ?) của một số nhà văn vì sự thúc bách cùng quẫn của hoàn cảnh nên không còn hoàn toàn giữ đúng thái độ lý tưởng về cái sứ mệnh (ôi thiêng liêng) gọi là làm văn hóa của mình nữa. Một phần nào bởi lý do đó mà trong thời kỳ sau này, đối với đa số nhà văn vấn đề tập họp lại thành một nhóm thuần nhất, dưới một bản hiệu duy nhất, trên một tạp chí cố định để cùng nhau tranh đấu cho một lý tưởng một lập trường văn học đầy ý thức tiến bộ và cao quí như điều mà họ đã từng làm được một cách khá thành công trong thời kỳ trước, đã không còn được đặt ra một cách can đảm và có ý thức, hoặc nếu có thì cũng chỉ được đặt ra một cách yếu ớt mà ít thấy ai hưởng ứng (ngoài các lý do trên còn một lý do khác khiến người ta không thể dễ dãi chọn lối phân chia tiểu thuyết theo Nhóm được là dù cùng ở một nhóm với nhau, các nhà văn vẫn có thể có những khuynh hướng sáng tác khác biệt nhau nhiều. Các nhà văn cùng nhóm thường được kết hợp trên một căn bản tư tưởng, quan điểm và thái độ, tổng quát nghĩa là họ chỉ đồng ý với nhau về mặt lý thuyết, còn nếu đi sâu vào chi tiết sẽ có khá nhiều điểm khác biệt được lôi ra, nhất là đối với công việc sang tác tiểu thuyết. Họ có thể dễ dàng đồng ý với nhau về những vấn đề văn hóa, xã hội hay chính trị nhưng chưa chắc đã có những ý kiến giống nhau về cách xây dựng một cốt truyện về cách hành văn hay về một thứ luân lý tiểu thuyết nào đó. Do đó mà người ta thấy ngay trong nhóm BÁCH KHOA chẳng hạn, một trong những nhóm được kết hợp tương đối thuần nhất và vững bền nhất trong thời kỳ đầu, vẫn có những khác biệt sâu xa giữa ý nghĩa và giá trị hai loại tiểu thuyết của Võ Phiến và Vũ Hạnh vốn là hai nhà văn nồng cốt của nhóm này. Trong khi đó thì một trường hợp trái ngược lại có thể xảy ra: tuy không cùng một nhóm nhưng một vài nhà văn lại có nhiều điểm

tương đồng về lãnh vực sang tác tiểu thuyết hơn là đối với những người bạn cùng nhóm như trường hợp đặc biệt của Duy Lam, một nhà văn xuất thân từ nhóm VĂN HÓA NGÀY NAY nhưng sau đó xem như đã hoàn toàn ly khai ra khỏi nhóm này, (dĩ nhiên là nói về nghệ thuật viết tiểu thuyết mà thôi) và từ đó tỏ ra gần gũi hơn với những nhà văn khác không cùng nhóm: ví dụ Duy Lam có vẽ gần gũi với Dương Nghiễm Mậu hơn là với Nhật Tiến chẳng hạn. Như thế đã rõ rang quan niện phân chia và xếp loại tiểu thuyết theo Nhóm tạp Chí không thể dung được ở đây.

Quan niệm phân chia theo loại văn hay khuynh hướng.

Đây là quan niệm mà Vũ Ngọc Phan cũng như hầu hết các nhà văn học sử V.N thường dùng. Quan niệm này chia tiểu thuyết ra thành một số khuynh hướng có hạn và mượn tạm một số từ ngữ triết học của thế kỷ 18 Tây phương để định danh chúng như các loại tiểu thuyết Tả chân, Hiện thực, Luân lý, Luận đề, Xã hội…tương đương với những thứ chủ nghĩa Duy thực, Duy lý, Đạo đức, Xã hội, Duy nhiên.v.v..bên triết học.

Quan điểm này đến nay vẫn đáng được xem là đúng nhưng chỉ có điều bất tiện là ngày nay xem chừng nó không còn đáp ứng đủ với những đòi hỏi của thực tế nữa, một thực tế ngày càng tỏ ra phức tạp gấp bội. Thực vậy, thực trạng phát triển cực kỳ phong phú của bộ môn tiểu thuyết ngày nay dường như đã vượt qua cái giới hạn thể loại quá ít ỏi (khoảng 10 khuynh hướng) đã được giới phê bình gia thế kỷ 18 và 19 ở Tây phương định đặt sẵn. Chắc chắn với một số khuynh hướng có hạn mà lại được xem như những khuôn mẫu cố định như vậy người ta khó lòng phân biệt được những nét đặc sắc, những điểm khác biệt, những sắc thái riêng, những cá tính độc đáo của một số lượng tác giả và tác phẩm quá nhiều. Bởi vì một khi số lượng tác giả gia tăng tất nhiên số lượng tác phẩm cũng

gia tăng theo mà hễ số lượng tác phẩm càng nhiều thì những tính chất những sắc thái những đặc điểm của tác phẩm cũng biến hóa theo để cuối cùng ngày càng trở nên phức tạp hơn. Đối với một thực trạng tiểu thuyết phong phú và phức tạp như vậy mà chỉ dùng vỏn vẹn có một số ít khuynh hướng kiểu mẫu cố định để mong gói trọn ý nghĩa và giá trị của chúng thì quả thực đó là một việc làm quá dễ dãi và tỏ ra cố tình giản dị hóa sự việc một cách thái quá.

Nói tóm lại những khuynh hướng hay còn gọi là loại văn đã được ấn định sẵn và được áp dụng đúng trong những thế kỷ trước là vì chúng tỏ ra thích ứng với tình trạng sinh hoạt tiểu thuyết còn phôi thai hoặc còn chậm phát triển của những thế kỷ đó; còn riêng đối với tình trạng phát triển mạnh mẽ như hiện tại thì chắc chắn chừng đó khuynh hướng vẫn chưa đủ để phân định những ranh giới cần thiết dùng để phân biệt một tác giả với một tác giả hay phân biệt được những tác phẩm này với những tác phẩm khác. Trong trường hợp hiện tại những khuynh hướng này có ý nghĩa quá rộng rãi nếu đem áp dụng để tìm cách xác định tính chất và thể loại của bất kỳ một cuốn tiểu thuyết nào. Nói cách khác có một số khuynh hướng rất gần gũi nhau khiến khó lòng dùng chúng được, chẳng hạn làm thế nào để phân định hai loại tiểu thuyết, Tả chân hay Hiện thực Xã hội, tiểu thuyết Luận đề và Luân lý tiểu thuyết Phong tục và Xã hội tiểu thuyết, Tâm lý và Tình cảm v.v...Ngoài ra còn trường hợp có những cuốn tiểu thuyết kết hợp lung tung cả những khuynh hướng đó thì làm sao giải quyết ? Hoặc có tác phẩm không nêu lên được một khuynh hướng nào trổi bật cả hay tỏ ra không chịu ép mình tuân theo những khuôn mẫu về khuynh hướng đã vạch sẵn thì sao ? Những vấn nạn này rút cục có thể thu về hai điểm chính sau đây: Một là trong tình trạng hiện tại có thể có nhiều tác phẩm không tìm thấy được cái khuynh hướng thích hợp vừa vặn với mình trong những cái khung đã có sẵn

như trường hợp loại tiểu thuyết mới của Huỳnh Phan Anh hay Nguyễn Quốc Trụ hay trường hợp loại tiểu thuyết có pha trộn đủ màu sắc triết lý khoa học lẫn chính trị của Nguyễn Mạnh Côn. Hai là nếu có tìm được cho mình một khuynh hướng nào đó thì ngay cái khuynh hướng này cũng dường như chưa nói hết được bản sắc độc đáo của tác phẩm, chưa nêu lên được cái giá trị tiêu biểu đặc sắc của mỗi tác giả, không giúp ích cho người ta phân biệt được giá trị chính của các tác phẩm và tác giả mà đôi khi còn gây nên những nhầm lẫn tai hại thí dụ giữa những loại tiểu thuyết cùng có thể gọi là thuộc về khuynh hướng tình cảm của một Võ Hồng và một Ngọc Linh, loại tâm lý của một Võ Phiến và một Túy Hồng, loại luân lý của một Vũ Hạnh và một Lê Tất Điều. Trước những khó khăn nan giải này có lẽ người ta nên xét lại cái phạm vi ý nghĩa quá bao quát của những loại khuynh hướng này.

Ngoài ra còn có một khuyết điểm rất quan trọng nữa, về mặt văn học sữ, của lối phân chia theo loại văn, lối phân chia cố định và cứng nhắc này vô tình đã làm mất đi tính chất sống động cần thiết của một dòng văn học sử quốc gia luôn luôn biến chuyển liên tục, linh động và sống thức. Thực vậy, dòng văn học sử chúng ta, cũng như mọi dòng văn học sử của những quốc gia khác, trong quá khứ đã luôn luôn có những nỗ lực vận động để tiến tới hướng về tương lai với những cố gắng liên tục để mỗi ngày mỗi đổi khác mỗi ngày mỗi mới hơn. Đó là lí do giải thích sự kiện những cuộc vận động những trào lưu đổi thay, những vụ bút chiên, những cuộc thoát xác, những hình thức biên thái, những tranh đấu cách mạng, những đòi hỏi tiến bộ đã không ngớt xãy ra trên mảnh đất văn học của dân tộc chúng ta trong vòng 20 năm gần đây: luồng gió mới *Sáng Tạo;* chủ trương đem chính trị vào văn chương của các nhóm *Quan Điểm* và *Chỉ Đạo*, vụ án Nhất Linh, cuộc hồi sinh của thể văn phóng sự qua ngòi bút Hoàng Hải Thủy

(để rồi sau này biến thành loại văn viết "phim" đã từng một thời thịnh hành trên nhật báo) sự xâm lăng ồ ạt của trào lưu triết lý hiện sinh, những "xì căng đan văn nghệ" (!) qua những hoạt động của một Thế Phong, phong trào xã hội cấp tiến phát xuất từ các ảnh hưởng tôn giáo (cả Phật giáo lẫn Thiên Chúa giáo), sự tràn ngập của các loại sách dịch và truyện chưởng trên thị trường chữ nghĩa, cuộc tranh luận gay gắt về "Dấn thân và Viễn mơ"...

Với những biến chuyển lớn và nhỏ, mạnh hay yếu, đôi khi nhiều ít tùy theo hoàn cảnh và thời thế đó, riêng loại văn tiểu thuyết cũng chịu nhiều ảnh hưởng nghĩa là tiểu thuyết chúng ta trong 20 năm qua cũng đã có rất nhiều thay đổi, những hình thức biến thái hay lột xác, về mọi phương diện bút pháp, tư tưởng, kết cấu, thể tài v.v...Nói tóm tắt là ngày nay nhữngn khuynh hướng tiểu thuyết đã không còn giống như trước kia nữa. Vậy mà trên thực tế khi nghiên cứu người ta cũng chỉ có quanh quẩn lui tới chừng ấy khuynh hướng không hơn không kém khiến người ta dễ có cảm tưởng rằng thời nào lúc nào nhà văn ta cũng chỉ có chừng đó chuyện để xào đi xào lại hoài. Thời Tiền Chiến có mấy khuynh hướng thì thời Hiện Đại cũng chỉ lập lại từng đó mà thôi chứ không thấy có gì khác lạ cả.

Tóm lại quan niệm dùng những loại văn tức là những khuynh hướng theo nghĩa rộng để phân chia và sắp loại tiểu thuyết cùng lắm là chỉ có thể dùng để nghiên cứu và phê bình từng tác giả một mà thôi, tuyệt đối không thể áp dụng được trong ngành nghiên cứu Văn học sử. Bởi vì nếu làm như vậy tất nhiên người ta vô tình đã làm một việc mâu thuẫn với chính ý nghĩa đích thực của công việc nghiên cứu mà họ đang theo đuổi tức là đã bỏ quên và đánh mất tính chất sống động trường cửu của bất cứ dòng văn học sử nào. Đấy mới chính là mục đích chính yếu nhất của mọi công trình nghiên cứu loại này: Văn học sử trình bầy lại cho thấy, một cách đầy đủ và chính xác, nếp sinh hoạt vận động và sống thực về mặt văn học của một quốc

gia, từ đó cũng là đồng thời khám phá và mô tả cho thấy cái tiềm năng sáng tác, cái sinh lực sáng tạo về đường tinh thần của một dân tộc. Mà chính cái nếp sinh hoạt văn học đó là cái gì phản ảnh cuộc sống xã hội củ quốc gia đó cũng như chính cái tiềm năng và sinh lực sáng tạo kia cũng là cái gì đã góp phần biểu dương lên được sức mạnh tinh thần, sức sống của dân tộc đó vậy.

---

(1) Vũ Ngọc Phan: Nhà Văn Hiện Đại, quyển 4 tập hạ, xb Vĩnh Thịnh, Hà nội 1951, trang 248.

(2)Nói về các khuynh hướng tiểu thuyết, Vũ Ngọc Phan gọi là những " Loại tiểu thuyết" và lúc đầu ông chia làm 8 loại (quyển 1- Lời Nói Đầu) nhưng về sau khi áp dụng thực sự vào sách thì ông lại thêm vào 2 loại khác nữa (quyển IV và V), tổng cộng là "10 loại" tiểu thuyết tất cả. (CHK)

(3) Ví dụ trường hợp Trần Hoài Thư, Ngụy Ngữ có truyện đăng trên Vấn Đề, Văn lẫn Bách Khoa và cả trên Trình bày, Đối Diện nữa.

(Chú thích của TQBT: Nhà văn THT không hề viết cho Đối Diện. Xin nói lại cho đúng).

TQBT
Giới Thiệu Sách

LTS: Mục này do nhà văn Phạm văn Nhàn phụ trách. Sách báo xin gởi về:
Phạm văn Nhàn/ Thư Quán Bản Thảo
2004 Heather Street
Amarillo, TX 79107

Trong tháng qua, TQBT có nhận hai tập thơ của hai tác giả quen thuộc từ trong nước gởi ra: Tập thơ **Mây Nổi** của **Phạm Ngọc Lư**. Và tập thơ: **Người Lính Sàigòn gởi Washington** của nhà thơ **Huỳnh Hữu Võ** .

* Tập thơ: **Mây Nổi** của Phạm Ngọc Lư
Đây là tập thơ thứ 2, sau tập ĐAN TÂM do Thư Ấn Quán xuất bản vào năm 2004 tại Hoa Kỳ.
MÂY NỔI dầy khoảng 96 trang. Không thấy ghi giá bán. Chỉ dành tặng thân hữu. Gồm 46 bài và một phụ bản: Nhờ Gió Đưa Duyên... của Cao Vị Khanh. Phụ bản này đã đi trên TQBT số 27 phát hành tháng 3-2007.
46 bài thơ trong tập MÂY NỔI của Phạm Ngọc Lư , viết với nhiều thể loại: lục bát, bảy chữ, và tự do.
Đây là tập thơ hoàn toàn do anh tự làm. Từ đánh máy, layout và đóng. Nhìn chung không được sắc sảo như những tập thơ in từ những nhà in trong nước. Nhưng rất dễ chịu khi cầm tập thơ trên tay.
MÂY NỔI như cuốn thơ để anh gởi vào đó tâm sự. Đọc lên nghe buồn. Còn buồn hơn tập thơ ĐAN TÂM . Như trong bài: *Đêm Nước Lũ (Bỗng thấy đời ta nổi lều bều/ Giữa trùng trùng âm binh thủy tặc).*Tuy nhiên ở thời điểm nào, thơ Phạm Ngọc Lư vẫn với những con chữ được lựa chọn kỹ lưỡng làm cho người đọc rất thích thú khi đọc. Như trong bài Biên Cương Hành, dù sáng tác vào năm 1972, nhưng đọc lại những con chữ như nhát gươm chém

xuống đá. Dũng mãnh và hào khí. Ngay như chỉ trong mấy câu đầu của bài Biên Cương Hành (*Biên cương biên cương chào biên cương/ Chào núi cao rừng thẳm nhiễu nhương/Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt/ Núi chập chùng như dãy mồ chôn…)*
Ngoài 46 bài thơ trong tập Mây Nổi, còn có 2 phụ bản là thủ bút của anh.
Được biết Phạm Ngọc Lư sinh năm 1946 tại Thừa Thiên. Hiện cư ngụ ở Đà Nẵng.
Trước 1975 đã có truyện, thơ đi trên Nghệ Thuật, Văn, Bách Khoa, Khởi Hành, Trình bày, Ý Thức, Tuổi Ngọc...
Nhìn hình anh hôm nay (trong tập thơ) khác xa những năm tháng chúng tôi gặp anh ở Tuy Hòa, khi anh còn dạy học. 50 năm đã qua. Hai tập thơ ĐAN TÂM và MÂY NỔI vẫn còn hiện hữu như ngày nào của 50 năm về trước. (PVN)

* Tập thơ: **Người Lính Sài Gòn gởi Washington** của **Huỳnh Hữu Võ**
Dầy 90 trang, không thấy ghi giá bán . Đây là tập thơ do anh tự làm. Dù không đẹp và sắc sảo bằng tập thơ MÂY NỔI của Phạm Ngọc Lư. Nhưng đây là tập thơ tâm huyết của Huỳnh Hữu Võ, tôi đọc và nghĩ về anh như thế. Gồm 41 bài làm trước năm 1975 tập hợp lại để in thành tập sách mỏng gởi tặng bạn bè và các thân hữu. Ngoài những bài thơ ra còn có bốn phụ bản là những bản nhạc được phổ từ thơ anh. Những nhạc sĩ như: Phạm Duy (Đi vào Quê Hương), Nguyễn Văn Tý (Trên Đỉnh Sương Mù), Phan Anh Dũng, (phổ nhạc 2 bài: Sài Gòn Mưa và Hà Nội Trong Tôi).
Huỳnh Hữu Võ là tên thật. Trước 1975 anh còn có thêm những bút hiệu khác: Thi Vũ Hà Như, Thanh Vũ, Hoa Đất Nắng.
Sinh năm 1942 tại Lâm Lôc- Hòa Đa- Bình Thuận.
Anh nguyên là hội viên "Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội" do

cựu Đại tá Trần Văn Trọng làm chủ tịch.
Bài thơ *Người Lính Sài Gòn Gởi Washington* mà anh chọn làm nhan cho tập thơ thứ hai của anh sau tập Dấu Ngựa Hồng (in chung) vào năm 1967.
Xin trích bài : Người Lính Sài Gòn Gởi Washington để gởi đến độc giả TQBT , và giới thiệu nhà thơ Huỳnh Hữu Võ. Và, anh chỉ là người lính Nghĩa quân đóng ở xã Lâm Lộc, nơi quê của anh. Không phải người lính nhảy dù như ông Nam Lộc giới thiệu trong DVD của Asia (Lá Thư Từ Chiến Trường).

Khi chiến tranh chấm dứt
tôi sẽ trở về miền thôn dã
lấp hố bom trồng cây mận cây xoài
chờ cây lớn đơm thật nhiều trái chín
hái về cúng cha vì người chết nơi này

Khi chiến tranh chấm dứt
tôi sẽ trở về miền thôn dã
múc nước hố bom tưới cau tưới trầu
chờ cau lớn trầu đơm nhiều lá
tất cả chỉ dành cúng mẹ tôi thôi

Khi chiến tranh chấm dứt
tôi sẽ trở về miền thôn dã
đốn tre gốc vườn đan thật nhiều mê rổ
buổi sáng tôi bới đất sàng tìm mảnh xương
buổi chiều múc nước hố bom tưới vườn
buổi tối tôi chong đèn suốt sáng
cái này là mảnh bom!
cái này là mảnh xướng!
còn đây là thịt vụn!
thịt này là của ai?
xương này là của ai?
bom này là của ai?

Khi chiến tranh chấm dứt
tôi sẽ dành một vuông đất trong vườn
và chia ra thành ba phần mộ
nấm chôn mảnh xương tôi đề bia tên cha
sinh năm 1916 tại Tăng Lộc thôn
người đã một thời dùng gậy gộc đuổi Tây
nấm chôn thịt vụn tôi đề bia tên mẹ
sinh năm 1920 nơi ruộng đồng Nha Mí
suốt một đời chan nước mắt nuôi con
nấm chôn mảnh bom tôi khắc hai xương chéo
vẽ lên trên một chiếc sọ người
nhỡ mai này con tôi khôn lớn
nhìn phần mộ này mà căm hận thay tôi

Khi chiến tranh chấm dứt
tôi sẽ trở về miền thôn dã
với mớ ý thức đen
và hai bàn tay đã chai mòn thép súng.

Văn Hóa Việt Nam. Số 40, mùa xuân, năm 2008. Tạp chí ***bảo tồn, phát huy văn học, nghệ thuật.*** Đó là tiêu đề của tạp chí, phát hành ba tháng một kỳ tại Houston. Do Phạm Quang Tân làm chủ nhiệm. Lê Cần Thơ làm chủ bút.
Ngoài ban biên tập ra (11 người), còn có một lực lượng cộng tác rất đông đảo. Có lẽ chưa có một lực lượng cộng tác nào đông như thế đối với một tạp chí ở hải ngoại . Ngoài những cây bút quen thuộc ra, cũng có những cây bút mới, lạ. Tất cả tập hợp trong tạp chí này. Ngoài những bài biên khảo về Văn, Sử, Địa còn có những sáng tác thơ văn khác xen kẻ, cũng như có những bài viết dưới dạng "Đất Nước và Con Người". Cũng có những bài viết không nằm trong *"bảo tồn, phát huy văn học"*. Một tựa đề rất khó cho một tạp chí mà chủ nhiệm đã chọn .
Với số 40, VHVN dành ra nhiều trang để tưởng niệm cụ

Giáo sư Nguyễn Khắc Kham, cựu Giám đốc Nha văn khố và Thư viện quốc gia, cựu Giáo sư Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa Sàigòn. Từ trần lúc 14:00 ngày 8-3-2007 tại San Jose, CA. Hưởng đại thọ 100 truổi. Gồm nhiều người viết tên tuổi, như: **Nguyễn Văn Sâm, Doãn Quốc Sỹ, Lê Văn Đặng, Lưu Khôn, Tạ Quốc Tuấn.**
Không thấy ghi giá bán.
Dù gì, với **Văn Hóa Việt Nam** một tạp chí dầy vào khoảng 200 trang, khổ 5 ½"x 8 ½", bìa láng, phát hành đều đặn (ba tháng một kỳ) tới số 37. Cũng là một điều đáng khâm phục trong thời điểm báo free phát hành "quá nhiều" ở Houston. Chúc VHVN sống lâu để " Văn Hóa Còn- Dân Tộc Còn ".

Tòa soạn cũng xin được cám ơn tác giả và nhà xuất bản sau đây. Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc TQBT.

*** Trèo lên cây bưởi,** phiếm của Tầm Xuân. Trẻ magazine xuất bản 2008. Giá $12. Địa chỉ liên lạc: Trẻ Magazine, P.O Box 462432, Garland TX 75042-2432 USA

*** Rì Rào Sóng Vỗ.** Tập truyện của Huy Trâm, Hương Văn xuất bản 2008. Sách dày 144 trang. Giá $15. Liên lạc tác giả ĐT: 714-891-7438

*** Cõi Bình Yên.** Thi phẩm của Huy Trâm. Hương Văn xuất bản 2007. Sách dày 62 trang. Đề giá $12.

*** Lịch Sử Còn Đó.** Biên khảo lịch sử của Nguyễn văn Lục. Tân Văn xuất bản. Sách dày 518 trang, giá $20. Liên lạc: Nhà xuất bản Tân Văn 13861 Seaboard Circle, Garden Grove, CA 92843. Tel: (714) 265-0800

.

Giữa TQBT và Bạn đọc

(Trần Hoài Thư & Phạm văn Nhàn phụ trách)

Nhắn tin chung:

- Tòa soạn nhận nhiều sáng tác, nhất là thơ gởi về đóng góp. Nếu bài hạp với chủ trương TQBT, tòa soạn sẽ E Mail cho biết trong vòng ba tuần để xin đừng gởi đến các nơi khác. Ngoài ra, vì số trang có hạn, mong quí bạn thông cảm nếu thấy có sự đăng bài chậm trễ.
- Bài vở xin gởi bằng Email, có thể dùng mọi font. Tuy nhiên những font thuộc dạng Unicode là thích hợp nhất.
- Vì là tờ báo không bán nên thay vì nhuận bút, chúng tôi xin đượcgởi thêm báo tặng. Nếu tác giả có bài trong TQBT cần thêm báo để làm quà cho thân hữu, xin vui lòng cho chúng tôi biết số lượng, chúng tôi sẽ gởi đến quí vị.

Trân trọng cám ơn.

Đính chánh:

* Thư Quán Bản Thảo số 31, trong truyện ngắn "Gió Lên" của Trần Hoài Thư, trang 176, đoạn cuối**:** *Chàng gân cổ hát hò, ngâm thơ Hữu Loan, Dương Bá Trạc.*
Xin sửa **Dương Bá Trạc** thành **Nguyễn Bá Trác**.

* Bài thơ "Chiếc áo cũ" của Lâm Anh, trang 94:

Bao năm đời nhuộm áo
Đo lòng em – lòng con

xin vui lòng sửa lại:

Bao năm đời nhuộm áo

Đỏ lòng em – lòng con

Xin thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc và tác giả.

Trả lời thư độc giả

* Nhà thơ VĐT :

Trước hết thành thật cám ơn anh đã gởi đến chúng tôi những câu hỏi mà anh đã đọc trong TQBT số 31.
1/ Về nhà thơ Nguyễn Hải Thệ (Ngy Do Thái). Đáng lý ra tôi phải nhờ anh Lương Thư Trung để trả lời cho anh câu hỏi mà anh đưa ra. Nhưng tôi thấy cũng chẳng có gì quan trọng lắm về những "thắc mắc" này. Nên tôi xin trả lời- thông cảm- Có lẽ anh cũng biết và đồng ý với tôi là cũng tùy theo người, và cũng tùy theo hoàn cảnh xã hội, cuộc sống của từng người nữa mà việc học sớm hay trễ cũng thường thôi. Như có trường hợp những bạn bè của tôi từ quê ra tỉnh để học ở cái tuổi thường lớn hơn các anh ở thành phố. Thường là ba hay bốn tuổi.
2/ Làm thơ đâu có chờ tuổi tác? Với anh có lẽ là thường, không lạ. Nhưng với những người bắt đầu làm thơ ở cái tuổi trẻ- rất trẻ là một "hiện tượng" không nhiều. Anh đồng ý.?
3/ Để trả lời anh về nhà văn NLU. Xin thưa với anh là phần viết về tiểu sử của NLU, tôi chỉ viết ngắn gọn. Do đó tôi không viết những năm 58, 59 khi NLU bắt đầu viết những bài thơ ngắn đi trên báo thiếu nhi, như Măng Non, Tuổi Hoa...Cho nên tôi ghi chung là khoảng cuối thập niên 50 đầu thập niên 60 là vậy.
Thật sự NLU bắt đầu đi vào đường viết lách với cái truyện ngắn đầu tay của anh có cái tên là: Loài Chim Trời đi trên Văn, số 109. Phát hành vào ngày 1-7-1968.
Còn trước những năm 1968, anh viết lung tung trên các báo ở SG, nhưng không có tên tuổi chi cả . Mãi đến khi truyện Loài Chim Trời đi trên Văn. độc giả mới biết về anh. (PVN)

Ông Ph.v.Th., CA

Chúng tôi đã chuyển lời khen ngợi cũng như đề nghị của anh

đến nhà phê bình ĐT. Riêng về bài thơ của Trần Huiền Ấn mà anh nhờ chúng tôi sưu tầm, để "*đọc cho biết phản động ra răng*" thật ra có nhan đề *Bài hát ngày về* chứ không phải *Khúc/Tiếng hát ngày về* như anh viết. Bài thơ nầy được sáng tác vào năm 1999, đã một thời gây nhiều khốn đốn cho nhà thơ THA. Kính (THT)

BÀI HÁT NGÀY VỀ

Ta ngồi lại soi xuống dòng suối rách
Vốc nước lên kỳ cọ mặt mày
Hồi ta ra đi hai bàn tay trắng
Giờ ta trở về trắng hai bàn tay

Giá như người xưa...gác gươm sườn đá
Tháo đôi giày cỏ thả trôi
Cởi áo vắt vai cười ha hả
Vời trông bốn hướng đất trời

Ta, một kẻ hèn- kẻ hèn đời mới
Hèn, không đáng mặt kẻ hèn
Đức bạc tài sơ, bảy chìm ba nổi
Sao còn vất vả đua chen

Dãy đồi bên kia là lau là cỏ
Có cây đa già toả mát trăm năm
Giá như người xưa- cùng bầy trẻ nhỏ
(Mặc áo Huyền Đoan đội mũ Chương Phủ)
Múa ca vui với trăng rằm

Ta còn gì chăng? Trái tim nguội lạnh
Ta còn gì chăng? Khối óc rỗng không
Tầm mắt yếu không đủ nhìn cuối dặm
Đâu bóng con trâu nhoà nhạt giữa đồng

Mặt sạm da mồi tóc râu ngã bạc
Ta trở về quê lỡ thợ lỡ thầy
Muốn theo Lão Tiều non đu hái củi
Sợ lưỡi rìu làm chảy máu thân cây

(Trích từ thi phẩm *Rừng Cao* của Trần Huiền Ân nhà xuất bản Thanh Niên tháng 9-2007, bản tác giả gởi tặng.)

Nhắn tin:

* Nhà thơ Hoàng Ngọc Châu:
Truyện **Chị Bẹo** của anh, chúng tôi sẽ sắp xếp đi vào số sau. Như một trang mà TQBT đã mở ra, để đi lại những tác phẩm trước 1975 để làm sống lại những "tác phẩm và tác giả" một thời. Chúc anh khỏe. Nếu có dịp lên Đà Lạt, cho gởi lời thăm nhà thơ Nguyễn Dương Quang . Anh đã nhận được TQBT 31 ? (PVN)
* Nhà văn Nguyên Minh: Truyện ngắn *Người Thủ Môn* đọc thích lắm. Bịnh đã ổn chưa mà viết hăng quá vậy? (PVN)
* Nhà văn Lê Nam Phương. Truyện: Gọi Tên Người Yêu Dấu của anh viết như môt kỷ niệm ngày nào. Nhưng, có lẽ anh viết xong gởi qua ngay cho chúng tôi? Cho nên chưa sửa lại những lỗi sai. Đọc, nhớ lại những kỷ niệm ở khu 6 Quy Nhơn . Cái thời mà chúng mình còn rất trẻ. Thân (PVN)
* Nhà thơ Vũ Hoàng Thư: Tôi sẽ làm như điều anh gợi ý. Anh xem Phần nhắn tin chung thì rõ. Cám ơn anh. Tình thân (THT)
* Nhà thơ Đynh Trầm Ca (VN): Chúng tôi muốn xuất bản tập thơ của anh, để đại diện anh tặng bạn bè ở hải ngoại.. Nếu anh bằng lòng xin liên lạc với tòa soạn. Thân hữu nào ở VN đọc được tin này xin làm ơn nhắn lại. Cám ơn (THT)
* Nhà thơ Kiệt Tấn (Pháp): Xin được cám ơn anh đã tặng hai tập thơ quí và những lời khích lệ.
Riêng đề nghị của anh: "Nếu chuyển về xứ ta một vài bộ thì hay biết mấy" chúng tôi đã thực hiện từ lâu (Xin anh đọc bài Viết Chung của Phạm Văn Nhàn cũng như vài lá thư của độc giả ở trong nước được đăng tiếp theo thì rõ).
Ngoài ra, chúng tôi mong được tái bản tập thơ *Điệp Khúc Tình Yêu và Trái Phá* Sáng Tạo xuất bản 1966 trong Tủ Sách Di Sản Văn chương miền Nam. Rất mong tin anh. Tình thân (THT).

Thư bạn đọc

LTS:
Tòa soạn xin được phép trích một vài lá thư của bạn đọc từ VN gởi ra qua điện thư.
C húng tôi xin phép tác giả lá thư được bỏ những chữ có thể gây ngộ nhận là đánh bóng cá nhân(...)

Thư của một bạn trẻ ở Hà Nội

....Cháu chỉ mới được tiếp xúc với Văn Học Miền Nam vài năm trở lại đây, không nhiều và chủ yếu qua mạng Internet. Cháu rất yêu thích mảng văn học này, mảng văn học mà chúng cháu không được học suốt từ phổ thông cho đến đại học. Đặc biệt cháu rất mê thơ Bùi Giáng và Thanh Tâm Tuyền. Trong nước cháu cũng đã tìm mua được thơ Bùi Giáng, vài tập sách của Dương Nghiễm Mậu. Và cũng chỉ có vậy. Cho nên khi được biết có một tập sách đồ sộ về thơ Miền Nam cháu ao ước được có một quyển nên mới đánh liều hỏi bác. Cháu rất vui vì những dòng hồi âm của bác, bác ạ. Cháu cám ơn bác rất nhiều!

Hiện cháu đang học tại Hà Nội, còn quê cháu ở Miền Trung. Cháu cũng chưa một lần được vào miền Nam nhưng sức hút của một thời văn học trong đó đối với cháu là rất lớn. Cháu còn đang dự định hoàn thành chương trình tốt nghiệp bằng một nghiên cứu về thơ miền Nam, chỉ tiếc vốn hiểu biết về văn học của cháu còn quá mỏng, hy vọng với niềm yêu thích của mình cháu sẽ cố gắng khắc phục được phần nào.

Thư của một người trẻ 29 tuổi, hiện sống ở Sài Gòn

...Cách đây khoảng ba năm, cháu có đọc được một bản copy cuốn sách "Văn học Việt Nam, tổng quan" của nhà văn Võ Phiến. Trong đó có một số đoạn trích thơ thời chiến của miền Nam trước 1975. Những đoạn trích ngắn ngủi đó khiến cháu rất cảm động, ngạc nhiên và ngưỡng mộ. Chúng khiến cháu liên tưởng đến hình ảnh ba cháu ngày còn trẻ, những câu chuyện khi ông còn là người lính trẻ lúc đó. Những bài thơ rất phóng khoáng, tự do, lãng mạn, rất nhân bản và rất tài hoa. Cuốn sách đó thôi thúc cháu tìm kiếm những tài liệu về Văn học miền

Nam.
Tuy nhiên hiện giờ đó là những thứ còn rất hiếm hoi trên đất nước này.
Chiều hôm qua, cháu có trò chuyện với nhà văn Mường Mán, và ông khoe là ông có được mấy bài thơ được giới thiệu trong tuyển tập "Một Thời Lục bát miền Nam" do bác sưu tầm rất công phu.
Cháu mong muốn mua được cuốn sách đó và tìm tên bác và Thư Ấn Quán trên mạng Internet thì lại phát hiện ra là bác còn thực hiện sưu tầm hai tập "Thơ miền Nam trong thời chiến".
Giống như người khát gặp mưa, cháu mạo muội viết ngay thư này cho bác để xin mua 3 tập sách ấy nếu có thể được (vì cháu thấy sách của Thư Ấn Quán không phát hành rộng rãi).
Cháu và ông xã đều là người làm nghề viết lách, tuy không có tên tuổi gì, cũng không dám tự nhận mình thuộc giới văn nghệ sĩ miền Nam sau 1975 nhưng rất yêu Sài gòn và yêu văn học - văn hoá của miền Nam. Chúng cháu thật sự mong có được những công trình đồ sộ đáng quý của bác trong thư viện của mình.
(...)
Dù có mua được sách hay không, cháucũng xin cám ơn bác về những công sức và tâm huyết trong việc gìn giữ những di sản Văn học (cũng là một phần Văn hoá) miền Nam để những giá trị đó không thể bị người ta cố tình chối bỏ hay vô ý lãng quên.
(...)

Thư của một bạn thơ (VN):

...Một nền văn chương vô cùng nhân bản và trác tuyệt, tưởng đã bị vùi dập trong lòng đất, đã được hồi sinh một cách quang vinh, hiên ngang đứng trong trời đất...vươn vai cùng với đất trời bốn biển ! Trong số những người cầm bút ở MN trước 1975, có rất nhiều anh chị đã vĩnh vĩnh ra đi... có bao người đã bị cuộc đời dập vùi nghiệt ngã mà vĩnh viễn không còn cầm bút... sau 33năm, giờ đây chợt thấy đứa con tinh thần thưở xưa, trở về hiển hiện trước mắt mìnhcòn tươi rói nhựng máu và ngát thơm mùi thịt da huyết hệ ! Còn điều gì to tát hơn, quý giá hơn phần quà tinh thần ấy... Những anh chị đã chẳng may đã ra người

thiên cổ, giờ đây con cháu các anh chị ấy, khi đọc lại được tác phẩm của ông cha mình họ sẽ tự hào và xúc động đến ngần nào !

Thư của nhà thơ TK (VN)

Mãi tới hôm nay tôi mới nhận được ba quyển sách anh gởi tặng. Lần trước trong hành lý không còn chỗ nên về nước lần này đứa cháu mới mang theo được. Rất cám ơn anh.
(...)
Tôi dở từng trang sách mà lòng vô cùng xúc động như thể đang chạm tay vào một điều gì thiêng liêng lắm - Sau đó đọc lời mở của anh và lời giới thiệu của anh Đặng Tiến tôi mới hiểu, mình có cảm giác như đứng trước một "nghĩa trang" văn học, được nhìn thấy lại phần đọng lại của những cảm xúc từ những người làm thơ ở miền Nam một thời, tưởng đã bị chôn vùi hay xóa bỏ đi vĩnh viễn, không còn cách nào tìm lại được. Và tôi cảm thông với cảm giác của anh khi đánh máy lại những bài thơ "như gõ vào chính tim mình những điều đau buốt."
(....)

Tin vui

Chúng tôi nhận được hồng thiếp từ VN, báo tin anh chị Trần Dzạ Lữ làm lễ thành hôn cho Ái nữ là cháu Trần Nữ Nguyệt Cầm cùng cậu Cáp văn Cẩm thứ nam của Bà Quả phụ Cáp văn Thổ. Hôn lễ được cử hành tại tư gia vào ngày 30/5/2008 tại Saigon.
Nhân dịp ngày trọng đại của hai cháu, tòa soạn và nhóm chủ trương TQBT xin gởi về họ hàng hai bên những lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Riêng hai cháu: một đời vợ chồng yêu nhau mãi mãi.